

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KIẾN TRÚC ĐÀ NẴNG
KHOA KINH TẾ
BỘ MÔN KẾ TOÁN**

-----ش-----



KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

ĐỀ TÀI:

**KẾ TOÁN TẬP HỢP CHI PHÍ SẢN XUẤT VÀ TÍNH GIÁ THÀNH
SẢN PHẨM XÂY LẮP TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG HOÀNG
TRUNG NA.**

Giảng viên hướng dẫn:	TS. Trần Thượng Bích La
Sinh viên thực hiện :	Trần Thị Nhung
Mã số sinh viên :	2254010078
Khóa học :	2022-2026
Lớp :	22KH2

Đà Nẵng, tháng 6 năm 2026

MỤC LỤC

CHƯƠNG I: CƠ SỞ LÝ LUẬN VỀ KẾ TOÁN TẬP HỢP CHI PHÍ VÀ TÍNH GIÁ THÀNH SẢN PHẨM XÂY LẮP TRONG DOANH NGHIỆP XÂY DỰNG.....	9
1.1. Tổng quan về chi phí sản xuất và tính giá thành trong doanh nghiệp xây dựng.	1
1.1.1. Khái niệm và phân loại chi phí sản xuất trong doanh nghiệp xây dựng	1
1.1.1.1. Khái niệm chi phí sản xuất trong doanh nghiệp xây dựng.....	1
1.1.1.2. Phân loại chi phí sản xuất trong doanh nghiệp xây dựng.....	4
1.1.2. Khái niệm và phân loại giá thành sản phẩm xây lắp trong doanh nghiệp xây dựng.....	4
1.1.2.1. Khái niệm giá thành trong doanh nghiệp xây dựng.....	12
1.1.2.2. Phân loại giá thành theo thời điểm và nguồn dữ liệu tính giá thành.....	13
1.2. Đặc điểm hoạt động xây dựng ảnh hưởng đến công tác kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành trong doanh nghiệp xây dựng.....	8
1.3. Vai trò và nhiệm vụ của kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành trong doanh nghiệp xây dựng.....	9
1.4. Vai trò và nhiệm vụ của kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành trong doanh nghiệp xây dựng.....	9
1.4.1. Đối tượng tập hợp chi phí sản xuất trong doanh nghiệp xây dựng.....	10
1.4.2. Phương pháp tập hợp chi phí sản xuất và phân bổ chi phí sản xuất trong doanh nghiệp xây dựng.....	10
1.4.3. Kế toán tập hợp chi phí sản xuất trong doanh nghiệp xây dựng.....	20
1.4.3.1. Kế toán tập hợp chi phí nguyên vật liệu trực tiếp.....	20
1.4.3.2. Kế toán tập hợp chi phí nhân công trực tiếp.....	22
1.4.3.3. Kế toán tập hợp chi phí sử dụng máy thi công.....	24
1.4.3.1. Kế toán tập hợp chi phí sản xuất chung.....	27
1.4.4. Mối quan hệ giữa chi phí sản xuất và giá thành sản phẩm.....	20
1.5. Kế toán giá thành sản phẩm trong doanh nghiệp xây dựng.....	20

1.5.1. Đối tượng và kỳ tính giá thành sản phẩm trong doanh nghiệp.	20
1.5.2. Phương pháp đánh giá sản phẩm dở dang cuối kỳ.	30
1.5.3. Phương pháp tính giá thành sản phẩm trong doanh nghiệp xây dựng.	24
CHƯƠNG II. THỰC TRẠNG KẾ TOÁN TẬP HỢP CHI PHÍ SẢN XUẤT VÀ TÍNH GIÁ THÀNH CÔNG TRÌNH XÂY DỰNG TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG HOÀNG TRUNG NA.	29
2.1. Tổng quan về Công ty cổ phần xây dựng Hoàng Trung Na.	29
2.1.1. Khái quát chung về Công ty cổ phần xây dựng Hoàng Trung Na.	29
2.1.2. Lịch sử hình thành và phát triển Công ty cổ phần xây dựng Hoàng Trung Na.	29
2.1.3. Những lĩnh vực kinh doanh và mục đích phát triển của Công ty cổ phần xây dựng Hoàng Trung Na.	30
2.1.4. Tổ chức bộ máy quản lý tại Công ty cổ phần xây dựng Hoàng Trung Na.	40
2.1.5. Đặc điểm bộ máy kế toán tại Công ty cổ phần xây dựng Hoàng Trung Na.	33
2.1.5.1. Cơ cấu tổ chức bộ máy kế toán.	33
2.1.5.2. Đặc điểm hoạt động của bộ máy kế toán.	33
2.1.5.3. Chính sách kế toán áp dụng tại Công ty Cổ phần Xây dựng Hoàng Trung Na.	33
2.1.5.4. Hình thức sổ kế toán tại Công ty Cổ phần Xây dựng Hoàng Trung Na.	33
2.2. Thực trạng kế toán tổng hợp chi phí sản xuất tại Công ty Cổ phần Xây dựng Hoàng Trung Na.	39
2.2.1. Tổng quan hoạt động xây dựng tại Công ty Cổ phần Xây dựng Hoàng Trung Na:	39
2.2.2. Đối tượng tập hợp chi phí sản xuất tại Công ty Cổ phần Xây dựng Hoàng Trung Na:	39
2.2.3. Nội dung kế toán tổng hợp chi phí sản xuất tại Công ty Cổ phần Xây dựng Hoàng Trung Na:	50

2.2.3.1. Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp.	50
2.2.3.2. Chi phí nhân công trực tiếp.	59
2.2.3.3. Chi phí sử dụng máy thi công.	64
2.1.3.4. Chi phí sản xuất chung.	67
2.2.4. Kế toán tổng hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm tại Công ty Cổ phần Xây dựng Hoàng Trung Na.	61
2.2.4.1. tổng hợp chi phí sản xuất tại Công ty Cổ phần Xây dựng Hoàng Trung Na.	70
2.2.4.2. Đánh giá sản phẩm dở dang cuối kỳ tại Công ty Cổ phần Xây dựng Hoàng Trung Na.	74
2.2.4.3. Đối tượng và kỳ tính giá thành sản phẩm xây dựng tại Công ty Cổ phần Xây dựng Hoàng Trung Na.	76
2.2.4.4. Phương pháp tính giá thành sản phẩm xây lắp tại Công ty Cổ phần Xây dựng Hoàng Trung Na.	78
CHƯƠNG III. ĐÁNH GIÁ CHUNG VÀ MỘT SỐ Ý KIẾN ĐỀ XUẤT NHẪM HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN TẬP HỢP CHI PHÍ SẢN XUẤT VÀ TÍNH GIÁ THÀNH SẢN PHẨM XÂY DỰNG TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG HOÀNG TRUNG NA.	75
3.1. Nhận xét chung về công tác kế toán tại đơn vị.	75
3.1.1. Ưu điểm.	75
3.1.1.1. Về công tác kế toán tập hợp chi phí sản xuất.	75
3.1.1.2 Công tác tính giá thành sản phẩm.	75
3.1.1.3. Bộ máy kế toán.	75
3.1.1.4.Hệ thống chứng từ.....	75
3.1.1.5. Hình thức ghi sổ ở phần mềm	75
3.1.2 Hạn chế:	79
3.1.2.1. Công tác tập hợp chi phí sản xuất.	75

3.1.2.2. Công tác tính giá thành sản phẩm.	75
3.1.2.3. Bộ máy kế toán	75
3.1.2.4. Hình thức ghi sổ kế toán ở phần mềm.	75
3.3. Một số giải pháp góp phần hoàn thiện công tác kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm tại Công ty Cổ phần Xây dựng Hoàng Trung Na.	84
3.3.1. Giải pháp tập hợp chi phí sản xuất:	85
3.3.2. Giải pháp tính giá thành.	89
3.3.3. Bộ máy kế toán.	90
3.3.4. Chứng từ kế toán.	91
3.3.5. Hình thức sổ kế toán ở phần mềm.	91

DANH MỤC SƠ ĐỒ.

<i>Sơ đồ 1 : Sơ đồ hạch toán chi phí NVL trực tiếp.....</i>	<i>13</i>
<i>Sơ đồ 2 : Sơ đồ hạch toán chi phí nhân công trực tiếp.....</i>	<i>15</i>
<i>Sơ đồ 3 : Sơ đồ hạch toán chi phí máy thi công, trường hợp tổ chức kế toán riêng cho đội thi công.....</i>	<i>16</i>
<i>Sơ đồ 4 : Sơ đồ hạch toán chi phí máy thi công, Trường hợp không có kế toán.....</i>	<i>17</i>
<i>Sơ đồ 5 : Chi phí hạch toán chi phí sản xuất chung.....</i>	<i>19</i>
<i>Sơ đồ 6 : Sơ đồ cơ cấu tổ chức bộ máy quản lý công ty.....</i>	<i>31</i>
<i>Sơ đồ 7 : Sơ đồ bộ máy kế toán tại Công Ty Cổ phần Xây dựng Hoàng Trung Na.</i>	<i>33</i>
<i>Sơ đồ 8 : Sơ đồ hình thức nhật ký chung tại Công ty Cổ phần Xây dựng Hoàng Trung Na.....</i>	<i>36</i>
<i>Sơ đồ 9 : Sơ đồ trình tự ghi sổ kế toán tại Công ty Cổ phần Xây dựng Hoàng Trung Na.....</i>	<i>37</i>
<i>Sơ đồ 10 : Sơ đồ quy trình sản xuất.....</i>	<i>39</i>

DANH MỤC VIẾT TẮT

TSCĐ	Tài sản cố định
CP.NVLTT	Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp
CP.NCTT	Chi phí nhân công trực tiếp
CP.SD MTC	Chi phí sử dụng máy thi công
CP.SXC	Chi phí sản xuất chung
CP DDĐK	Chi phí dở dang đầu kỳ
CP PSTK	Chi phí phát sinh trong kỳ
CP DDCK	Chi phí dở dang cuối kỳ
TK	Tài khoản

LỜI CẢM ƠN

Sau khoảng thời gian học tập và rèn luyện tại trường, cùng với quá trình thực tập và tìm hiểu thực tế tại doanh nghiệp, em đã hoàn thành được khóa luận tốt nghiệp với đề tài: “ **Kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm xây lắp tại Công ty Cổ phần Xây dựng Hoàng Trung Na**”. Để hoàn thành được bài khóa luận này, em đã nhận được rất nhiều sự quan tâm, giúp đỡ và động viên quý báu từ phía nhà trường, quý thầy cô, đơn vị thực tập, gia đình và bạn bè. Trước hết, em xin bày tỏ lòng biết ơn sâu sắc đến Ban Giám hiệu nhà trường cùng toàn thể quý thầy cô trong khoa đã tận tình giảng dạy, truyền đạt cho em những kiến thức chuyên môn quý báu trong suốt thời gian học tập ở trường. Những kiến thức và kinh nghiệm mà quý thầy cô truyền đạt không chỉ là nền tảng giúp em hoàn thành khóa luận mà còn là hành trang quan trọng cho công việc và cuộc sống sau này.

Đặc biệt, em xin gửi lời cảm ơn chân thành và sâu sắc nhất đến giảng viên hướng dẫn - cô Trần Thượng Bích La, người đã luôn tận tình chỉ bảo, hướng dẫn, góp ý và hỗ trợ em trong suốt quá trình thực hiện khóa luận. Những ý kiến đóng góp quý báu của cô đã giúp em định hướng tốt hơn trong quá trình nghiên cứu, hoàn thiện nội dung và nâng cao kiến thức thực tế liên quan đến chuyên ngành kế toán doanh nghiệp xây lắp.

Em cũng xin chân thành cảm ơn Ban lãnh đạo cùng toàn thể anh chị nhân viên phòng kế toán tại Công ty Cổ phần Xây dựng Hoàng Trung Na đã nhiệt tình giúp đỡ, tạo điều kiện thuận lợi để em được tiếp cận với môi trường thực tế, cung cấp số liệu, chứng từ và giải đáp những thắc mắc trong quá trình thực tập tại công ty. Qua thời gian thực tập, em không chỉ học hỏi thêm nhiều kiến thức chuyên môn mà còn tích lũy những kinh nghiệm thực tế quý báu, giúp em hiểu hơn về công tác kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm trong doanh nghiệp xây lắp.

Mặc dù đã cố gắng tìm hiểu, nghiên cứu và hoàn thiện bài khóa luận với tinh thần nghiêm túc nhất, tuy nhiên do kiến thức thực tế và kinh nghiệm bản thân còn hạn chế nên bài khóa luận khó tránh khỏi những thiếu sót nhất định. Em rất mong nhận được những ý kiến đóng góp, nhận xét quý báu từ quý thầy cô để bài khóa luận của em được hoàn thiện hơn. Cuối cùng, em xin kính chúc thầy cô, Ban lãnh đạo cùng toàn thể cán bộ nhân viên Công ty Cổ phần Xây dựng Hoàng Trung Na luôn dồi dào sức khỏe, hạnh phúc và đạt được nhiều thành công trong công việc cũng như cuộc sống.

Em xin chân thành cảm ơn !

LỜI MỞ ĐẦU

Trong nền kinh tế thị trường hiện nay, ngành xây dựng giữ vai trò quan trọng trong quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Cùng với sự phát triển của nền kinh tế, nhu cầu đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng, nhà xưởng, công trình dân dụng và công nghiệp ngày càng gia tăng, tạo điều kiện cho các doanh nghiệp xây lắp mở rộng quy mô hoạt động và nâng cao năng lực cạnh tranh trên thị trường.

Tuy nhiên, hoạt động xây lắp có những đặc điểm riêng biệt như thời gian thi công kéo dài, địa điểm thi công phân tán, khối lượng công việc lớn và chi phí phát sinh phức tạp. Vì vậy, công tác kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm xây lắp có vai trò đặc biệt quan trọng đối với các doanh nghiệp xây dựng. Việc tổ chức tốt công tác kế toán chi phí và tính giá thành không chỉ giúp doanh nghiệp quản lý chặt chẽ các khoản chi phí phát sinh, tiết kiệm chi phí sản xuất mà còn là cơ sở để xác định đúng giá thành công trình, đánh giá hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh và nâng cao khả năng cạnh tranh của doanh nghiệp.

Trong thực tế, mỗi doanh nghiệp xây lắp sẽ có phương pháp tổ chức kế toán chi phí và tính giá thành khác nhau tùy thuộc vào đặc điểm sản xuất kinh doanh, quy mô hoạt động và yêu cầu quản lý của doanh nghiệp. Qua thời gian thực tập và tìm hiểu thực tế tại Công ty Cổ phần Xây dựng Hoàng Trung Na, em nhận thấy công tác kế toán tập hợp chi phí và tính giá thành sản phẩm xây lắp tại công ty có vai trò quan trọng trong việc quản lý chi phí và xác định kết quả kinh doanh. Bên cạnh những ưu điểm đạt được, công tác kế toán chi phí và tính giá thành tại công ty vẫn còn một số hạn chế cần được hoàn thiện nhằm nâng cao hiệu quả quản lý chi phí và tính chính xác của thông tin kế toán.

Xuất phát từ ý nghĩa thực tiễn đó, em đã lựa chọn đề tài: “ **Kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm xây lắp tại Công ty Cổ phần Xây dựng Hoàng Trung Na**” làm đề tài khóa luận tốt nghiệp.

Thông qua đề tài này, em mong muốn tìm hiểu thực tế công tác kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm xây lắp tại doanh nghiệp; đồng thời phân tích và đánh giá những ưu điểm, hạn chế còn tồn tại và đề xuất một số giải pháp góp phần hoàn thiện công tác kế toán tại công ty .

CHƯƠNG I: CƠ SỞ LÝ LUẬN VỀ KẾ TOÁN TẬP HỢP CHI PHÍ VÀ TÍNH GIÁ THÀNH SẢN PHẨM XÂY LẮP TRONG DOANH NGHIỆP XÂY DỰNG.

(Công ty có quy mô nhỏ và vừa nên áp dụng theo Thông tư 133/2016/TT - BTC, nên trong phần cơ sở lý luận chương 1 này bài luận sẽ trình bày các nội dung với TT 133/2016/TT - BTC)

1.1. Tổng quan về chi phí sản xuất và tính giá thành trong doanh nghiệp xây dựng.

1.1.1. Khái niệm và phân loại chi phí sản xuất trong doanh nghiệp xây dựng.

1.1.1.1. Khái niệm chi phí sản xuất trong doanh nghiệp xây dựng.

Hoạt động xây lắp là một bộ phận quan trọng trong lĩnh vực xây dựng cơ bản, bao gồm các hoạt động thi công, lắp đặt, sửa chữa, cải tạo các công trình xây dựng theo thiết kế kỹ thuật và hợp đồng đã ký kết giữa doanh nghiệp và chủ đầu tư. Sản phẩm của hoạt động xây lắp không phải là hàng hóa thông thường mà là các công trình, hạng mục công trình có giá trị lớn, mang tính cố định và phục vụ lâu dài cho nền kinh tế.

Và trong doanh nghiệp xây dựng, chi phí sản xuất là biểu hiện bằng tiền của toàn bộ hao phí về lao động sống và lao động văn hóa mà doanh nghiệp đã bỏ ra trong quá trình thi công xây dựng công trình, hạng mục công trình trong một thời kỳ nhất định. Các khoản chi phí này bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp, chi phí sử dụng máy thi công và chi phí sản xuất chung, được tập hợp nhằm phục vụ cho việc tính giá thành sản phẩm xây lắp và đánh giá hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.

Khác với các ngành sản xuất công nghiệp, sản phẩm xây lắp chỉ được xác định là hoàn thành khi được nghiệm thu đạt tiêu chuẩn kỹ thuật, đảm bảo chất lượng và được bàn giao đưa vào sử dụng. Do đó, quá trình hoàn thành sản phẩm xây lắp gắn liền với từng hợp đồng cụ thể và chịu sự giám sát chặt chẽ về kỹ thuật cũng như chi phí.

1.1.1.2. Phân loại chi phí sản xuất trong doanh nghiệp xây dựng .

a. Phân loại chi phí theo nội dung kinh tế ban đầu, bao gồm:

*** Chi phí nguyên vật liệu:**

Là toàn bộ giá trị các loại nguyên vật liệu chính, vật liệu phụ, nhiên liệu, phụ tùng thay thế và các vật liệu khác mà doanh nghiệp sử dụng vào quá trình sản xuất trong kỳ, phản ánh hao phí về đối tượng lao động.

*** Chi phí công cụ, dụng cụ:**

Là toàn bộ giá trị các loại công cụ, dụng cụ lao động có giá trị nhỏ hoặc thời gian sử dụng ngắn được sử dụng vào hoạt động sản xuất kinh doanh trong kỳ, phản ánh hao phí về tư liệu lao động của doanh nghiệp.

*** Chi phí nhân công:**

Là các khoản toàn bộ tiền lương, tiền công, phụ cấp và các khoản trích theo lương mà doanh nghiệp phải trả cho người lao động tham gia vào quá trình sản xuất kinh doanh doanh trong kỳ, phản ánh hao phí lao động sống của doanh nghiệp.

*** Chi phí khấu hao TSCĐ:**

Là phần giá trị hao mòn của tài sản cố định trong doanh nghiệp tính và phân bổ vào chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ theo quy định của chế độ kế toán hiện hành, phản ánh hao phí về tư liệu lao động của doanh nghiệp. Bao gồm khấu hao cyar tất cả TSCĐ, tài sản dài hạn dùng trong hoạt động sản xuất kinh doanh.

*** Chi phí dịch vụ mua ngoài:**

Là toàn bộ số tiền doanh nghiệp phải trả cho các dịch vụ do bên ngoài cung cấp nhằm phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh trong kỳ, phản ánh các khoản chi phí dịch vụ mà doanh nghiệp sử dụng từ bên ngoài.

*** Chi phí khác bằng tiền:**

Là toàn bộ các khoản chi phí phát sinh bằng tiền ngoài các yếu tố chi phí đã nêu trên nhằm phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh trong kỳ, phản ánh các khoản chi phí bằng tiền khác của doanh nghiệp.

b. Phân loại chi phí theo công dụng kinh tế:

*** Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp:**

Là toàn bộ chi phí nguyên vật liệu được sử dụng trực tiếp vào quá trình thi công công trình, cấu thành nên thực thể của sản phẩm xây dựng.

*** Chi phí nhân công trực tiếp:**

Là toàn bộ tiền lương, phụ cấp và các khoản trích theo lương của công nhân trực tiếp tham gia thi công công trình, hạng mục công trình.

*** Chi phí sử dụng máy thi công:**

Là toàn bộ các chi phí phát sinh liên quan đến việc sử dụng máy móc thiết bị thi công nhằm phục vụ quá trình xây dựng công trình, bao gồm chi phí nhiên liệu, tiền lương công nhân điều khiển máy, khấu hao máy và các chi phí liên quan khác.

*** Chi phí sản xuất chung:** Phản ánh toàn bộ các khoản chi phí phục vụ chung cho quá trình thi công, phát sinh công trình.

c. Phân loại chi phí theo mối quan hệ với mức độ hoạt động:

Theo tiêu thức này, chi phí trong kỳ bao gồm biến phí, định phí và chi phí hỗn hợp.

*** Biến phí:**

Biến phí là chi phí thay đổi theo mức độ hoạt động của doanh nghiệp. Khi khối lượng sản xuất hoặc thi công tăng thì tổng biến phí tăng, và ngược lại, biến phí trên một đơn vị sản phẩm thường không đổi, cụ thể trong doanh nghiệp xây dựng thường bao gồm:

- Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp được sử dụng cho thi công (tăng theo khối lượng công trình.

- Chi phí nhân công trực tiếp: Tiền lương, phụ cấp của công nhân thi công tính theo ngày công, khối lượng công việc.

- Chi phí sử dụng máy thi công: Nhiên liệu (xăng, dầu), chi phí vận hành máy tính theo giờ hoạt động và khối lượng công việc.

- Chi phí thuê ngoài theo khối lượng: Thuê nhân công, thuê máy hoặc dịch vụ thi công tính theo sản lượng thực hiện.

*** Định phí:** Định phí là những khoản chi phí không thay đổi hoặc ít thay đổi theo khối lượng thi công trong một phạm vi hoạt động nhất định, dù công trình làm nhiều hay ít vẫn phải phát sinh. Cụ thể định phí bao gồm:

- Chi phí khấu hao tài sản cố định: Máy móc, thiết bị thi công, nhà xưởng, văn phòng tính theo thời gian.

- Tiền lương nhân viên quản lý: Cán bộ quản lý công trình, nhân viên hành chính, kế toán được trả cố định hàng tháng.

- Chi phí thuê tài sản cố định: Thuê văn phòng, kho bãi, máy móc theo hợp đồng dài hạn.

- Chi phí dịch vụ mua ngoài cố định: Điện, nước, internet, bảo vệ,... ở mức ổn định.

- Chi phí quản lý doanh nghiệp: Chi phí hành chính, văn phòng phẩm, công tác phí mang tính ổn định.

* **Chi phí hỗn hợp:** Chi phí hỗn hợp là chi phí bao gồm cả biến phí và định phí, tức vừa có phần cố định, vừa có phần thay đổi theo mức độ hoạt động. Trong doanh nghiệp xây dựng, do đặc thù thi công theo công trình và chịu ảnh hưởng của nhiều yếu tố như tiến độ, quy mô và điều kiện thi công nên chi phí hỗn hợp phát sinh khá phổ biến và có ảnh hưởng lớn nên chi phí hỗn hợp phát sinh khá phổ biến và có ảnh hưởng lớn đến việc kiểm soát chi phí cũng như tính giá thành sản phẩm xây lắp.

Qua việc phân loại chi phí theo mức độ hoạt động, doanh nghiệp có thể đánh giá sự biến động của chi phí trong quá trình thi công, góp phần nâng cao hiệu quả quản lý chi phí và hỗ trợ cho việc ra quyết định trong hoạt động sản xuất kinh doanh.

1.1.2. Khái niệm và phân loại giá thành sản phẩm xây lắp trong doanh nghiệp xây dựng.

1.1.2.1. Khái niệm giá thành trong doanh nghiệp xây dựng.

Giá thành sản phẩm xây lắp là biểu hiện bằng tiền của toàn bộ chi phí sản xuất mà doanh nghiệp xây dựng đã bỏ ra để hoàn thành một khối lượng xây lắp nhất định, bao gồm công trình, hạng mục công trình hoặc khối lượng công việc hoàn thành theo giai đoạn.

Nói cách khác, giá thành sản phẩm xây lắp chính là kết quả tổng hợp của quá trình tập chi phí sản xuất, phản ánh toàn bộ hao phí về lao động sống và lao động vật hóa mà doanh nghiệp đã sử dụng trong quá trình thi công. Các chi phí này bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp, chi phí sử dụng máy thi công và các chi phí sản xuất chung được phân bổ hợp lý. Khác với các ngành sản xuất công nghiệp, giá thành trong doanh nghiệp xây lắp mang những đặc điểm riêng biệt. Trước hết, giá thành thường được xác định theo đúng công trình hoặc hạng mục công trình, do sản phẩm mang tính đơn chiếc và có giá trị lớn. Bên cạnh đó, do thời gian thi công kéo dài qua nhiều kỳ kế toán nên việc xác định giá thành phải gắn liền với việc đánh giá chi phí sản xuất dở dang đầu kỳ và cuối kỳ. Ngoài ra, giá thành xây lắp còn phụ thuộc vào phương thức thanh toán như thanh toán theo giai đoạn hay theo công trình hoàn thành, từ đó ảnh hưởng đến thời điểm ghi nhận chi phí.

Việc xác định đúng giá thành sản phẩm xây lắp có ý nghĩa đặc biệt quan trọng đối với doanh nghiệp. Giá thành không chỉ là căn cứ để xác định giá vốn, tính toán lợi nhuận mà còn là cơ sở để lập giá dự thầu, kiểm soát chi phí và đánh giá hiệu quả

thi công của từng công trình. Nếu giá thành được xác định không chính xác sẽ dẫn đến sai lệch trong kết quả kinh doanh và ảnh hưởng đến quyết định quản lý của doanh nghiệp.

1.1.2.2. Phân loại giá thành theo thời điểm và nguồn dữ liệu tính giá thành.

**** Giá thành dự toán:***

Giá thành dự toán là toàn bộ chi phí được xác định trước khi thi công công trình hoặc hạng mục công trình, căn cứ vào thiết kế, định mức, đơn giá xây dựng do Nhà nước hoặc doanh nghiệp quy định. Giá thành dự toán trong doanh nghiệp xây lắp mang một số đặc điểm cơ bản như sau:

- Tính dự báo và định hướng: Được lập dựa trên các ước tính về chi phí nguyên vật liệu, nhân công, máy móc và các chi phí sản xuất chung khác. Nó đóng vai trò là mục tiêu chi phí ban đầu mà nhà thầu cần phấn đấu đạt được, đồng thời là cơ sở để chủ đầu tư giám sát vào việc sử dụng ngân sách.

- Tính pháp lý và cơ sở thanh toán: Khi được phê duyệt, giá thành dự toán trở thành một phần quan trọng của hợp đồng xây dựng, mang tính pháp lý ràng buộc giữa chủ đầu tư và nhà thầu. Nó là cơ sở để xác định giá thanh toán cho nhà thầu khi công việc hoàn thành hoặc đạt cán mốc nghiệm thu nhất định...

Từ đó, giá thành dự toán được xác định theo công thức:

$$\text{Giá thành dự toán} = \text{Giá trị dự toán} - \text{Lãi định mức.}$$

(Lãi định mức là số % trên giá thành xây lắp do nhà nước quy định với từng loại hình xây lắp và từng sản phẩm xây lắp cụ thể).

Giá thành dự toán là căn cứ để doanh nghiệp xây lắp lập kế hoạch chi phí, xác định giá thầu và ký kết hợp đồng. Đồng thời, đây là cơ sở để so sánh với chi phí thực tế nhằm kiểm soát chi phí và đánh giá hiệu quả thi công công trình, đồng thời phục vụ công tác quản lý và ra quyết định.

*** Giá thành kế hoạch:** Giá thành kế hoạch là mức chi phí được doanh nghiệp xây lắp xác định trước khi thi công, căn cứ vào giá thành dự toán và điều kiện thực tế của doanh nghiệp nhằm làm mục tiêu phấn đấu trong quá trình thi công. Giá thành kế hoạch trong doanh nghiệp xây lắp có đặc điểm cơ bản như :

- Tính dự báo: Được xây dựng trước khi bắt đầu kỳ kế hoạch hoặc chu kỳ sản xuất, dựa trên các định mức, tiêu chuẩn và tình hình thực tế của các kỳ trước.

- Cơ sở lập kế hoạch: Giúp doanh nghiệp lập kế hoạch sản xuất, kế hoạch tài chính và kế hoạch tiêu thụ sản phẩm một cách hợp lý.

- Công cụ quản lý: Là cơ sở để doanh nghiệp đánh giá và kiểm soát hiệu quả sản xuất, so sánh với giá thành thực tế để đưa các biện pháp cải tiến.

Giá thành kế hoạch được xác định theo công thức:

Giá thành kế hoạch = Giá thành dự toán - Mức hạ giá thành kế hoạch

Giá thành kế hoạch là căn cứ để doanh nghiệp tổ chức thi công, kiểm soát chi phí và nâng cao hiệu quả sản xuất. Đồng thời, đây là cơ sở để so sánh với giá thành thực tế, đánh giá mức độ tiết kiệm chi phí và khả năng quản lý của doanh nghiệp.

* **Giá thành thực tế:** Là toàn bộ chi phí sản xuất thực tế phát sinh để thực hiện hoàn thành quá trình thi công do kế toán tập hợp được. Giá thành thực tế biểu hiện chất lượng, hiệu quả và kết quả của hoạt động doanh nghiệp xây dựng.

Giá thành thực tế được xác định theo công thức:

Giá thành thực tế công trình	=	Chi phí sản xuất dở dang đầu kỳ của công trình	+	Chi phí sản xuất thực tế phát sinh trong kỳ của công trình	-	Chi phí sản xuất dở dang cuối kỳ của công trình
-------------------------------------	----------	---	----------	---	----------	--

Muốn đánh giá chất lượng hoạt động sản xuất thi công của công tác xây dựng, cần tiến hành so sánh giữa giá thành dự toán, giá thành kế hoạch và giá thành thực tế của công trình hoặc hạng mục công trình. Về so sánh các loại giá thành này phải đảm bảo sự thống nhất về thời điểm và dựa trên cùng một đối tượng tính giá thành. Qua đó xác định mức độ hoàn thành kế hoạch chi phí và hiệu quả sử dụng nguồn lực của doanh nghiệp.

a. Phân loại giá thành theo phạm vi tính giá thành.

* **Giá thành sản xuất (Giá thành công xưởng):**

Giá thành sản xuất (giá thành công xưởng) là toàn bộ chi phí sản xuất mà doanh nghiệp bỏ ra để hoàn thành sản phẩm hoặc khối lượng xây lắp, bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp, chi phí sử dụng máy thi công và chi phí sản xuất chung tính cho sản phẩm, dịch vụ hoàn thành. Giá thành sản xuất mang một số đặc điểm cơ bản như :

- Giá thành sản xuất chỉ bao gồm các chi phí phát sinh trong phạm vi sản xuất. Các khoản chi phí ngoài khác như chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp không được tính vào giá thành này.

- Giá thành sản xuất gắn liền với quá trình thi công công trình hoặc hạng mục công trình, phản ánh toàn bộ chi phí để hoàn thành khối lượng xây lắp trong giai đoạn sản xuất, bao gồm các chi phí tiêu thụ hay quản lý chung cho doanh nghiệp.

- Giá thành sản xuất trong xây lắp chịu ảnh hưởng của đặc điểm thi công kéo dài, nên thường phải tính đến chi phí sản xuất dở dang đầu kỳ và cuối kỳ để đảm bảo phản ánh đúng chi phí của khối lượng hoàn thành.

Giá thành sản xuất (giá thành công xưởng) được xác định theo công thức:

$$\begin{array}{ccccccc} & & \textbf{Chi phí} & & \textbf{Chi phí sản} & & \textbf{Chi phí} \\ & & \textbf{Dở dang} & + & \textbf{xuất phát} & - & \textbf{Dở dang} \\ \textbf{Giá thành sản} & = & \textbf{đầu kỳ} & & \textbf{sinh trong} & & \textbf{cuối kỳ} \\ \textbf{xuất} & & & & \textbf{kỳ} & & \end{array}$$

Giá thành sản xuất có vai trò quan trọng trong công tác quản lý chi phí của doanh nghiệp xây lắp. Trước hết, đây là căn cứ để xác định giá vốn hàng bán (TK 632) khi công trình hoặc hạng mục công trình hoàn thành, từ đó ảnh hưởng trực tiếp đến việc xác định kết quả kinh doanh của doanh nghiệp. Đồng thời, đây là cơ sở để so sánh với giá thành dự toán và kế hoạch, từ đó phát hiện chênh lệch và nâng cao hiệu quả quản lý chi phí.

*** *Giá thành toàn bộ (giá thành tiêu thụ) :***

Giá thành tiêu thụ (giá thành toàn bộ) : Bao gồm giá thành sản xuất sản phẩm cộng thêm chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp được tính toán xác định khi sản phẩm được tiêu thụ. Giá thành toàn bộ sản phẩm tiêu thụ là căn cứ để xác định mức lợi nhuận trước thuế của doanh nghiệp. Giá thành toàn bộ (giá thành tiêu thụ có đặc điểm như sau:

- Giá thành toàn bộ bao gồm toàn bộ chi phí liên quan đến sản phẩm, không chỉ chi phí sản xuất mà còn bao gồm chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp. Do đó, đây là chỉ tiêu phản ánh đầy đủ nhất tổng chi phí mà doanh nghiệp phải bỏ ra.

- Giá thành toàn bộ gắn liền với quá trình tiêu thụ sản phẩm xây lắp, thương được xác định khi công trình hoặc hạng mục công trình đã hoàn thành và được bàn giao, nghiệm thu.

- Giá thành toàn bộ phản ánh kết quả cuối cùng của quá trình sản xuất kinh doanh, vì nó là cơ sở để so sánh với doanh thu nhằm xác định lợi nhuận (lãi hoặc lỗ) của doanh nghiệp.

- Giá thành toàn bộ chịu ảnh hưởng của cả yếu tố sản xuất và quản lý, không chỉ phụ thuộc vào chi phí thi công mà còn phụ thuộc vào hiệu quả quản lý, chi phí điều

hành và chi phí tiêu thụ sản phẩm. Giá thành tiêu thụ (giá thành toàn bộ) được xác định bằng công thức:

$$\begin{array}{ccccccc} \text{Giá} & & \text{Giá thành} & & \text{Chi phí bán} & & \text{Chi phí quản} \\ \text{thành} & = & \text{sản xuất} & + & \text{hàng} & + & \text{lý doanh} \\ \text{tiêu thụ} & & & & & & \text{nghiệp} \end{array}$$

Giá thành toàn bộ là căn cứ để doanh nghiệp xây lắp xác định kết quả kinh doanh của từng công trình hoặc hạng mục công trình thông qua việc so sánh với giá trị nghiệm thu, thanh toán. Đồng thời, chỉ tiêu này giúp đánh giá hiệu quả toàn diện từ thi công đến quản lý chi phí, từ đó nâng cao hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp.

1.2. Đặc điểm hoạt động xây dựng ảnh hưởng đến công tác kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành trong doanh nghiệp xây dựng.

Hoạt động xây dựng có những đặc điểm riêng so với các ngành sản xuất khác, do đó ảnh hưởng trực tiếp đến công tác kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm trong doanh nghiệp xây dựng, cụ thể:

- Thứ nhất, sản phẩm xây dựng mang tính đơn chiếc, quy mô lớn và thời gian thi công dài. Mỗi công trình, hạng mục công trình đều có thể thiết kế, dự toán và điều kiện thi công khác nhau nên việc tập hợp chi phí và tính giá thành phải thực hiện riêng cho từng công trình hoặc hạng mục công trình.

- Thứ hai, sản phẩm xây dựng cố định tại nơi sản xuất còn các yếu tố sản xuất như nhân công, máy móc, vật liệu phải di chuyển theo công trình. Điều này làm cho chi phí phát sinh phân tán lại nhiều địa điểm, gây khó khăn cho công tác theo dõi, tập hợp chi phí và kiểm soát giá thành.

- Thứ ba, quá trình thi công thường diễn ra ngoài trời và chịu ảnh hưởng của điều kiện tự nhiên như thời tiết, địa hình, môi trường thi công, do đó chi phí sản xuất có thể biến động và ảnh hưởng đến giá thành công trình.

- Thứ tư, thời gian thi công kéo dài qua nhiều kỳ kế toán nên cần phải xác định chi phí sản xuất dở dang và tính giá thành theo từng giai đoạn hoặc khối lượng hoàn thành, đảm bảo phản ánh đúng chi phí và kết quả kinh doanh.

- Thứ năm, sản phẩm xây dựng được thực hiện theo dự toán và hợp đồng đã ký kết nên kế toán chi phí và giá thành phải bám sát dự toán, kế hoạch và tiến độ thi công để kiểm soát chi phí và đảm bảo hiệu quả tài chính .

Như vậy, các đặc điểm của hoạt động xây dựng đã ảnh hưởng trực tiếp đến công tác kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành, đòi hỏi doanh nghiệp phải tổ chức hệ thống kế toán khoa học, hợp lý nhằm quản lý chi phí chặt chẽ và nâng cao hiệu quả thi công.

1.3. Vai trò và nhiệm vụ của kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành trong doanh nghiệp xây dựng.

Trong bối cảnh cạnh tranh ngày càng gay gắt của ngành xây dựng, việc quản lý chi phí và xác định giá thành sản phẩm đóng vai trò đặc biệt quan trọng đối với hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp. Chính vì vậy, kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành không đơn thuần là công việc ghi chép, phản ánh số liệu mà còn là công cụ quản lý hữu hiệu, cung cấp thông tin kịp thời và chính xác cho nhà quản trị. Vai trò và nhiệm vụ của kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm trong doanh nghiệp xây dựng vì thế ngày càng được chú trọng và hoàn thiện nhằm đáp ứng nhu cầu quản lý và phát triển của doanh nghiệp.

Kế toán tập hợp chi phí và tính giá thành sản phẩm xây lắp trong doanh nghiệp có vai trò như sau:

- Giúp phản ánh đầy đủ và chính xác các khoản chi phí phát sinh trong quá trình thi công như chi phí nguyên vật liệu, nhân công, máy thi công, chi phí sản xuất chung. Nhờ đó, doanh nghiệp nắm được thực tế chi phí cho từng công trình, hạng mục công trình.

- Là cơ sở để tính đúng, tính đủ giá thành sản phẩm xây dựng, từ đó xác định kết quả hoạt động một cách chính xác. Giá thành là căn cứ quan trọng để đánh giá giá thành hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp.

- Bên cạnh đó, thông tin do kế toán cung cấp giúp nhà quản lý kiểm soát chi phí, phát hiện kịp thời các khoản vượt mức, lãng phí để có biện pháp điều chỉnh phù hợp.

- Ngoài ra, việc tập hợp chi phí và tính giá thành còn hỗ trợ lập kế hoạch dự toán và ra quyết định như đấu thầu, ký kết hợp đồng, lựa chọn phương án thi công tối ưu.

Kế toán tập hợp chi phí và tính giá thành sản phẩm xây lắp trong doanh nghiệp xây dựng có nhiệm vụ như sau:

- Thu thập, ghi chép và phản ánh đầy đủ, kịp thời các khoản chi phí sản xuất phát sinh theo từng công trình và hạng mục công trình.

- Xác định đúng đối tượng tập hợp chi phí và đối tượng tính giá thành phù hợp với đặc điểm hoạt động xây dựng.

- Kiểm tra, giám sát việc sử dụng vật tư, lao động, máy thi công và các khoản chi phí khác trong quá trình thi công.
- Tập hợp và phân bổ chi phí sản xuất hợp lý, chính xác theo từng đối tượng chịu chi phí.
- Tính toán đúng giá thành công trình, hạng mục công trình hoặc khối lượng xây lắp hoàn thành.
- Cung cấp thông tin về chi phí và giá thành phục vụ cho công tác quản lý và đưa ra quyết định trong doanh nghiệp.

1.4.Kế toán tập hợp chi phí sản xuất trong doanh nghiệp xây dựng.

1.4.1 Đối tượng tập hợp chi phí sản xuất trong doanh nghiệp xây dựng.

Đối tượng tập hợp chi phí sản xuất trong doanh nghiệp xây dựng là phạm vi, giới hạn mà tại đó các chi phí sản xuất sinh được tập hợp nhằm phục vụ cho việc tính giá thành công trình hoặc khối lượng xây lắp hoàn thành. Tùy theo đặc điểm tổ chức thi công và yêu cầu quản lý, đối tượng tập hợp chi phí có thể là công trình, hạng mục công trình, khối lượng xây lắp, giai đoạn thi công hoặc hợp đồng xây dựng. Việc xác định đúng đối tượng tập hợp chi phí giúp doanh nghiệp theo dõi chi phí chính xác, tính đúng giá thành và nâng cao hiệu quả quản lý chi phí trong doanh nghiệp xây dựng.

1.4.2. Phương pháp tập hợp chi phí sản xuất và phân bổ chi phí sản xuất trong doanh nghiệp xây dựng.

Trong doanh nghiệp xây dựng, công trình có tính đa dạng, phức tạp và chi phí sản xuất thường bao gồm nhiều hạng mục chi tiết. Do đó, việc tập hợp và phân bổ chi phí sản xuất trở thành công việc cốt lõi của kế toán chi phí, giúp xác định chính xác giá thành từng hạng mục, công trình để hỗ trợ quản lý dự án, đưa ra quyết định kinh doanh và thực hiện thanh toán hợp đồng. Hai phương pháp đó là:

** Phương pháp trực tiếp:* Phương pháp này áp dụng trong trường hợp các chi phí sản xuất phát sinh liên quan trực tiếp đến từng đối tượng tập hợp chi phí sản xuất riêng biệt. Cụ thể, được áp dụng cho chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp và một số chi phí máy thi công (nếu được xác định là sử dụng riêng cho từng công trình). Những chi phí này có đặc điểm là phát sinh ở đâu thì tính thẳng cho đối tượng đó, đảm bảo tính chính xác cao và dễ kiểm soát.

* *Phương phân bổ gián tiếp*: Theo phương pháp này chi phí phát sinh liên quan đến nhiều đối tượng tập hợp chi phí sản xuất và không thể ghi chép riêng cho từng đối tượng, nên cần lựa chọn tiêu chuẩn phân bổ chi phí sản xuất đã tập hợp cho các đối tượng liên quan.

Phương pháp này giúp đảm bảo việc tính giá thành hợp lý, công bằng giữa các công trình, dù chi phí không phát sinh riêng biệt cho từng đối tượng và được áp dụng cho chi phí sản xuất chung như lương nhân viên quản lý đội công trình, chi phí điện nước, chi phí khấu hao tài sản cố định dùng chung, chi phí sử dụng máy thi công (trong trường hợp máy phục vụ nhiều công trình, không tách riêng được) và một số chi phí chung khác liên quan đến nhiều đối tượng chịu chi phí.

Việc tính toán phân bổ gồm công thức sau:

$$\text{Hệ số phân bổ} = \frac{\text{Tổng chi phí đã tập hợp cần phân bổ}}{\text{Tổng tiêu thức cần phân bổ}}$$

$$\begin{array}{l} \text{Chi phí phân bổ} \\ \text{cho từng đối} \\ \text{tượng} \end{array} = \text{Hệ số phân bổ} \times \text{Tiêu thức phân bổ của} \\ \text{từng đối tượng}$$

1.4.3. Kế toán tập hợp chi phí sản xuất trong doanh nghiệp xây dựng.

Theo Thông tư 133/2016/TT-BTC, Tài khoản 154 (Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang) được dùng để tổng hợp chi phí sản xuất, kinh doanh phục vụ cho việc tính giá thành sản phẩm, dịch vụ. Dưới đây là kết cấu của TK tổng hợp 154 theo TT133:

Tài khoản 154	
Chi phí dở dang đầu kỳ - Chi phí NVL trực tiếp - Chi phí nhân công trực tiếp - Chi phí sử dụng máy thi công - Chi phí sản xuất chung	- Kết chuyển giá thành thực tế của công trình, hạng mục công trình đã hoàn thành, bàn giao
Chi phí dở dang cuối kỳ	

Kết cấu của tài khoản tổng hợp 154 theo TT 133.

Tùy theo yêu cầu quản lý của từng doanh nghiệp mà có thể mở các TK chi tiết:

TK 154_ Chi phí NVL trực tiếp, TK 154_ Chi phí nhân công trực tiếp, TK 154_ Chi phí sử dụng máy thi công và TK 154_ Chi phí sản xuất chung.

1.4.3.1. Kế toán tập hợp chi phí nguyên vật liệu trực tiếp.

a. Nội dung kế toán tập hợp chi phí nguyên vật liệu trực tiếp:

Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp là toàn bộ chi phí về vật liệu chính, vật liệu phụ, cấu kiện xây dựng được sử dụng trực tiếp cho việc thi công công trình hoặc hạng mục công trình. Việc hạch toán chi phí nguyên vật liệu trực tiếp cần tuân thủ các nguyên tắc sau:

- Chi phí nguyên, vật liệu có liên quan đến công trình, hạng mục công trình nào thì tổ chức tập hợp theo phương pháp trực tiếp cho công trình, hạng mục công trình đó theo giá trị thực tế.

- Chi phí nguyên, vật liệu có liên quan đến nhiều đối tượng tập hợp chi phí thì phải phân bổ cho từng đối tượng theo tiêu thức hợp lý.

- Khi công trình, hạng mục công trình hoàn thành, toàn bộ chi phí nguyên vật liệu trực tiếp đã tập hợp sẽ được kết chuyển vào giá thành nhằm xác định chi phí thực tế và làm cơ sở thanh toán, quyết toán công trình. Trường hợp các vật liệu chưa sử dụng hết ở công trường, phải tiến hành kiểm kê để tính số thực tế đã sử dụng cho công trình, đồng thời hạch toán đúng đắn số phế liệu thu hồi thực tế sử dụng công trình và hạch toán đúng đắn số phế liệu thu hồi được (nếu có) theo từng đối tượng công trình.

b. Tài khoản sử dụng:

Theo Thông tư 133/2016/TT-BTC ban hành ngày 26/08/2016, để tập hợp chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, kế toán sử dụng TK 154 _ Chi phí sản xuất kinh doanh, dở dang.

TK 154 - CP. NVL trực tiếp

- Tập hợp chi phí NVL trực tiếp phát sinh trong kỳ.

- Kết chuyển chi phí nguyên vật liệu trực tiếp vào giá thành công trình hoàn thành.

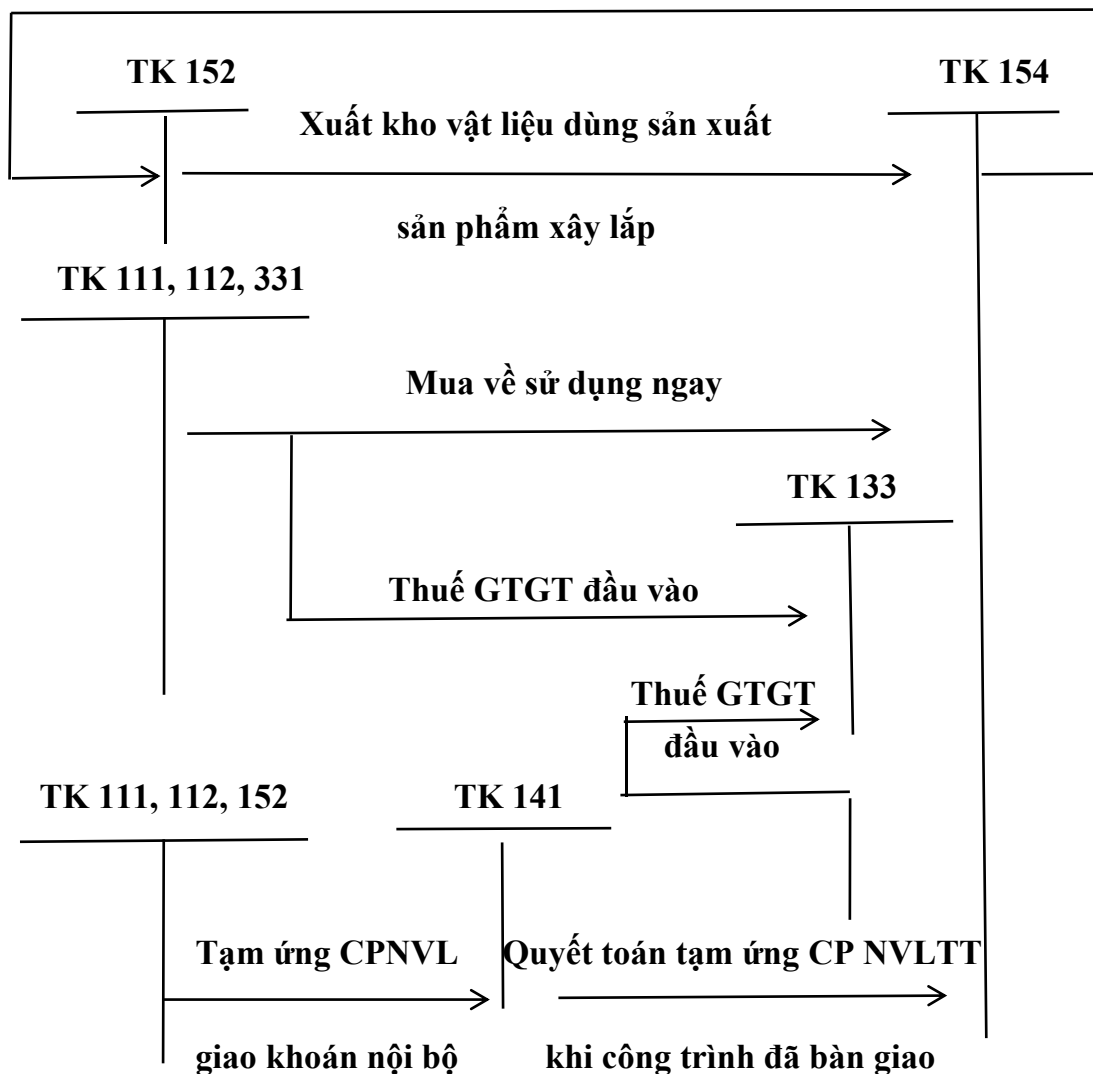
- Các khoản ghi giảm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp

Kết cấu tập hợp chi phí nguyên vật liệu trực tiếp.

c. **Chứng từ sử dụng:** Bao gồm:; Hóa đơn GTGT, Phiếu nhập kho, Phiếu xuất kho và chứng từ liên quan..

d. **Phương pháp hạch toán:**

Nhập lại kho nguyên vật liệu từ chi phí sản xuất kinh doanh dở dang



Sơ đồ 1 : Sơ đồ hạch toán chi phí NVL trực tiếp.

1.4.3.2. Kế toán tập hợp chi phí nhân công trực tiếp.

a. Nội dung kế toán tập hợp chi phí nhân công trực tiếp:

Chi phí nhân công trực tiếp là các khoản tiền lương, tiền công và các khoản trích theo lương phải trả cho công nhân trực tiếp tham gia thi công công trình, hạng mục công trình trong doanh nghiệp xây dựng. Đây là khoản chi phí gắn trực tiếp với quá trình thi công và được tập hợp theo từng công trình hoặc hạng mục công trình.

Chi phí nhân công trực tiếp trong doanh nghiệp trong doanh nghiệp xây lắp được tổ chức tập hợp một cách đầy đủ và có hệ thống, nhằm phản ánh chính xác chi phí lao động trực tiếp tham gia thi công công trình. Kế toán ghi nhận tiền lương phải trả cho công nhân trực tiếp thi công căn cứ vào bảng chấm công bảng thanh toán tiền lương. Bên cạnh đó, các khoản phụ cấp như phụ cấp trách nhiệm, phụ cấp độc hại, phụ cấp làm theo giờ... cũng được tập hợp đầy đủ vào chi phí nhân công trực tiếp nhằm đảm bảo phản ánh đúng và đủ thu nhập của người lao động.

Ngoài tiền lương và phụ cấp doanh nghiệp còn thực hiện trích các khoản theo lương của bộ phận nhân công trực tiếp thi công, bao gồm BHXH, BHYT, BHTN, KPCĐ. Các khoản này được tính vào chi phí nhân công trực tiếp theo đúng chế độ quy định tại Thông tư 133/2016/TT-BTC. Ngược lại, đối với nhân viên quản lý đội thi công, chỉ huy công trình thì các khoản trích theo lương được tập hợp vào chi phí sản xuất chung. Sau khi tập hợp, chi phí nhân công trực tiếp được phân bổ cho từng công trình, hạng mục công trình dựa trên các tiêu thức hợp lý như số ngày công, giờ công hoặc khối lượng công việc hoàn thành. Việc phân bổ này có ý nghĩa quan trọng trong việc xác định chính xác chi phí của từng đối tượng chịu chi phí.

Cuối kỳ, toàn bộ chi phí nhân công trực tiếp đã tập hợp được sẽ được kết chuyển vào tài khoản chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang để phục vụ cho việc tính giá thành công trình. Quy trình này góp phần đảm bảo tính chính xác và đầy đủ của thông tin kế toán, đồng thời hỗ trợ hiệu quả cho công tác quản lý chi phí và ra quyết định trong doanh nghiệp.

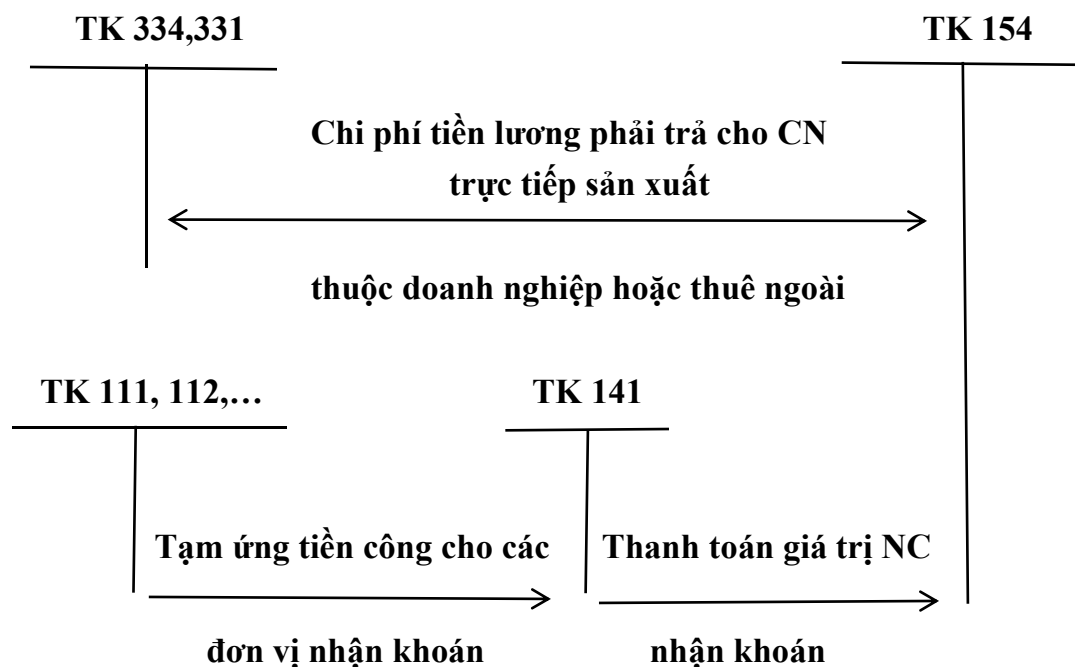
b. Tài khoản sử dụng: Để hạch toán chi phí nhân công trực tiếp, kế toán sử dụng TK 154_ Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang.

TK 154 - CP. NCTT	
- Tập hợp chi phí nhân công trực tiếp phát sinh trong kỳ.	- Kết chuyển chi phí nhân công trực tiếp vào giá thành công trình hoàn thành.

Kết cấu Tài khoản 154 - Chi phí nhân công trực tiếp.

c. Chứng từ sử dụng: Bảng chấm công; Bảng thanh toán tiền lương; Hợp đồng lao động,...

d. Phương pháp hạch toán:



Sơ đồ 2 : Sơ đồ hạch toán chi phí nhân công trực tiếp.

1.4.3.3. Kế toán tập hợp chi phí sử dụng máy thi công.

a. Nội dung kế toán tập hợp chi phí sử dụng máy thi công:

Máy thi công là một bộ phận của TSCĐ, bao gồm tất cả các loại xe kể cả các thiết bị được chuyển động bằng động cơ được sử dụng trực tiếp cho công tác xây lắp trên các công trường thay thế cho sức lao động của con người.

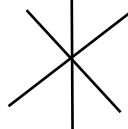
Chi phí sử dụng máy thi công là toàn bộ chi phí phát sinh liên quan đến việc vận hành, sử dụng và bảo dưỡng máy móc, thiết bị thi công phục vụ trực tiếp cho quá trình xây dựng công trình hoặc hạng mục công trình, bao gồm: Chi phí nhân công; chi phí vật liệu, chi phí sử dụng máy thi công; chi phí khấu hao máy thi công; chi phí dịch vụ mua ngoài; chi phí bằng tiền khác.

b. Tài khoản sử dụng : Để tập hợp chi phí sử dụng máy thi công, kế toán sử dụng TK 154_ Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang.

TK 154 - CP. SD MTC

- Tập hợp chi phí sử dụng máy thi công phát sinh trong kỳ.

- Kết chuyển chi phí sử dụng máy thi công vào giá thành công trình hoàn thành.



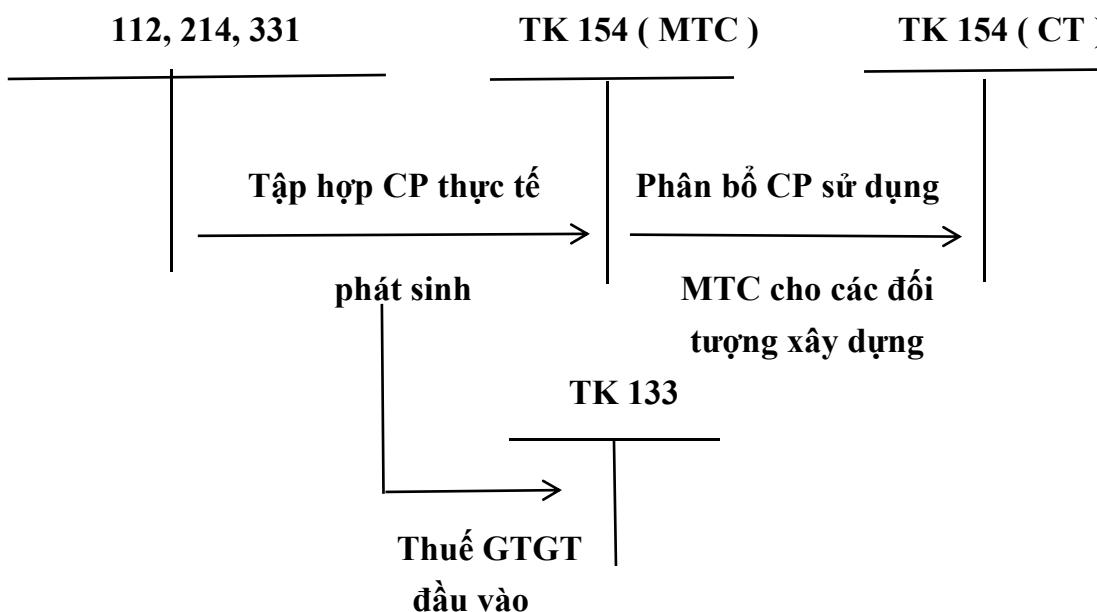
Kết cấu Tài khoản 154 - chi phí sử dụng máy thi công.

c. Chứng từ sử dụng: Hóa đơn GTGT; Hóa đơn mua hàng, Bảng chấm công, Bảng thanh toán lương, Bảng trích và phân bổ khấu hao TSCĐ,...

d. Phương pháp hạch toán:

* Trường hợp 1: Nếu doanh nghiệp tổ chức các đội máy thi công riêng biệt và có phân cấp hạch toán cho đội máy có tổ chức kế toán riêng và cung cấp dịch vụ lao động lẫn nhau giữa các bộ phận. Sau đó, chi phí này được phân bổ để tính giá thành theo từng công trình hoặc hạng mục công trình có sử dụng máy thi công theo khối lượng và thời gian thực tế về sử dụng máy thi công.

TK 334, 338, 152, 111



Sơ đồ 3 : Sơ đồ hạch toán chi phí máy thi công, trường hợp tổ chức kế toán riêng cho đội thi công.

* Trường hợp 2: Doanh nghiệp thuê máy thi công ở ngoài.

Căn cứ hóa đơn GTGT và chứng từ liên quan để ghi nợ TK 154, 1331 và Có các TK liên quan (TK 111, 112, 331,...)

Nợ TK 154_ Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: - Phản ánh chi phí thuê máy thi công thực tế phát sinh phục vụ trực tiếp cho công trình.

- Khoản chi phí này được tập hợp vào chi phí sản xuất của công trình để tính giá thành xây lắp.

- Giá trị thuê máy chưa bao gồm thuế GTGT.

Nợ TK 1331_ Thuế GTGT được khấu trừ:

- Phản ánh số thuế GTGT đầu vào của dịch vụ thuê máy thi công.

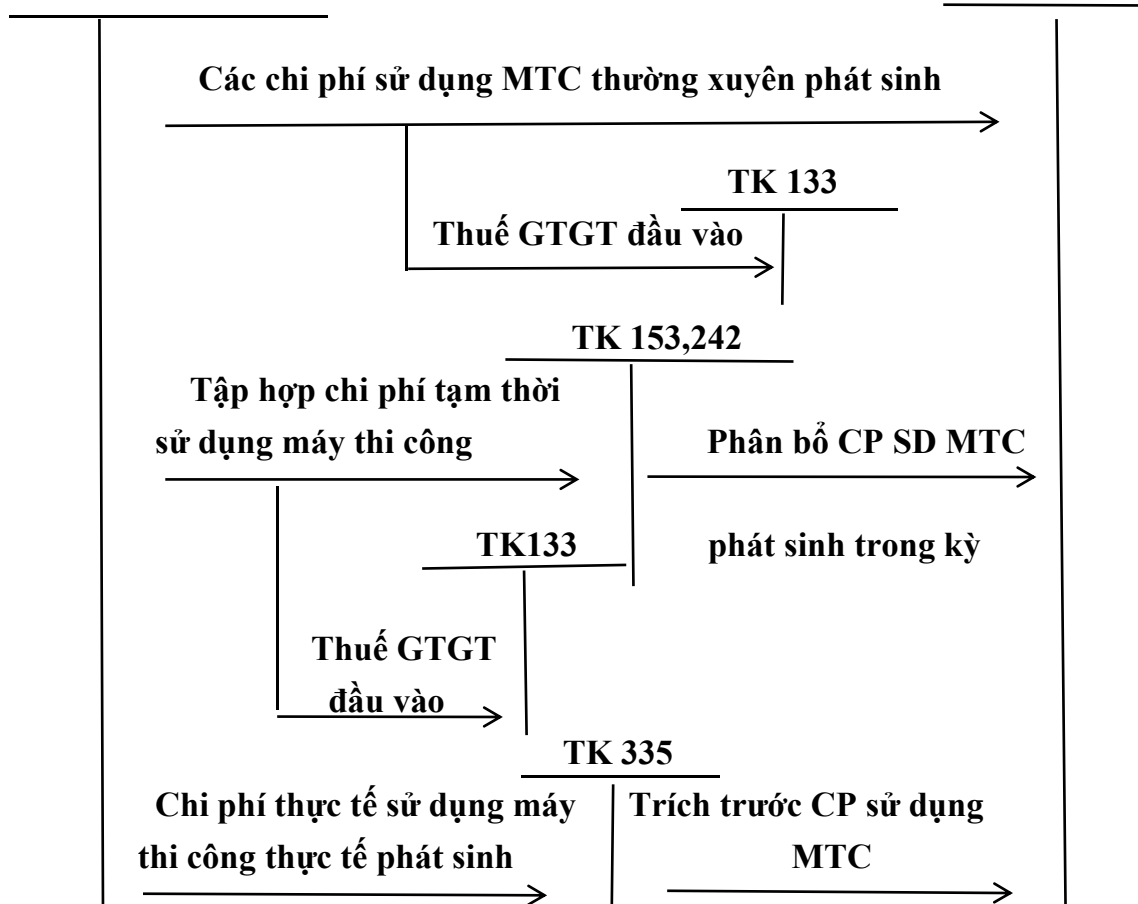
- Doanh nghiệp được khấu trừ thuế khi kê khai thuế GTGT được khấu trừ

Có TK 111,112,331: Các tài khoản đối ứng phản ánh nguồn hình thành khoản chi phí thuê máy thi công.

* Trường hợp 3: Nếu không có tổ chức máy thi công riêng biệt hoặc có tổ chức bộ máy thi công riêng nhưng không có tổ chức kế toán riêng cho đội máy thi công.

TK 153, 214, 334

TK 154



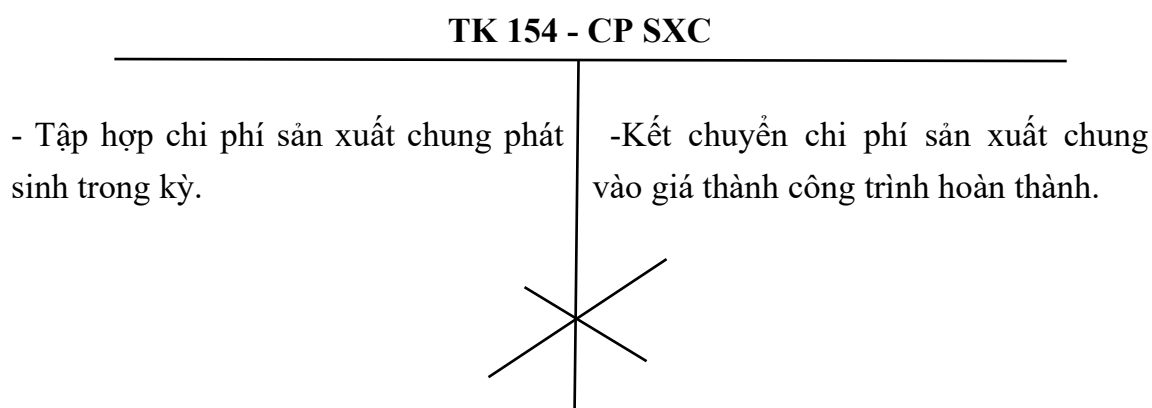
Sơ đồ 4 : Sơ đồ hạch toán chi phí máy thi công, Trường hợp không có kế toán riêng cho đội máy thi công.

1.4.3.4. Kế toán tập hợp chi phí sản xuất chung.

a.Nội dung kế toán tập hợp chi phí sản xuất chung:

Chi phí sản xuất chung trong xây dựng là toàn bộ chi phí phát sinh tại đội, công trường hoặc bộ phận thi công ngoài chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp hoặc chi phí máy thi công, nhằm phục vụ cho quá trình xây dựng công trình hoặc hạng mục công trình.

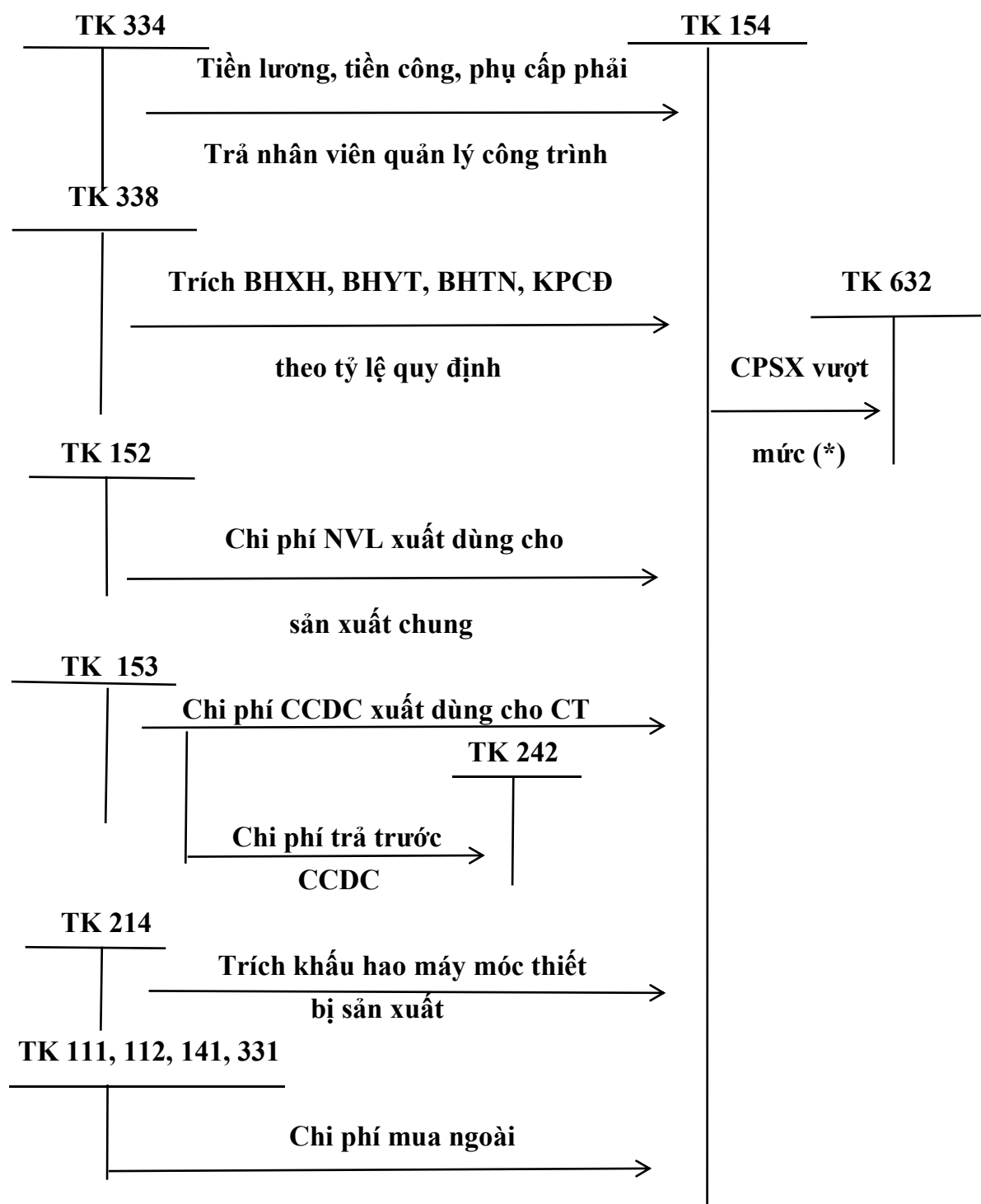
b.Tài khoản sử dụng: Để tập hợp chi phí sản xuất kế toán sử dụng TK 154 _ Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang.



Kết cấu Tài khoản 154 - chi phí sản xuất chung.

c. Chứng từ sử dụng: Hóa đơn mua hàng, Hóa đơn GTGT, Hóa đơn điện nước, Bảng thanh toán lương, Bảng trích và phân bổ khấu hao TSCĐ,...

d. Phương pháp hạch toán:



Sơ đồ 5 : Chi phí hạch toán chi phí sản xuất chung.

*CPSX vượt mức (*): Chi phí sản xuất vượt mức là phần chi phí thực tế phát sinh vượt quá mức chi phí bình thường hoặc định mức hợp lý đã được doanh nghiệp xây dựng trước trong quá trình sản xuất kinh doanh.*

1.4.4. Mối quan hệ giữa chi phí sản xuất và giá thành sản phẩm.

Chi phí sản xuất và giá thành sản phẩm có mối quan hệ chặt chẽ với nhau trong doanh nghiệp xây dựng. Chi phí sản xuất là cơ sở để tính giá thành sản phẩm, còn giá thành sản phẩm là kết quả của quá trình tập hợp chi phí sản xuất. Toàn bộ chi phí sản xuất phát sinh trong kỳ sau khi được tập hợp và phân bổ hợp lý sẽ được dùng để tính giá thành công trình hoặc hạng mục công trình hoàn thành. Tuy nhiên, chi phí sản xuất và giá thành sản phẩm không hoàn toàn giống nhau vì chi phí sản xuất bao gồm cả chi phí của sản phẩm dở dang đầu kỳ, còn giá thành sản phẩm chỉ tính cho khối lượng sản phẩm hoàn thành trong kỳ.

1.5. Kế toán giá thành sản phẩm trong doanh nghiệp xây dựng.

1.5.1. Đối tượng và kỳ tính giá thành sản phẩm trong doanh nghiệp.

a. Đối tượng tính giá thành sản phẩm trong doanh nghiệp xây dựng:

Tùy theo đặc điểm tổ chức thi công và yêu cầu quản lý, đối tượng tính giá thành có thể là công trình, hạng mục công trình, giai đoạn thi công hoặc khối lượng xây lắp hoàn thành. Việc xác định đúng đối tượng tính giá thành giúp doanh nghiệp tính toán chính xác chi phí thực tế và phục vụ cho công tác thanh toán và quyết toán công trình.

b. Kỳ tính giá thành sản phẩm trong doanh nghiệp xây dựng:

Kỳ tính giá thành sản phẩm là khoảng thời gian mà doanh nghiệp tiến hành tập hợp chi phí và tính giá thành cho công trình, hạng mục công trình hoặc khối lượng xây lắp hoàn thành.

Kỳ tính giá thành sản phẩm trong doanh nghiệp xây dựng là khoảng thời gian cần thiết để tập hợp chi phí sản xuất và xác định giá thành thực tế của đối tượng xây lắp hoàn thành. Định kỳ, kế toán tiến hành tập hợp chi phí sản xuất phát sinh cho từng công trình, hạng mục công trình, kiểm tra chứng từ và phân bổ chi phí sản xuất chung, chi phí máy thi công để theo dõi chi phí và phục vụ cho việc tính giá thành khi công trình hoàn thành hoặc theo giai đoạn thi công. Khi nhận được biên bản nghiệm thu bàn giao công trình hoàn thành đưa vào sử dụng thì sử dụng số liệu chi phí sản xuất theo các đối tượng từ khi bắt đầu thi công đến khi hoàn thành để tính giá thành và giá thành đơn vị. Như vậy, kỳ tính giá thành có thể sẽ không phù hợp với chu kỳ sản xuất sản phẩm.

1.5.2. Phương pháp đánh giá sản phẩm dở dang cuối kỳ.

a. Trường hợp bàn giao, thanh toán khi công trình hoàn thành toàn bộ:

Trong trường hợp công trình hoặc hạng mục công trình chỉ được bàn giao và thanh toán khi hoàn thành toàn bộ thì sản phẩm dở dang cuối kỳ chính là toàn bộ chi phí sản xuất đã phát sinh nhưng công trình chưa hoàn thành. Khi đó, kế toán không tính giá thành trong kỳ mà toàn bộ chi phí phát sinh được tập hợp vào chi phí sản xuất dở dang để theo dõi đến khi công trình hoàn thành.

Đối với trường hợp này, đối tượng tập hợp chi phí thường là từng công trình, hạng mục công trình hoặc đơn đặt hàng riêng biệt. Các khoản chi phí như chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp, chi phí sử dụng máy thi công và chi phí sản xuất chung được tập hợp theo từng đối tượng để phục vụ cho việc tính giá thành khi công trình hoàn thành. Do công trình chưa được nghiệm thu và bàn giao trong kỳ nên toàn bộ chi phí thực tế phát sinh được xem là chi phí sản xuất dở dang cuối kỳ. Vì vậy, doanh nghiệp chưa xác định giá thành khối lượng xây lắp hoàn thành mà chỉ phản ánh toàn bộ chi phí trên tài khoản chi phí sản xuất kinh doanh dở dang.

Khi công trình hoàn thành và được chủ đầu tư nghiệm thu, doanh nghiệp sẽ tiến hành kết chuyển toàn bộ chi phí để tập hợp để xác định giá thành thực tế của công trình theo công thức:

$$\begin{array}{ccccccc} & & \textbf{Chi phí sản} & & \textbf{Chi phí} & & \textbf{Chi phí} \\ & & \textbf{xuất dở} & & \textbf{sản xuất phát} & & \textbf{sản xuất dở} \\ \textbf{Giá thành} & = & & + & & - & \\ \textbf{công trình} & & \textbf{đang đầu kỳ} & & \textbf{sinh trong kỳ} & & \textbf{đang cuối} \\ & & & & & & \textbf{kỳ} \end{array}$$

Trong trường hợp công trình đã hoàn thành toàn bộ thì chi phí dở dang cuối kỳ thường bằng không.

Phương thức bàn giao và thanh toán khi công trình hoàn thành toàn bộ giúp doanh nghiệp thuận lợi trong việc quản lý chi phí và xác định giá thành cho từng công trình. Tuy nhiên, do chỉ được thanh toán sau khi hoàn thành toàn bộ công trình nên doanh nghiệp thường bị kéo dài thời gian thu hồi vốn, đồng thời giá trị chi phí sản xuất dở dang cuối kỳ có thể đối với những công trình có thời gian thi công dài.

b. Trường hợp bàn giao theo giai đoạn hoàn thành:

Trong doanh nghiệp xây lắp, trường hợp bàn giao theo giai đoạn hoàn thành là phương thức mà công trình hoặc hạng mục công trình được chia thành nhiều giai đoạn thi công khác nhau và tiến hành nghiệm thu, bàn giao, thanh toán theo từng

phần khối lượng công việc đã hoàn thành. Theo đó, sau mỗi giai đoạn hoàn thành, doanh nghiệp sẽ thực hiện xác định doanh thu và giá thành tương ứng với phần công việc đã được nghiệm thu.

Đối với trường hợp này, đối tượng tập hợp chi phí và tính giá thành là từng giai đoạn, từng hạng mục hoặc từng phần khối lượng xây lắp hoàn thành theo quy định trong hợp đồng xây dựng. Các chi phí phát sinh liên quan đến giai đoạn nào sẽ được tập hợp cho giai đoạn đó nhằm đảm bảo việc xác định giá thành được chính xác và phù hợp. Cuối kỳ kế toán, nếu công trình vẫn còn khối lượng chưa hoàn thành thì doanh nghiệp phải tiến hành đánh giá sản phẩm dở dang cuối kỳ để xác định phần chi phí thuộc khối lượng hoàn thành. Việc đánh giá sản phẩm dở dang thường được thực hiện trên cơ sở phân bổ chi phí thực tế theo giá dự toán hoặc khối lượng hoàn thành tương đương.

Trường hợp bàn giao thanh toán theo từng giao đoạn hoàn thành, sản phẩm dở dang là các giai đoạn xây lắp chưa hoàn thành, chi phí sản xuất dở dang cuối kỳ được xác định theo phương pháp phân bổ chi phí thực tế căn cứ vào giá thành dự toán và mức độ hoàn thành được tính như sau:

$$\begin{array}{ccccc} \text{Giá thành dự toán khối} & & \text{Giá thành} & & \text{Tỷ lệ hoàn} \\ \text{lượng DDCK của từng giai} & = & \text{dự toán của} & \times & \text{thành từng giai} \\ \text{đoạn (Z)} & & \text{từng giai} & & \text{đoạn} \\ & & \text{đoạn} & & \end{array}$$

Trong doanh nghiệp xây lắp, hệ số phân bổ chi phí thực tế cho giai đoạn dở dang là chỉ tiêu dùng để xác định mức phân bổ chi phí sản xuất thực tế phát sinh cho khối lượng xây lắp hoàn thành và khối lượng xây lắp dở dang cuối kỳ theo giá thành dự toán. Hệ số này là căn cứ để kế toán xác định chính xác chi phí sản xuất kinh doanh dở dang cuối kỳ của từng công trình, hạng mục công trình hoặc từng giai đoạn thi công. Công thức xác định hệ số phân bổ chi phí thực tế như sau:

$$\begin{array}{ccccc} \text{Hệ số} & & \text{Chi phí sản xuất} & & \text{Chi phí sản xuất} \\ \text{phân bổ CP} & = & \text{thực tế DĐDK} & + & \text{thực tế phát sinh} \\ \text{thực tế cho} & & & & \text{trong kỳ} \\ \text{giai đoạn dở} & & & & \\ \text{dang} & & \text{Giá thành dự} & + & \text{Tổng giá thành} \\ & & \text{toán của khối lượng} & & \text{dự toán của khối} \\ & & \text{hoàn thành} & & \text{lượng DDCK} \end{array}$$

Sau khi xác định được hệ số phân bổ chi phí thực tế và giá thành dự toán khối lượng dở dang cuối kỳ của từng giai đoạn, kế toán tiến hành tính chi phí sản xuất thực tế dở dang cuối kỳ của từng giai đoạn theo công thức:

$$\begin{array}{ccccc} \text{CPSX thực tế} & & \text{Giá thành} & & \\ \text{DDCK của từng} & = & \text{dự toán khối} & \times & \text{Hệ số phân bổ} \\ \text{giai đoạn} & & \text{lượng DDCK} & & \text{CP thực tế cho} \\ & & \text{của từng giai} & & \text{giai đoạn} \\ & & \text{đoạn} & & \end{array}$$

c..Trường hợp thanh toán theo định kỳ khối lượng hoàn thành.

Trong doanh nghiệp xây lắp, trường hợp thanh toán theo định kỳ khối lượng hoàn thành là phương thức mà chủ đầu tư được thanh toán cho doanh nghiệp xây lắp theo từng kỳ dựa trên khối lượng công việc thực tế đã hoàn thành và được nghiệm thu trong kỳ, không phụ thuộc vào việc công trình đã hoàn thành toàn bộ hay chưa.

Theo phương thức này, trong quá trình thi công, doanh nghiệp tiến hành xác định khối lượng xây lắp hoàn thành theo từng giai đoạn hoặc từng kỳ thanh toán đã quy định trong hợp đồng. Sau khi khối lượng công việc được nghiệm thu, doanh nghiệp sẽ thực hiện ghi nhận doanh thu và xác định giá thành tương ứng với phần khối lượng hoàn thành được thanh toán. Đối tượng tập hợp chi phí trong trường hợp này thường là từng công trình, hạng mục công trình hoặc từng khối lượng xây lắp hoàn thành theo kỳ thanh toán. Các khoản chi phí phát sinh liên quan đến quá trình thi công được tập hợp riêng nhằm phục vụ cho việc tính giá thành và xác định kết quả hoạt động kinh doanh từng kỳ. Cách xác định:

$$\begin{array}{ccccccc} \text{Giá thành dự} & & & & & & \\ \text{toán của từng} & = & \text{Khối} & \times & \text{Đơn giá dự} & \times & \text{Tỷ lệ hoàn} \\ \text{khối lượng xây} & & \text{lượng dở} & & \text{toán} & & \text{thành} \\ \text{lắp dở dang} & & \text{dang} & & & & \end{array}$$

Sau khi xác định được giá thành dự toán của từng khối lượng xây lắp dở dang cuối kỳ, kế toán tiến hành xác định chi phí thực tế của khối lượng xây lắp dở dang cuối kỳ theo công thức:

$$\begin{array}{ccccc}
& \text{Chi phí} & & \text{Chi phí} & \\
& \text{thực tế DĐĐK} & + & \text{thực tế phát} & \\
& & & \text{sinh trong kỳ} & \\
\text{Chi phí} & & & & \text{Giá} \\
\text{thực tế của} & = & \frac{}{} & & \text{thành dự} \\
\text{khối lượng} & & & & \text{toán của} \\
\text{DĐCK} & & & & \text{khối} \\
& & \text{Giá thành} & \text{Tổng giá} & \text{lượng} \\
& & \text{dự toán của} & \text{thành dự toán} & \text{DĐCK} \\
& & \text{từng khối xây} & + \text{của khối} & \\
& & \text{lắp hoàn} & \text{lượng DĐCK} & \\
& & \text{thành bàn} & \text{của từng giai} & \\
& & \text{giao} & \text{đoạn} &
\end{array}$$

Cuối kỳ kế toán, nếu phần còn phần khối lượng xây lắp chưa hoàn thành thì doanh nghiệp phải tiến hành đánh giá thành sản phẩm dở dang cuối kỳ để xác định phân chi phí thuộc khối lượng chưa hoàn thành. Việc đánh giá sản phẩm dở dang thường được thực hiện theo phương pháp phân bổ chi phí thực tế dựa trên giá dự toán hoặc tỷ lệ hoàn thành công trình.

1.5.3. Phương pháp tính giá thành sản phẩm trong doanh nghiệp xây dựng.

Trong doanh nghiệp xây dựng, việc tính giá thành sản phẩm xây lắp có ý nghĩa quan trọng trong công tác quản lý chi phí, kiểm soát hiệu quả thi công và xác định kết quả kinh doanh. Do đặc điểm của ngành xây dựng là sản phẩm mang tính đơn chiếc, thời gian thi công kéo dài và mỗi công trình được thiết kế riêng nên doanh nghiệp phải lựa chọn phương pháp tính giá thành phù hợp với đặc điểm tổ chức sản xuất và phương thức thanh toán của từng công trình. Hiện nay, trong doanh nghiệp xây dựng thường áp dụng các phương pháp tính giá thành sau :

a. Phương pháp tính giá thành giản đơn:

Phương pháp tính giá thành giản đơn là phương pháp tính giá thành phổ biến trong các doanh nghiệp xây dựng hiện nay vì sản xuất thi công mang tính chất đơn chất, đối tượng tập hợp chi phí sản xuất phù hợp với đối tượng tính giá thành. Trong đó toàn bộ chi phí sản xuất được tập hợp trực tiếp theo từng công trình, hạng mục công trình hoặc khối lượng xây lắp hoàn thành, sau đó căn cứ vào chi phí sản xuất dở dang đầu kỳ, chi phí phát sinh trong kỳ và chi phí dở dang cuối kỳ để xác định giá thành thực tế của sản phẩm xây dựng.

Trình tự tính giá thành theo phương pháp giản đơn được thực hiện như sau:

➤ Bước 1: Tập hợp chi phí sản xuất phát sinh

Kế toán tiến hành tập hợp toàn bộ chi phí sản xuất phát sinh trong kỳ theo từng đối tượng chịu chi phí, bao gồm:

- * Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp
- * Chi phí nhân công trực tiếp
- * Chi phí sử dụng máy thi công
- * Chi phí sản xuất chung

Các khoản chi phí này được phản ánh trên tài khoản chi phí sản xuất kinh doanh dở dang.

➤ Bước 2: Xác định chi phí sản xuất dở dang đầu kỳ.

Kế toán xác định phần chi phí của khối lượng xây lắp chưa hoàn thành chuyển từ kỳ trước sang. Đây là phần chi phí đã phát sinh nhưng chưa được tính vào giá thành do công trình chưa hoàn thành.

➤ Bước 3: Đánh giá chi phí dở dang cuối kỳ.

Cuối kỳ, kế toán tiến hành xác định phần chi phí thuộc khối lượng xây lắp chưa hoàn thành cuối kỳ để loại trừ khỏi giá thành của khối lượng hoàn thành. Việc đánh giá sản phẩm dở dang có thể thực hiện theo:

- * Giá dự đoán
- * Tỷ lệ hoàn thành
- * Chi phí thực tế

➤ Bước 4: Tính giá thành sản phẩm xây lắp hoàn thành.

Sau khi xác định được chi phí dở dang đầu kỳ, chi phí phát sinh trong kỳ và chi phí dở dang cuối kỳ, kế toán tiến hành tính giá thành theo công thức :

$$\begin{array}{ccccccc} \text{Giá} & & \text{Chi phí} & & \text{Chi phí} & & \text{Chi} \\ \text{thành sản} & = & \text{sản xuất} & + & \text{sản xuất phát} & - & \text{phí sản} \\ \text{phẩm xây} & & \text{DDĐK} & & \text{sinh trong kỳ} & & \text{xuất} \\ \text{dựng hoàn} & & & & & & \text{DDCK} \\ \text{thành} & & & & & & \end{array}$$

➤ Bước 5: Kết chuyển giá thành.

Khi công trình hoặc hạng mục công trình hoàn thành và được nghiệm thu, kế toán thực hiện kết chuyển giá thành thực tế của khối lượng hoàn thành để xác định kết quả kinh doanh.

b. Phương pháp tỷ lệ.

Phương pháp tỷ lệ được áp dụng trong trường hợp doanh nghiệp xây lắp thi công nhiều hạng mục công trình hoặc nhiều loại sản phẩm có cùng quy trình sản xuất nhưng không thể tập hợp riêng chi phí thực tế cho từng đối tượng. Khi đó, doanh nghiệp sử dụng tỷ lệ giữa chi phí thực tế và chi phí dự toán để phân bổ chi phí và xác định giá thành cho từng đối tượng.

Trình tự tính giá thành theo phương pháp tỷ lệ được thực hiện như sau:

➤ **Bước 1: Tập hợp tổng chi phí sản xuất thực tế phát sinh:**

Kế toán tiến hành tập hợp toàn bộ chi phí sản xuất thực tế phát sinh trong kỳ liên quan đến các đối tượng cần tính giá thành, bao gồm:

- * Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp
- * Chi phí nhân công trực tiếp
- * Chi phí sử dụng máy thi công
- * Chi phí sản xuất chung

➤ **Bước 2: Xác định tổng giá thành dự toán hoặc tiêu chuẩn phân bổ:**

Doanh nghiệp xác định tổng giá thành dự toán của tất cả các hạng mục công trình hoặc các đối tượng cần tính giá thành làm căn cứ phân bổ chi phí thực tế.

➤ **Bước 3: Xác định tỷ lệ phân bổ chi phí:**

Tỷ lệ phân bổ được xác định theo công thức:

$$\text{Tỷ lệ phân bổ} = \frac{\text{Tổng chi phí thực tế}}{\text{Tổng giá thành dự toán}}$$

➤ **Bước 4: Tính giá thành thực tế cho từng đối tượng:**

Căn cứ vào tỷ lệ phân bổ đã xác định, kế toán tính giá thành thực tế cho từng hạng mục công trình theo từng hạng mục công trình theo công thức:

$$\begin{array}{ccccc} \text{Giá thành} & & \text{Giá thành} & & \\ \text{thực tế từng đối} & = & \text{dự toán từng đối} & \times & \text{Tỷ lệ phân bổ} \\ \text{tượng} & & \text{tượng} & & \end{array}$$

➤ **Bước 5: Kết chuyển giá thành:**

Sau khi xác định được giá thành thực tế của từng công trình hoặc hạng mục công trình hoàn thành, kế toán thực hiện kết chuyển giá thành để xác định kết quả kinh doanh.

c. Phương pháp hệ số :

Khác với phương pháp tính giá thành thì phương pháp hệ số là phương pháp tính giá thành trong đó chi phí sản xuất được tập hợp chung cho nhiều loại sản phẩm công trình, sau đó sử dụng hệ số quy đổi để phân bổ chi phí và xác định giá thành thực tế của từng loại sản phẩm hoặc hạng mục công trình.

Trình tự tính giá thành theo phương pháp hệ số được thực hiện như sau:

- Bước 1: Tập hợp tổng chi phí sản xuất thực tế phát sinh:

Kế toán tiến hành tập hợp toàn bộ chi phí sản xuất thực tế phát sinh liên quan đến các đối tượng tính giá thành trong kỳ.

- Bước 2: Xác định hệ số quy đổi:

Doanh nghiệp xác định hệ số cho từng loại sản phẩm hoặc từng hạng mục công trình căn cứ vào đặc điểm kỹ thuật, mức độ tiêu hao chi phí hoặc giá thành kế hoạch.

- Bước 3: Quy đổi sản lượng thực tế

Sản lượng thực tế của từng đối tượng quy đổi về sản lượng tiêu chuẩn theo công thức:

$$\text{Sản lượng quy đổi} = \text{Khối lượng dở dang} \times \% \text{ mức độ hoàn thành}$$

- Bước 4: Xác định tổng sản lượng quy đổi:

Kế toán cộng toàn bộ sản lượng quy đổi của các đối tượng để xác định tổng sản lượng tiêu chuẩn.

- Bước 5: Tính giá thành đơn vị tiêu chuẩn:

Giá thành đơn vị tiêu chuẩn được xác định theo công thức:

$$\text{Giá thành đơn vị tiêu chuẩn} = \frac{\text{Tổng chi phí thực tế của hạng mục}}{\text{Tổng khối lượng xây dựng tiêu chuẩn}}$$

d. Phương pháp tổng hợp chi phí:

Phương pháp tổng hợp chi phí là phương pháp liên hợp. Giá thành của một công trình tính bằng tổng giá thành của các chi tiết, bộ phận, hạng mục liên quan đến công trình. Phương pháp này áp dụng khá phổ biến cho những công trình thi công theo phương thức tổng thầu, bao gồm đơn vị cùng tham gia vào quá trình thi công xây dựng. Trong trường hợp này, đối tượng tập hợp chi phí sản xuất là các đội sản xuất, còn đối tượng hoàn thành là sản phẩm hoàn thành cuối cùng.

$$\begin{array}{ccccccc} \text{GTSP xây lắp} & & \text{CPSX} & & & & \text{CPSX} \\ \text{hoàn thành} & = & \text{DDĐK} & + & \text{C1+C2+....+Cn} & - & \text{DDCK} \end{array}$$

Trong đó: C1, C2,...Cn là chi phí sản xuất ở từng đội sản xuất hay từng hạng mục công trình.

CHƯƠNG II. THỰC TRẠNG KẾ TOÁN TẬP HỢP CHI PHÍ SẢN XUẤT VÀ TÍNH GIÁ THÀNH CÔNG TRÌNH XÂY DỰNG TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG HOÀNG TRUNG NA.

2.1. Tổng quan về Công ty cổ phần xây dựng Hoàng Trung Na.

2.1.1. Khái quát chung về Công ty cổ phần xây dựng Hoàng Trung Na.

Công ty Cổ phần Xây dựng Hoàng Trung Na là doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực xây dựng, chuyên thi công các công trình dân dụng và các hạng mục xây lắp. Công ty được thành lập ngày 27/05/2016, hoạt động theo loại hình công ty cổ phần và hiện đang hoạt động tại Nghệ An.

Thông tin cơ bản:

- Tên công ty: Công ty Cổ phần Xây dựng Hoàng Trung Na
- Mã số thuế: 2901851024
- Người đại diện pháp luật: Nguyễn Xuân Hoàng
- Chức danh: Giám đốc
- Ngày thành lập: 27/05/2016
- Địa chỉ: Số 204 Nguyễn Trường Tộ, Phường Thanh Vinh, Tỉnh Nghệ An
- Ngành nghề chính: Xây dựng nhà các loại và các hoạt động xây dựng nhà liên quan
- Loại hình doanh nghiệp: Công ty Cổ phần
- Số điện thoại: 0978745126
- Email: lowissecom@gmail.com
- Tình trạng: Đang hoạt động

2.1.2. Lịch sử hình thành và phát triển Công ty cổ phần xây dựng Hoàng Trung Na.

Công ty Cổ phần Xây dựng Hoàng Trung Na được thành lập vào ngày 27/05/2016, hoạt động theo loại hình công ty cổ phần trong lĩnh vực xây dựng. Ngay từ khi thành lập, công ty đã tập trung vào thi công các công trình xây dựng dân dụng và các hạng mục xây lắp trên địa bàn Nghệ An và các khu vực lân cận.

Trong quá trình hoạt động, công ty từng bước ổn định bộ máy tổ chức, mở rộng quy mô thi công và nâng cao chất lượng công trình. Nhờ sự nỗ lực của ban lãnh đạo và đội ngũ công nhân viên, công ty đã từng bước khẳng định vị thế trong lĩnh vực xây dựng, đảm bảo tiến độ thi công, chất lượng công trình và uy tín với đối tác. Đến

nay, Công ty Cổ phần Xây dựng Hoàng Trung Na vẫn tiếp tục phát triển, mở rộng hoạt động sản xuất kinh doanh, nâng cao năng lực thi công và hoàn thiện hệ thống quản lý nhằm đáp ứng yêu cầu ngày càng cao của thị trường xây dựng.

2.1.3. Những lĩnh vực kinh doanh và mục đích phát triển của Công ty cổ phần xây dựng Hoàng Trung Na.

**** Lĩnh vực kinh doanh:***

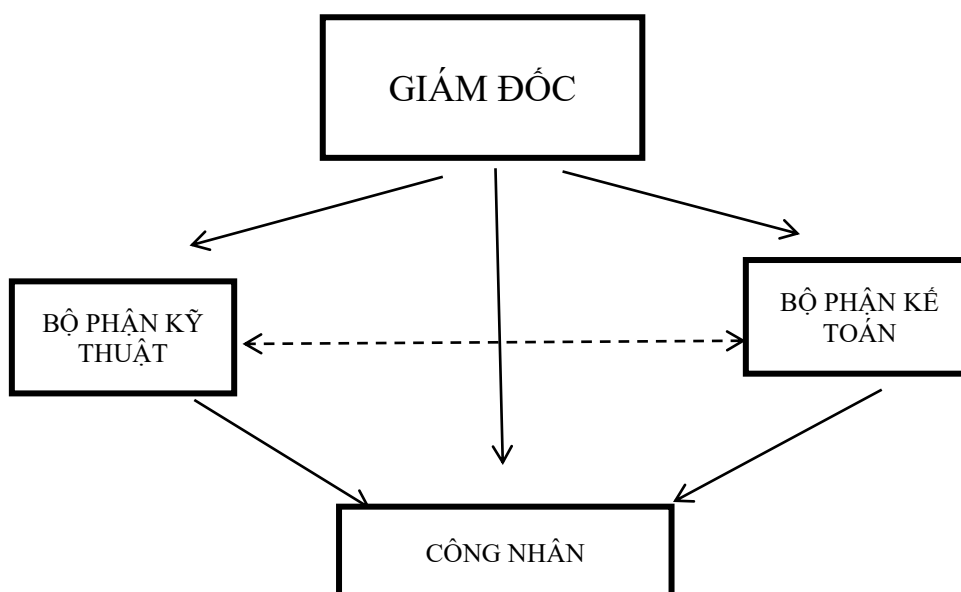
Ngành nghề kinh doanh		
STT	Tên ngành	Mã ngành
1	Xây dựng nhà các loại	F41000 (Chính)
2	Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ	F4210
3	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác	F42900
4	Chuẩn bị mặt bằng	F43120
5	Lắp đặt hệ thống điện	F43210
6	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hoà không khí	F4322
7	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác	F43290
8	Hoàn thiện công trình xây dựng	F43300
9	Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác	F43900
10	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng	G4663
11	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đầu	G4669
12	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ	H4933
13	Hoạt động tư vấn quản lý	M70200
14	Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan	M7110
15	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác	N7730

Mục đích phát triển: Trong bối cảnh nền kinh tế ngày càng phát triển và nhu cầu đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng ngày càng tăng, Công ty Cổ phần Xây dựng Hoàng Trung Na luôn định hướng phát triển theo hướng bền vững, nâng cao năng lực cạnh tranh và từng bước khẳng định vị thế trên thị trường xây dựng. Công ty không ngừng nâng cao chất lượng công trình xây dựng, đảm bảo tiến độ thi công và đáp ứng tốt yêu cầu của khách hàng. Đồng thời, doanh nghiệp chú trọng mở rộng quy mô hoạt động sản xuất kinh doanh, nâng cao hiệu quả quản lý chi phí, sử dụng hợp lý các nguồn lực nhằm tiết kiệm chi phí và tăng lợi nhuận. Bên cạnh đó, công ty cũng quan tâm đầu tư máy móc thiết bị, ứng dụng khoa học kỹ thuật vào quá

trình thi công, nâng cao trình độ chuyên môn cho đội ngũ cán bộ công nhân viên và từng bước hoàn thiện công tác quản lý, kế toán trong doanh nghiệp. Với định hướng phát triển đó, công ty luôn hướng tới mục tiêu nâng cao uy tín, khẳng định vị thế trên thị trường xây dựng và tạo nền tảng cho sự phát triển lâu dài trong tương lai.

2.1.4. Tổ chức bộ máy quản lý tại Công ty cổ phần xây dựng Hoàng Trung Na.

a. Sơ đồ tổ chức bộ máy quản lý Công ty Cổ phần Xây dựng Hoàng Trung Na.



Ghi chú:

————> : quan hệ chỉ đạo

←-----> : quan hệ phối hợp

Sơ đồ 6 : Sơ đồ cơ cấu tổ chức bộ máy quản lý công ty.

b. Chức năng và nhiệm vụ của các bộ phận :

* **Giám đốc:** Là người đại diện pháp lý của công ty. Do đó, giám đốc có chức năng và nhiệm vụ sau:

- Tổ chức và điều hành hoạt động sản xuất: Giám đốc trực tiếp quản lý, điều hành mọi hoạt động của công ty, đảm bảo quá trình thi công công trình diễn ra đúng kế hoạch, tiến độ và đạt hiệu quả kinh tế
- Xây dựng chiến lược và kế hoạch phát triển: Giám đốc lập kế hoạch sản xuất kinh doanh, định hướng phát triển dài hạn, mở rộng thị trường và nâng cao năng lực cạnh tranh của công ty.

- Ký kết hợp đồng kinh tế: Là người đại diện công ty ký kết các hợp đồng xây dựng, hợp đồng kinh tế với các đối tác và khách hàng. Nhằm đảm bảo quyền lợi và uy tín của công ty.

- Quản lý tài chính và nguồn lợi: Giám đốc tổ chức hiện quả nguồn vốn, tài sản, nhân lực và các nguồn lực khác nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh

- Chỉ đạo các phòng ban và công trình thi công: Phân công nhiệm vụ cho các bộ phận, kiểm tra tiến độ thi công, đảm bảo chất lượng công trình và an toàn lao động.

- Đại diện pháp luật của công ty: Giám đốc thay mặt công ty làm việc với cơ quan nhà nước, đối tác, khách hàng và chịu trách nhiệm về các hoạt động của doanh nghiệp theo quy định của pháp luật.

*** Bộ phận kỹ thuật:** Có nhiệm vụ lập kế hoạch và biện pháp thi công, kiểm tra bản vẽ thiết kế, giám sát quá trình thi công công trình, đảm bảo đúng tiến độ và chất lượng xây dựng. Đồng thời, bộ phận kỹ thuật phối hợp nghiệm thu khối lượng công trình, kiểm tra vật tư, máy móc và xử lý các vấn đề kỹ thuật phát sinh trong quá trình thi công.

*** Bộ phận kế toán:** Có nhiệm vụ tổ chức công tác hạch toán kế toán, theo dõi và quản lý các khoản thu chi, chi phí sản xuất và giá thành công trình. Đồng thời, bộ phận kế toán lập báo cáo tài chính, kiểm soát nguồn vốn, thanh toán lương và thực hiện nghĩa vụ thuế theo quy định của pháp luật.

*** Công nhân:** Là lực lượng trực tiếp tham gia thi công xây dựng công trình, có nhiệm vụ thực hiện các công việc xây lắp theo sự phân công của bộ phận kỹ thuật và quản lý, đảm bảo đúng quy trình, đúng kỹ thuật và tiến độ thi công. Đồng thời, công nhân phải tuân thủ các quy định về an toàn lao động, sử dụng vật tư và máy móc hợp lý, góp phần đảm bảo chất lượng công trình và hiệu quả sản xuất.

Các bộ phận trong công ty có mối quan hệ chặt chẽ, gắn bó và phối hợp hỗ trợ lẫn nhau trong toàn bộ quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh. Mỗi bộ phận đảm nhận một chức năng và nhiệm vụ riêng biệt, tuy nhiên đều có sự liên kết thống nhất nhằm đảm bảo quá trình thi công công trình diễn ra liên tục, đúng tiến độ, đúng yêu cầu kỹ thuật và đạt hiệu quả cao.

Sự phối hợp giữa ban giám đốc, bộ phận kỹ thuật, bộ phận kế toán và đội ngũ công nhân góp phần nâng cao hiệu quả quản lý, sử dụng hợp lý nguồn vốn, vật tư, máy móc và nhân lực của doanh nghiệp. Đồng thời, việc phối hợp chặt chẽ giữa các

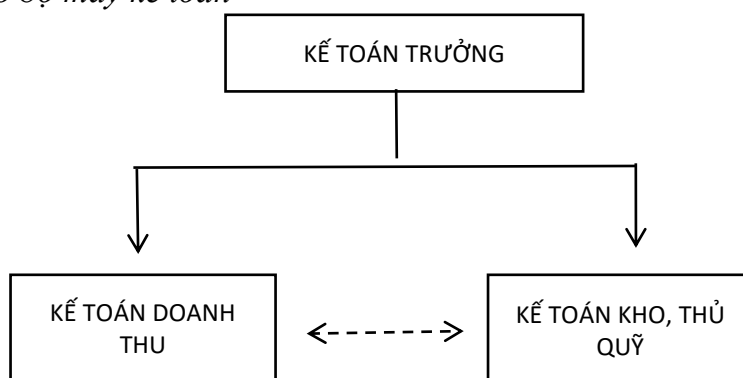
bộ phận còn giúp công ty kiểm soát tốt chi phí sản xuất, đảm bảo chất lượng công trình, nâng cao năng suất lao động và hạn chế những sai sót phát sinh trong quá trình thi công.

Bên cạnh đó, mối quan hệ phối hợp giữa các bộ phận còn tạo điều kiện thuận lợi cho công ty trong việc thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh, mở rộng thị trường, nâng cao uy tín với khách hàng và đối tác. Đây cũng là yếu tố quan trọng giúp doanh nghiệp tăng khả năng cạnh tranh, ổn định hoạt động sản xuất kinh doanh và hướng tới mục tiêu phát triển bền vững trong tương lai.

2.1.5. Đặc điểm bộ máy kế toán tại Công ty cổ phần xây dựng Hoàng Trung Na.

2.1.5.1. Cơ cấu tổ chức bộ máy kế toán.

a. Sơ đồ bộ máy kế toán



Chú thích:

————> : quan hệ chỉ đạo

←-----> : quan hệ phối hợp

Sơ đồ 7 : Sơ đồ bộ máy kế toán tại Công Ty Cổ phần Xây dựng Hoàng Trung Na.

a. Chức năng và nhiệm vụ :

- **Kế toán trưởng:** Là người đứng đầu bộ máy kế toán, chịu trách nhiệm tổ chức và điều hành toàn bộ công tác kế toán trong doanh nghiệp. Có chức năng tham mưu cho giám đốc về tình hình tài chính, đồng thời kiểm tra và giám sát các hoạt động thu chi, hạch toán và lập báo cáo tài chính. Bên cạnh đó, kế toán trưởng có nhiệm vụ ký duyệt chứng từ kế toán, hướng dẫn và quản lý các kế toán viên, đảm bảo

thông tin tài chính được cung cấp đầy đủ, chính xác và kịp thời phục vụ cho hoạt động quản lý và điều hành của doanh nghiệp.

- **Kế toán doanh thu:** Kế toán doanh thu có nhiệm vụ theo dõi và phản ánh và ghi nhận doanh thu phát sinh từ các công trình, hạng mục công trình hoặc khối lượng xây lắp hoàn thành đã được chủ đầu tư nghiệm thu và chấp nhận thanh toán. Bộ phận này thực hiện kiểm tra hồ sơ thanh toán, biên bản nghiệm thu, hóa đơn giá trị gia tăng và các chứng từ liên quan nhằm đảm bảo việc ghi nhận doanh thu đúng giá trị, đúng thời điểm theo quy định hiện hành.

Ngoài ra, kế toán doanh thu còn theo dõi tình hình công nợ phải thu của chủ đầu tư, đối chiếu giá trị thanh toán của từng công trình, phục vụ cho việc xác định kết quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp. Thông tin do kế toán doanh thu cung cấp giúp ban lãnh đạo đánh giá hiệu quả thi công, tiến độ thanh toán công trình và khả năng thu hồi vốn của doanh nghiệp xây dựng.

- **Kế toán kho và thủ quỹ:** Trong doanh nghiệp xây dựng, kế toán kho có nhiệm vụ theo dõi tình hình nhập, xuất, tồn kho nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ và thiết bị phục vụ thi công tại kho và tại công trình. Bộ phận này thực hiện kiểm tra chứng từ nhập xuất vật tư, đối chiếu số liệu thực tế nhằm đảm bảo việc quản lý vật tư được chặt chẽ, hạn chế thất thoát và đáp ứng kịp thời nhu cầu thi công công trình. Bên cạnh đó, kế toán kho còn theo dõi việc cấp phát vật tư cho từng công trình, hạng mục công trình để phục vụ cho công tác tập hợp chi phí và tính giá thành xây lắp. Thủ quỹ là người trực tiếp quản lý tiền mặt của doanh nghiệp, thực hiện các nghiệp vụ thu, chi tiền mặt liên quan đến hoạt động thi công, thanh toán chi phí và các khoản tạm ứng công trình theo đúng chứng từ hợp lệ. Đồng thời, thủ quỹ có trách nhiệm kiểm kê quỹ, đối chiếu số liệu với kế toán nhằm đảm bảo tính chính xác và an toàn trong quản lý vốn bằng tiền của doanh nghiệp.

Từ đó cho thấy giữa các bộ phận kế toán trong công ty luôn có mối quan hệ chặt chẽ, gắn bó và phối hợp hỗ trợ lẫn nhau trong quá trình thực hiện công việc. Mỗi bộ phận đảm nhận những nhiệm vụ riêng nhưng đều có sự liên kết trong việc cung cấp, kiểm tra và đối chiếu thông tin kế toán nhằm đảm bảo số liệu được phản ánh đầy đủ, chính xác và kịp thời. Sự phối hợp giữa các bộ phận kế toán không chỉ giúp công tác hạch toán, quản lý tài chính và lập báo cáo tài chính được thực hiện hiệu quả mà còn góp phần nâng cao hiệu quả quản lý, kiểm soát tốt chi phí, nguồn vốn và tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp. Đồng thời, đây cũng là cơ sở

giúp doanh nghiệp thực hiện tốt các nghĩa vụ tài chính theo quy định của Nhà nước và hướng tới mục tiêu phát triển ổn định, bền vững trong tương lai.

2.1.5.2. Đặc điểm hoạt động của bộ máy kế toán.

Bộ máy kế toán tại Công ty Cổ phần Xây dựng Hoàng Trung Na được tổ chức theo mô hình tập trung, dưới sự quản lý trực tiếp của kế toán trưởng. Các kế toán viên và kế toán kho & thủ quỹ có nhiệm vụ thực hiện nhiệm vụ hạch toán, theo dõi chứng từ, quản lý vật tư và tiền mặt theo sự phân công cụ thể. Hoạt động kế toán được thực hiện theo đúng chế độ kế toán hiện hành, đảm bảo cung cấp thông tin tài chính chính xác, kịp thời và phục vụ hiệu quả cho công tác quản lý tại công ty.

2.1.5.3. Chính sách kế toán áp dụng tại Công ty cổ phần xây dựng Hoàng Trung Na.

Công ty áp dụng theo chế độ kế toán theo Thông tư 133/2016/TT-BTC của Bộ Tài chính và thực hiện ghi sổ theo hình thức Nhật ký chung. Việc áp dụng TT133 phù hợp với quy mô và đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp, góp phần đảm bảo phản ánh đầy đủ, kịp thời các nghiệp vụ kinh tế phát sinh trong quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh. Bên cạnh đó, doanh nghiệp thực hiện ghi nhận các tài sản, nguồn vốn, doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các chuẩn mực, chế độ kế toán hiện hành. Các khoản mục chi phí phát sinh được tập hợp và phản ánh theo đúng nội dung kinh tế của nghiệp vụ, đảm bảo phục vụ cho việc xác định kết quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.

Đối với công tác quản lý vật tư, tài sản và công cụ dụng cụ, doanh nghiệp thực hiện theo dõi chặt chẽ nhằm đáp ứng yêu cầu quản lý trong hoạt động thi công xây lắp. Đồng thời, doanh nghiệp cũng thực hiện trích khấu hao tài sản cố định theo quy định hiện hành, đảm bảo phản ánh hợp lý giá trị hao mòn của tài sản trong quá trình sử dụng. Việc áp dụng các chính sách phù hợp đã góp phần nâng cao hiệu quả quản lý tài chính, cung cấp thông tin kế toán tương đối đầy đủ và phục vụ cho công tác quản trị tại công ty.

2.1.5.4. Hình thức sổ kế toán tại Công ty cổ phần xây dựng Hoàng Trung Na.

a. Hình thức ghi sổ kế toán: - Hình thức ghi sổ kế toán theo hình thức Nhật ký chung:



Chú thích:

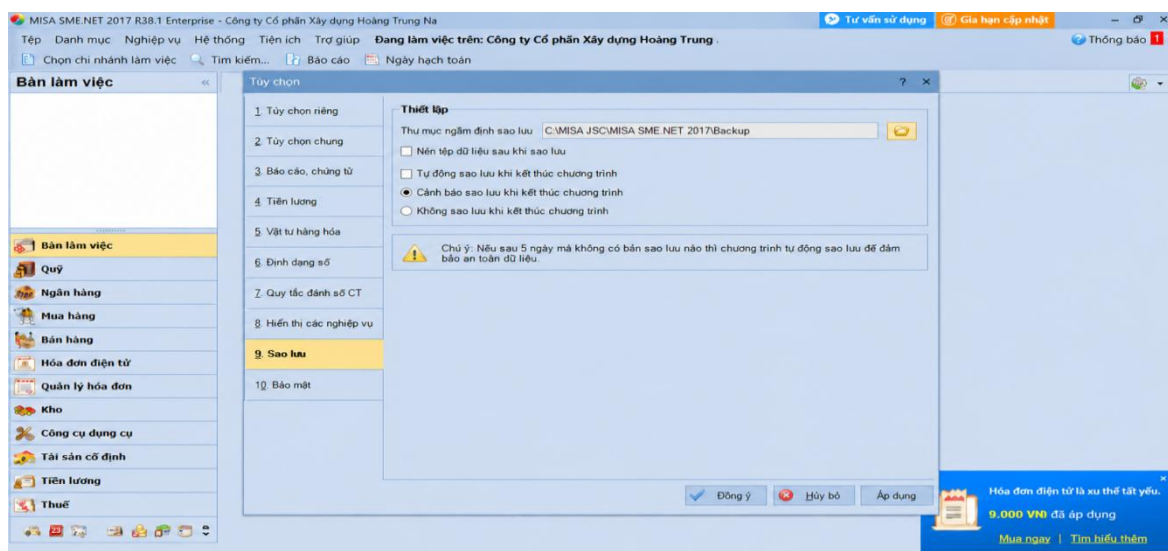
- Ghi hàng ngày :
- Ghi cuối tháng, cuối quý :
- Kiểm tra, đối chiếu :

Sơ đồ 8 : Sơ đồ hình thức nhật ký chung tại Công ty Cổ phần Xây dựng Hoàng Trung Na.

Doanh nghiệp không mở sổ chi tiết TK 154 mà chỉ theo dõi chung trên TK 154. Vì vậy số liệu trên Sổ chi tiết TK 154 gần giống với Sổ Cái TK 154. Khi thực hiện khóa luận, căn cứ vào chứng từ gốc, nội dung nghiệp vụ kinh tế phát sinh và tài khoản chi phí được hạch toán trên phần mềm để phân loại thành chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp, chi phí sử dụng máy thi công và chi phí sản xuất chung.”

- Phần mềm sử dụng: Phần mềm kế toán MISA

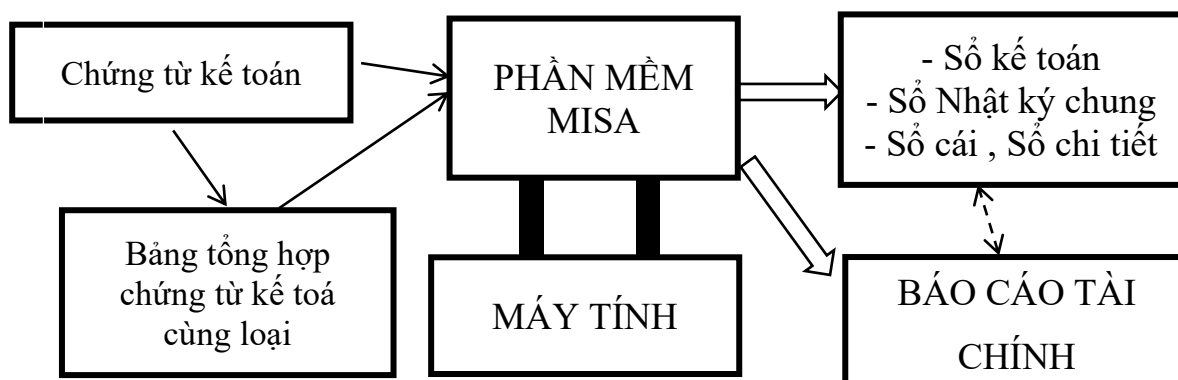
Để đơn giản hóa công tác hạch toán, Công ty đã áp dụng phần mềm kế toán MISA. Phần mềm giúp nhân viên kế toán thực hiện việc nhập liệu chứng từ, ghi chép sổ sách một cách nhanh chóng, chính xác. Từ đó nâng cao hiệu quả làm việc của bộ phận kế toán.



Hình ảnh 1: Giao diện phần mềm kế toán MISA.

Phần mềm kế toán MISA là phần mềm kế toán phổ biến, được thiết kế phù hợp với nhiều loại hình của doanh nghiệp. Với giao diện thân thiện, dễ sử dụng, phần mềm giúp người dùng dễ dàng thao tác, quản lý dữ liệu kế toán một cách hiệu quả. Ngoài ra, MISA có hỗ trợ báo cáo tài chính, báo cáo thuế nhanh chóng, chính xác, đáp ứng yêu cầu quản lý và quy định của nhà nước.

- Trình tự ghi sổ kế toán:



Ghi chú :

————> : Nhập số liệu hằng ngày

====> : In sổ, báo cáo cuối tháng hoặc cuối kỳ

<-----> : Quan hệ đối chiếu, kiểm tra

Sơ đồ 9 : Sơ đồ trình tự ghi sổ kế toán tại Công ty Cổ phần Xây dựng Hoàng Trung Na.

Từ các nghiệp vụ kinh tế phát sinh, kế toán sử dụng phần mềm kế toán MISA để thực hiện công tác kế toán tại Công ty Cổ Phần Xây dựng Hoàng Trung Na sử dụng máy tính kết hợp với phần mềm kế toán MISA để thực hiện công tác kế toán một

cách nhanh chóng và chính xác. Các chứng từ kế toán như hóa đơn giá trị gia tăng đầu vào, hóa đơn giá trị gia tăng đầu ra, phiếu thu, phiếu chi, sổ phụ ngân hàng và các chứng từ liên quan khác, sau khi được kiểm tra tính hợp lệ, hợp pháp và đầy đủ thông tin sẽ được kế toán nhập trực tiếp vào phần mềm kế toán.

Đối với các nghiệp vụ kinh tế phát sinh nhiều lần trong ngày hoặc trong kỳ, kế toán tiến hành lập bảng tổng hợp chứng từ kế toán cùng loại nhằm giảm bớt khối lượng nhập liệu, đồng thời đảm bảo quản lý và kiểm soát số liệu được thuận lợi hơn. Sau đó, kế toán nhập số liệu tổng hợp vào phần mềm kế toán MISA để xử lý. Phần mềm sẽ tự động phân loại, định khoản và cập nhật số liệu vào các sổ kế toán liên quan như sổ nhật ký chung, sổ cái các tài khoản, sổ kế toán chi tiết theo đúng quy trình và chế độ kế toán hiện hành.

Vào cuối kỳ kế toán, phần mềm kế toán MISA sẽ tự động tổng hợp số liệu và lập báo cáo tài chính như bảng cân đối kế toán, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và thuyết minh báo cáo tài chính. Kế toán tiến hành kiểm tra lại toàn bộ số liệu và rà soát các chỉ tiêu trên báo cáo, đảm bảo phù hợp với quy định của chế độ kế toán hiện hành trước khi in và trình ký ban giám đốc để phục vụ công tác quản lý và nộp cho cơ quan chức năng theo quy định.

a. Trình tự luân chuyển chứng từ:

➤ Bước 1: Tiếp nhận, kiểm tra và nhập chứng từ :

Hàng ngày, căn cứ vào các nghiệp vụ kinh tế phát sinh tại doanh nghiệp xây dựng, kế toán tiếp nhận các chứng từ như: hóa đơn GTGT đầu vào, hóa đơn GTGT đầu ra, chứng từ mua nguyên vật liệu, bảng lương và các chứng từ liên quan đến hoạt động xây dựng công trình.

➤ Bước 2: Ghi sổ kế toán trên phần mềm.

Căn cứ vào chứng từ đã được nhập, phần mềm kế toán tự động hạch toán các nghiệp vụ kinh tế phát sinh, ghi nhận vào sổ Nhật ký chung theo trình tự thời gian, đồng thời cập nhật vào các sổ chi tiết của các tài khoản kế toán liên quan.

➤ Bước 3: Tổng hợp và đối chiếu số liệu.

Cuối kỳ kế toán, kế toán căn cứ số liệu đã ghi trên sổ Nhật ký chung để phần mềm kế toán tự động cập nhật vào sổ Cái các tài khoản kế toán, lập Bảng cân đối số phát sinh; đồng thời đối chiếu số liệu giữa sổ Cái và Bảng tổng hợp chi tiết nhằm đảm bảo số liệu chính xác.

➤ Bước 4: Lập báo cáo tài chính.

Sau khi hoàn tất việc đối chiếu, kiểm tra số liệu, kế toán sử dụng phần mềm kế toán để lập báo cáo tài chính

2.2. Thực trạng kế toán tổng hợp chi phí sản xuất tại Công ty Cổ phần Xây dựng Hoàng Trung Na.

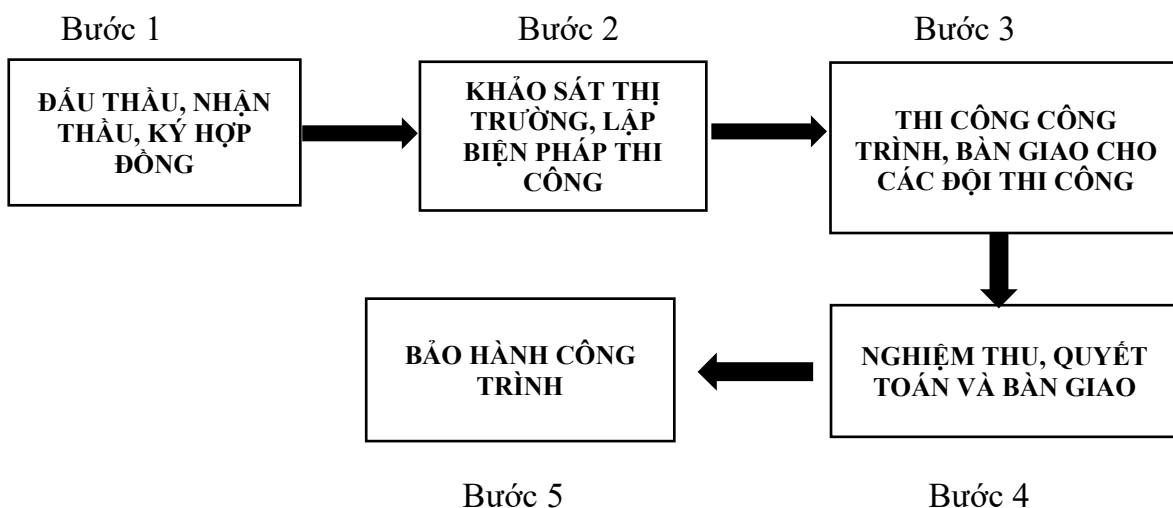
2.2.1. Tổng quan hoạt động xây dựng tại Công ty Cổ phần Xây dựng Hoàng Trung Na:

Khi công ty nhận được thông báo mời từ chủ đầu tư, dưới sự chỉ đạo của giám đốc, phòng kế toán và phòng kỹ thuật sẽ tiến hành dự toán cho công trình và thực hiện việc đấu thầu. Nếu trúng thầu, hai bên sẽ ký hợp đồng xây dựng. Sau khi hợp đồng được ký kết thì công ty tiến hành thi công công trình.

Quy trình sản xuất:

Quy trình sản xuất của ngành xây dựng có đặc điểm rất phức tạp, trải qua nhiều giai đoạn khác nhau, mỗi công trình có một dự toán riêng và các công trình thi công tại những địa điểm khác nhau.

Cụ thể gồm 6 bước:



Sơ đồ 10 : Sơ đồ quy trình sản xuất .

Bước 1: Đấu thầu, nhận thầu, ký hợp đồng: Trước hết doanh nghiệp tiến hành tham gia đấu thầu để tìm kiếm công trình phù hợp. Khi trúng thầu, hai bên ký kết hợp đồng, trong đó quy định rõ giá trị công trình, tiến độ thi công và phương thức thanh toán. Đây là cơ pháp lý quan trọng để doanh nghiệp triển khai các bước tiếp theo.

Bước 2_ Tiến hành khảo sát thị trường, lập biện pháp thi công: Đây là quá trình nhằm thu thập các thông tin thực tế và địa hình, địa chất và điều kiện môi trường tại khu vực.

Xây dựng kế hoạch chi tiết về nhân lực, máy móc, vật tư và tiến độ thực hiện, đồng thời đảm bảo các yêu cầu về kỹ thuật và an toàn lao động. Đây là giai đoạn mang tính định hướng, ảnh hưởng trực tiếp đến hiệu quả và chi phí của toàn bộ công trình. Đồng thời, biện pháp thi công còn bao gồm các nội dung về tổ chức mặt bằng công trường, phương án đảm bảo an toàn lao động, vệ sinh môi trường và phòng chống rủi ro trong quá trình thi công.

Bước 3_ Thi công công trình, bàn giao cho các đội thi công: Đây là giai đoạn trực tiếp thi công công trình, nơi các kế hoạch được triển khai thực tế. Doanh nghiệp phân công công việc cho các đội thi công, tổ chức giám sát chặt chẽ tiến độ, chất lượng và chi phí để đảm bảo công trình được thực hiện đúng yêu cầu.

Bước 4_ Nghiệm thu, quyết toán và bàn giao: Khi công trình hoàn thành, doanh nghiệp tiến hành nghiệm thu, quyết toán và bàn giao chủ đầu tư. Đây là bước kiểm tra, đánh giá chất lượng công trình, xác nhận khối lượng công việc hoàn thành và thực hiện thanh toán giữa các bên.

Bước 5_ Bảo hành công trình: Sau khi bàn giao, doanh nghiệp tiếp tục thực hiện nghĩa vụ bảo hành công trình theo thời gian đã cam kết trong hợp đồng, nhằm khắc phục các sự cố phát sinh và đảm bảo công trình được vận hành ổn định.

2.2.2. Đối tượng tập hợp chi phí sản xuất tại Công ty Cổ phần Xây dựng Hoàng Trung Na.

Đối tượng tập hợp chi phí sản xuất tại Công ty Cổ phần Xây dựng Hoàng Trung Na được xác định là từng công trình hay từng hạng mục công trình dựa theo hợp đồng được ký kết.

Chi phí sản xuất tại Công ty Cổ phần Xây dựng Hoàng Trung Na được phân loại dựa trên mục đích, công dụng của chi phí. Được chia theo 4 khoản mục chi phí:

- Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp.
- Chi phí nhân công trực tiếp.
- Chi phí sử dụng máy thi công.
- Chi phí sản xuất chung.

Tại Công ty Cổ phần Xây dựng Hoàng Trung Na, do số lượng công trình thi công nhiều, thời gian thực hiện dài và chi phí phát sinh có tính chất đan xen giữa các công trình nên các khoản chi phí sản xuất, kế toán tập hợp trên phần mềm kế toán nhằm phục vụ cho công tác theo dõi chi phí trong quá trình thi công. Sau đó,

doanh nghiệp thực hiện tổng hợp và phân bổ chi phí để tính giá thành từng công trình để tính giá thành cho từng công trình trên Excel theo tiêu thức phù hợp, phục vụ cho công tác quản lý nội bộ cũng như lập báo cáo tài chính.

2.2.3. Nội dung kế toán tổng hợp chi phí sản xuất tại Công ty Cổ phần Xây dựng Hoàng Trung Na

2.2.3.1. Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp.

a. Nội dung :

Quá trình xây dựng và phát sinh các chi phí sản xuất trong doanh nghiệp xây dựng thì chi phí NVL trực tiếp là một khoản mục chi phí có chiếm tỷ trọng lớn trong toàn bộ công trình thi công. Vì vậy, quá trình hạch toán chính xác và đầy đủ khoản chi phí này có vai trò rất quan trọng, đặc biệt trong việc xác định mức tiêu hao vật tư thực tế trong quá trình thi công. Điều này giúp đảm bảo tính đúng đắn của chi phí cho từng công trình và hạng mục công trình và đồng thời giúp phản ánh rõ tình hình sử dụng vật liệu. Bên cạnh đó, việc quản lý tốt nguyên vật liệu sẽ góp phần hạn chế lãng phí. Từ đó, ảnh hưởng đáng kể đến giá thành sản phẩm và hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.

b. Chứng từ sử dụng: Để hạch toán chi phí NVLTT thì các chứng từ được sử dụng: Hóa đơn GTGT, Phiếu chi tiền,...gồm các chi phí tập hợp toàn bộ giá trị của các loại nguyên vật liệu dùng trực tiếp cho quá trình thi công, xây lắp.

c. Tài khoản sử dụng: Để hạch toán chi phí NVL trực tiếp, công ty sử dụng tài khoản 154 - Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang. Và ngoài ra công ty sử dụng các tài khoản liên quan khác như TK 152, 111, 133, 331,...

d. Quy trình luân chuyển chứng từ:

Sau khi ký kết hợp đồng kinh tế, phòng kế toán dựa vào các bản phụ lục kèm theo hợp đồng kinh tế, bắt đầu tiến hành tìm nhà cung cấp phù hợp với định mức tiêu hao dự toán. Tiếp đó, hồ sơ được gửi cho giám đốc xem xét và phê duyệt. Khi đã được chấp thuận, bộ phận kế toán sẽ lập giấy đề nghị mua hàng và thủ quỹ sẽ thực hiện lập phiếu chi hoặc ủy nhiệm chi. Khi hàng hóa được giao, quản lý sẽ tiến hành kiểm tra số lượng, chất lượng và chủng loại vật tư theo hợp đồng đã ký. Nếu đảm bảo đúng yêu cầu, đơn vị sẽ xác nhận với nhà cung cấp để hoàn tất quá trình giao nhận. Bộ phận kế toán sau khi đã được xác nhận đã giao đúng và nhận hóa đơn, kế toán ký xác nhận và chứng từ được lưu trữ tại phòng kế toán, kế toán nhập liệu vào phần mềm.

[illegible]

42

Ngày 31/03/2025, sau khi giao hàng và kiểm tra số lượng, nguyên vật liệu được giao trực tiếp cho bộ phận thi công tại công trình. Kế toán tiến hành nhập liệu vào phần mềm.

Bước 1: Mở phân hệ Mua hàng.



Hình ảnh 3: Giao diện phần mềm

Bước 2: Chọn chứng từ mua hàng, chọn mua hàng hóa không qua kho.

Mã hàng	Tên hàng	TK chi phí	TK tiền	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Tỷ lệ CK (%)
VTHH80	Xi măng Nghi Sơn PCB 40	154	1111	Tấn	15,50	1.157.407,40	17.939.815	0,00
Số dòng = 1					15,50		17.939.815	
Tổng tiền hàng						17.939.815		
Tiền thuế GTGT							1.435.185	
Tiền chiết khấu						0		
Tổng tiền thanh toán						19.375.000		
Chi phí mua hàng							0	
Tổng giá trị							17.939.815	

Hình ảnh 4: Giao diện nhập chứng từ

Nhập dữ liệu đầy đủ vào các ô:

- Đối tượng
- Ngày tháng của hóa đơn

- Mẫu số hóa đơn, ký hiệu hóa đơn và số hóa đơn. Sau khi nhập xong, kiểm tra lại thông tin để lưu lại chứng từ, kích chuột vào “ Ghi” , phần mềm sẽ tự động cập nhật nghiệp vụ ngày nào vào sổ Nhật ký chung và tiếp tục được cập nhật vào các sổ có liên quan

Trường hợp muốn sửa chứng từ, kích vào Bỏ ghi và sửa.

Phần mềm sẽ tự động cập nhật vào các sổ:

* Sổ Nhật ký chung

* Sổ chi tiết tài khoản 154

* Sổ cái TK 154

Trích dẫn nghiệp vụ kinh tế phát sinh: Ngày 14/10/2025, Công ty có mua vật liệu của Công ty Cổ phần Xây dựng và Thương mại Việt Tín phục vụ thi công công trình theo hóa đơn số 379 với tổng giá trị đơn hàng là 24.000.000 đ(bao gồm



Hình ảnh 6 : Giao diện phần mềm

Bước 2: Chọn chứng từ mua hàng, chọn mua hàng hóa không kho. Sau đó hạch toán Tên hàng, đơn vị tính, số lượng, thuế suất VAT và thành tiền,...

1. Hàng tên	2. Thuế	3. Thông kê	4. Chi phí	Tên hàng	TK chi phí	TK công nợ	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Tỷ lệ CK (%)
VTHH440				Gạch Lát 40 x 60 mã 461 loại 1	154	331	Hộp	281,00	79.082,64	22.222.222	0,00
Số dòng = 1								281,00		22.222.222	
Tổng tiền hàng								22.222.222		Tiền thuế GTGT	1.777.778
Tiền chiết khấu								0		Chi phí mua hàng	0
Tổng tiền thanh toán								24.000.000		Tổng giá trị	22.222.222

Hình ảnh 7 : Giao diện nhập hóa đơn 379.

- Nhập dữ liệu đầy đủ vào các ô:
 - Đối tượng
 - Ngày tháng của hóa đơn
 - Mẫu số hóa đơn, ký hiệu hóa đơn và số hóa đơn

Sau khi nhập liệu đầy đủ các chứng từ phát sinh vào phần mềm kế toán, đến cuối kỳ kế toán, hệ thống sẽ tự động xử lý, tổng hợp số liệu và kết xuất các sổ kế toán theo quy định. Căn cứ vào dữ liệu đã được cập nhật, kế toán tiến hành kiểm tra, đối chiếu và thực hiện thao tác in các loại sổ kế toán cần thiết phục vụ cho công tác quản lý, kiểm tra và lập báo cáo tài chính.

Các sổ kế toán được in cuối kỳ thường bao gồm: Sổ Nhật ký chung, Sổ Cái các tài khoản. Việc in sổ kế toán cuối kỳ không chỉ giúp doanh nghiệp lưu trữ chứng từ, tài liệu kế toán một cách khoa học, đầy đủ mà còn là căn cứ quan trọng để kiểm tra tính chính xác của số liệu, phục vụ công tác quyết toán thuế, kiểm toán và lập báo cáo tài chính. Nhờ ứng dụng phần mềm kế toán, quá trình lập và in sổ được thực hiện nhanh chóng, chính xác, giảm thiểu sai sót so với phương pháp ghi chép thủ công, đồng thời nâng cao hiệu quả công tác kế toán tại doanh nghiệp.

SỔ NHẬT KÝ CHUNG						
Năm 2025						
Ngày hạch toán	Ngày chứng từ	Số chứng từ	Diễn giải	Tài khoản	Phát sinh Nợ	Phát sinh Có
01/01/2025	01/01/2025	NVK0073	Hạch toán điều chỉnh tiền kỳ quỹ năm 2024	1386	43.481.000	0
01/01/2025	01/01/2025	NVK0073	Hạch toán điều chỉnh tiền kỳ quỹ năm 2024	3386	0	43.481.000
.....						
31/03/2025	31/03/2025	PBCC00093	Phân bổ chi phí CCDC tháng 3 năm 2025	6422	4.264.944	0
31/03/2025	31/03/2025	PBCC00093	Phân bổ chi phí CCDC tháng 3 năm 2025	242	0	4.264.944
31/03/2025	31/03/2025	PBCC00093	Phân bổ chi phí CCDC tháng 3 năm 2025	154	370.833	0
31/03/2025	31/03/2025	PBCC00093	Phân bổ chi phí CCDC tháng 3 năm 2025	242	0	370.833
31/03/2025	31/03/2025	PC0244	Chi tiền mua hàng CÔNG TY TNHH VẠN TÀI VÀ THƯƠNG MẠI TRƯỜNG THÀNH theo hóa đơn 681	154	17.939.815	0
31/03/2025	31/03/2025	PC0244	Chi tiền mua hàng CÔNG TY TNHH VẠN TÀI VÀ THƯƠNG MẠI TRƯỜNG THÀNH theo hóa đơn 681	1111	0	17.939.815
31/03/2025	31/03/2025	PC0244	Chi tiền mua hàng CÔNG TY TNHH VẠN TÀI VÀ THƯƠNG MẠI TRƯỜNG THÀNH theo hóa đơn 681	1331	1.435.185	0
31/03/2025	31/03/2025	PC0244	Chi tiền mua hàng CÔNG TY TNHH VẠN TÀI VÀ THƯƠNG MẠI TRƯỜNG THÀNH theo hóa đơn 681	1111	0	1.435.185
.....						
31/05/2025	31/05/2025	NVK0042	Hạch toán BHXH tháng 5/2025	6422	4.300.000	0
31/05/2025	31/05/2025	NVK0042	Hạch toán BHXH tháng 5/2025	3383	0	4.300.000
31/05/2025	31/05/2025	NVK0042	Hạch toán BHXH tháng 5/2025	334	2.100.000	0
31/05/2025	31/05/2025	NVK0042	Hạch toán BHXH tháng 5/2025	3383	0	2.100.000
.....						
13/10/2025	13/10/2025	UNC00642	Kỳ quỹ BL	1386	2.071.900	0
13/10/2025	13/10/2025	UNC00642	Kỳ quỹ BL	1121	0	2.071.900
14/10/2025	14/10/2025	MH314	Mua hàng của CÔNG TY CP XD VÀ TM VIỆT TIN theo hóa đơn 379	154	22.222.222	0
14/10/2025	14/10/2025	MH314	Mua hàng của CÔNG TY CP XD VÀ TM VIỆT TIN theo hóa đơn 379	331	0	22.222.222
14/10/2025	14/10/2025	MH314	Mua hàng của CÔNG TY CP XD VÀ TM VIỆT TIN theo hóa đơn 379	1331	1.777.778	0
14/10/2025	14/10/2025	MH314	Mua hàng của CÔNG TY CP XD VÀ TM VIỆT TIN theo hóa đơn 379	331	0	1.777.778
.....						
28/11/2025	28/11/2025	UNC00631	Thanh toán tiền hàng	331	108.086.400	0
28/11/2025	28/11/2025	UNC00631	Thanh toán tiền hàng	1121	0	108.086.400
29/11/2025	29/11/2025	MH255	Mua hàng của CÔNG TY TNHH THIẾT BẮC TRUNG NAM theo h	154	148.941.557	0
29/11/2025	29/11/2025	MH255	Mua hàng của CÔNG TY TNHH THIẾT BẮC TRUNG NAM theo h	331	0	148.941.557
29/11/2025	29/11/2025	MH255	Mua hàng của CÔNG TY TNHH THIẾT BẮC TRUNG NAM theo h	1331	14.894.155	0
29/11/2025	29/11/2025	MH255	Mua hàng của CÔNG TY TNHH THIẾT BẮC TRUNG NAM theo h	331	0	14.894.155
29/11/2025	29/11/2025	MH320	Mua hàng của CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI MIỀN NÚI NGHỆ AN theo hóa đơn 00150312	154	8.148.439	0
29/11/2025	29/11/2025	MH320	Mua hàng của CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI MIỀN NÚI NGHỆ AN theo hóa đơn 00150312	331	0	8.148.439
29/11/2025	29/11/2025	MH320	Mua hàng của CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI MIỀN NÚI NGHỆ AN theo hóa đơn 00150312	1331	651.875	0
29/11/2025	29/11/2025	MH320	Mua hàng của CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI MIỀN NÚI NGHỆ AN theo hóa đơn 00150312	331	0	651.875
29/11/2025	29/11/2025	NTTK00244	Lãi TG	1121	11.817	0
29/11/2025	29/11/2025	NTTK00244	Lãi TG	515	0	11.817
29/11/2025	29/11/2025	UNC00632	Thanh toán tiền hàng	331	158.835.700	0
29/11/2025	29/11/2025	UNC00632	Thanh toán tiền hàng	1121	0	158.835.700
30/11/2025	30/11/2025	NVK0070	Trích lương tháng 11	6422	51.480.154	0
30/11/2025	30/11/2025	NVK0070	Trích lương tháng 11	334	0	51.480.154
30/11/2025	30/11/2025	NVK0070	Trích lương tháng 11	154	295.485.692	0
30/11/2025	30/11/2025	NVK0070	Trích lương tháng 11	334	0	295.485.692
30/11/2025	30/11/2025	PT0011	Giám đốc nộp tiền quỹ	1111	500.000.000	0
30/11/2025	30/11/2025	PT0011	Giám đốc nộp tiền quỹ	3388	0	500.000.000
01/12/2025	01/12/2025	NTTK00229	Nộp tiền	1121	328.000.000	0
01/12/2025	01/12/2025	NTTK00229	Nộp tiền	1111	0	328.000.000
.....						
30/12/2025	30/12/2025	MH352	Mua hàng của CÔNG TY CP THƯƠNG MẠI VÀ XÂY LẬP ĐIỆN CÔNG NGHỆ theo hóa đơn 00002417	154	36.820.080	0
30/12/2025	30/12/2025	MH352	Mua hàng của CÔNG TY CP THƯƠNG MẠI VÀ XÂY LẬP ĐIỆN CÔNG NGHỆ theo hóa đơn 00002417	331	0	36.820.080
30/12/2025	30/12/2025	MH352	Mua hàng của CÔNG TY CP THƯƠNG MẠI VÀ XÂY LẬP ĐIỆN CÔNG NGHỆ theo hóa đơn 00002417	1331	2.945.605	0
30/12/2025	30/12/2025	MH352	Mua hàng của CÔNG TY CP THƯƠNG MẠI VÀ XÂY LẬP ĐIỆN CÔNG NGHỆ theo hóa đơn 00002417	331	0	2.945.605
.....						
31/12/2025	31/12/2025	NVK0058	Kết chuyển lãi lỗ đến ngày 31/12/2025	911	87.150.329	0
31/12/2025	31/12/2025	NVK0058	Kết chuyển lãi lỗ đến ngày 31/12/2025	4212	0	87.150.329
Số đóng = 3648					90.835.428.526	90.835.428.526

Bảng 1: Sổ Nhật ký chung

CÔNG TY CP XÂY DỰNG HOÀNG TRUNG NA					Mẫu số: S03b-DNN			
Khối Yên Duệ, Phường Thành Vinh, Tỉnh Nghệ An, Việt Nam.					(Ban hành theo Thông tư số 133/2016/TT-BTC Ngày 26/08/2016 của Bộ Tài chính)			
SỔ CÁI								
(Dùng cho hình thức kế toán Nhật ký chung)								
Năm 2025								
Tàikhoàn 154 - Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang							Đơn vị tính: VND	
Ngày, tháng ghi số	Chứng từ		Diễn giải	Nhật ký chung		Số hiệu TK đối ứng	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày, tháng		Trang số	STT dòng		Nợ	Có
A	B	C	D	E	G	H	1	2
			- Số dư đầu kỳ				355.782.229	
			- Số phát sinh trong kỳ					
05/01/2025	PC0210	05/01/2025	Chi tiền mua hàng CÔNG TY CP TRUNG ĐỒ theo hóa đơn 3			1111	16.780.000	
31/03/2025	PC0239	31/03/2025	Chi tiền mua hàng theo hóa đơn 530			1111	13.781.333	
31/03/2025	PC0244	31/03/2025	Chi tiền mua hàng CÔNG TY TNHH VẠN TÀI VÀ THƯƠNG MẠI TRƯỜNG THANH theo hóa đơn 681			1111	17.939.815	
04/06/2025	MH088	04/06/2025	Mua hàng của CÔNG TY CỔ PHẦN AVATAR VINH theo hóa đơn 828			331	178.638.000	
11/10/2025	MH316	11/10/2025	Mua hàng của CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT VÀ THƯƠNG MẠI TÂM CHÍNH theo hóa đơn 95			331	15.363.700	
12/10/2025	MH505	12/10/2025	Mua hàng theo hóa đơn 621			331	1.504.630	
14/10/2025	MH314	14/10/2025	Mua hàng của CÔNG TY CP XD VÀ TM VIỆT TIN theo hóa đơn 379			331	22.222.222	
29/11/2025	MH255	29/11/2025	Mua hàng của CÔNG TY TNHH THÉP BẮC TRUNG NAM theo hóa đơn 181			331	148.941.557	
29/11/2025	MH320	29/11/2025	Mua hàng của CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI MIỀN NÚI NGHỆ AN theo hóa đơn 00150312			331	8.148.439	
30/11/2025	MH318	30/11/2025	Mua hàng của CÔNG TY TNHH PHÚ NGUYỄN HẢI theo hóa đơn 1091			331	28.707.545	
30/11/2025	NVK0070	30/11/2025	Trích lương tháng 11			334	296.485.692	
30/11/2025	PBCC00101	30/11/2025	Phân bổ chi phí CCDC tháng 11 năm 2025			242	370.833	
30/12/2025	MH250	30/12/2025	Mua hàng của CÔNG TY CỔ PHẦN AVATAR VINH theo hóa đơn 00000277			331	270.000.324	
30/12/2025	MH352	30/12/2025	Mua hàng của CÔNG TY CP THƯƠNG MẠI VÀ XÂY LẬP ĐIỆN CÔNG NGHIỆP theo hóa đơn 00002417			331	36.820.060	
30/12/2025	MH355	30/12/2025	Mua hàng của CÔNG TY CP XD VÀ TM VIỆT TIN theo hóa đơn 697			331	36.337.036	
31/12/2025	NVK0057	31/12/2025	Kết chuyển chi phí năm 2025			632		9.974.617.000
31/12/2025	NVK0071	31/12/2025	Trích lương tháng 12			334	299.084.231	
			- Cộng số phát sinh				10.498.258.800	9.974.617.000
			- Số dư cuối kỳ				879.424.029	
			- Cộng lũy kế từ đầu năm				10.498.258.800	9.974.617.000
Người ghi sổ			Kế toán trưởng			Giám đốc		
(Ký, họ tên)			(Ký, họ tên)			(Ký, họ tên, đóng dấu)		

Bảng 2: Sổ Cái TK 154

2.2.3.2. Chi phí nhân công trực tiếp.

a. Nội dung:

Chi phí nhân công trực tiếp là một trong những yếu tố quan trọng cấu thành nên giá thành sản phẩm trong doanh nghiệp xây dựng. Các khoản liên quan liên quan tới chi phí này bao gồm tiền lương, tiền công, phụ cấp và các khoản trích theo lương phải trả cho công nhân trực tiếp tham gia thi công công trình và hạng mục công trình. Chi phí này phản ánh mức độ sử dụng lao động trực tiếp trong quá trình sản xuất, đồng thời ảnh hưởng trực tiếp đến tiến độ và chất lượng thi công công trình.

Trong quá trình xây dựng, chi phí nhân công trực tiếp thường bao gồm tiền lương trả cho công nhân xây dựng, công nhân sắt thép, công nhân bê tông, công nhân lắp ráp và các lao động trực tiếp khác tham gia thi công tại công trình. Bên cạnh đó, các khoản phụ cấp ăn ca, đi lại được tính vào chi phí nhân công trực tiếp. Việc tập hợp đầy đủ và chính xác các khoản chi phí này giúp doanh nghiệp xác định đúng chi phí sản xuất và tính giá thành công trình một cách hợp lý.

Hiện tại, công ty có hình thức trả lương cho công nhân trực tiếp thi công công trình như sau:

- Đối với lao động trong biên chế của công ty, công ty tiến hành trả lương dựa trên mức lương quy định và thời gian làm việc.

$$\text{Lương thời gian} = \frac{\text{Lương theo quy định} \times \text{Số ngày làm việc thực tế}}{\text{Số ngày làm việc trong tháng}}$$

b. Tài khoản sử dụng: Để hạch toán chi phí nhân công trực tiếp, kế toán hạch toán vào tài khoản 154 - chi phí sản xuất kinh doanh dở dang. Và ngoài ra công ty còn hạch toán vào các tài khoản liên quan khác như TK 334, 111, 112,...

c. Chứng từ sử dụng: Các chứng từ được sử dụng bao gồm: Bảng chấm công, Bảng tính lương, Phiếu chi,...

d. Quy trình luân chuyển chứng từ:

Hàng ngày, quản lý bộ phận công nhân căn cứ vào tình hình làm việc thực tế của mình để chấm công cho từng công nhân vào bảng chấm công. Và bên cạnh đó, công

nhân cũng tự chấm công cho mình sau đó đối chiếu vào bảng chấm công nhằm trách tình trạng nhầm lẫn của quản lý như chấm công thừa hoặc thiếu.

*** Lương nhân công:**

Ví dụ minh họa: Ngày 30/11/2025, Kế toán viên tổng hợp và lập bảng tính lương Tháng 11/2025

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG HOÀNG TRUNG NA																																		
BẢNG CHẤM CÔNG																																		
			Tháng				11 Năm				2025																							
STT	HỌ TÊN	CHỨC VỤ	01	02	03	04	05	06	07	08	09	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29	30	01	Đủ công
			T7	CN	T2	T3	T4	T5	T6	T7	CN	T2	T3	T4	T5	T6	T7	CN	T2	T3	T4	T5	T6	T7	CN	T2	T3	T4	T5	T6	T7	CN	T2	
1 Bộ phận văn phòng																																		0
2	Nguyễn Xuân Hoàng	Giám đốc	x		x	x	x	x	x	x		x	x	x	x	x	x		x	x	x	x	x	x		x	x		x	x	x	x	x	24
3	Uông Thị Thảo Linh	kế toán	x		x	x		x	x	x		x	x	x	x	x	x		x	x	x	x	x	x		x	x	x	x	x	x	x	x	24
4	Nguyễn Tiến Sơn	TP	x		x	x		x	x	x		x	x	x	x	x	x		x	x	x	x	x	x		x	x	x	x	x	x	x	x	24
5	Phạm Việt Biên	KT																																0
6	Bùi Duy Trì	Kỹ thuật	x		x	x	x	x	x	x		x	x	x	x	x	x		x	x	x	x	x	x		x	x	x	x	x	x	x	x	25
7 Công trình tư vấn và thi công																																		0
8	Lê Thị Hồng Thủy	Kế toán	x		x		x	x	x	x		x	x	x		x	x		x		x	x	x	x		x	x	x	x	x	x	x	x	22
9	Đặng Công Tiến	Nhân viên	x		x	x	x	x	x	x		x	x	x	x	x	x		x	x	x	x	x	x		x	x	x	x	x	x	x	x	25
10	Nguyễn Xuân Nguyên	Nhân viên	x		x	x	x	x	x	x		x	x	x	x	x	x		x	x	x	x	x	x		x	x		x	x	x	x	x	24
11	Phan Bá Phát	Nhân viên	x		x	x	x	x	x	x		x	x	x	x	x	x		x	x	x	x	x	x		x	x	x	x	x	x	x	x	25
12	Nguyễn Văn Viên	Nhân viên	x		x	x	x	x	x	x		x	x	x	x	x	x		x	x	x	x	x	x		x	x	x	x	x	x	x	x	25
13	Cao Thị Danh	Nhân viên	x		x	x	x	x	x	x		x	x	x	x	x	x		x	x	x	x	x	x		x	x	x	x	x	x	x	x	25
14	Cao Đình Dương	Nhân viên	x		x	x	x	x	x	x		x	x	x	x	x	x		x	x	x	x	x	x		x	x	x	x	x	x	x	x	26
.....																																		
16	Lê Văn Bằng	Nhân viên	x				x	x	x			x				x			x	x	x													9
17	Nguyễn Trọng Dương	Nhân viên	x		x	x		x	x			x		x	x	x			x			x				x		x						13
18	Nguyễn Doãn Hà	Nhân viên	x			x	x	x				x			x	x			x		x	x				x								11
19	Cao Thị Thu Thảo	Nhân viên	x			x	x	x				x	x	x					x	x	x					x	x	x						13
20	Nguyễn Duy Nghệ	Nhân viên	x			x		x	x			x	x		x				x	x	x	x				x				x				13
21	Nguyễn Đức Cường	Nhân viên	x		x	x	x	x	x	x		x		x	x	x	x		x	x	x	x	x		x	x	x	x	x	x	x	x	x	23
22	Trần Thị Hương	Nhân viên	x		x	x			x	x		x	x							x	x					x		x	x	x	x	x	x	13
23	Ngô Minh Tăng	Nhân viên	x		x		x					x	x	x					x	x		x				x		x	x		x	x	x	13
24	Nguyễn Văn Tám	Nhân viên	x		x	x						x	x						x			x				x	x	x		x	x	x	x	13
25	Nguyễn Thị Bé	Nhân viên	x		x			x	x				x	x	x				x	x	x	x				x		x	x	x	x	x	x	13

Bảng 3: Bảng chấm công tháng 11/ 2025.

Sau khi lập bảng chấm công, kế toán viên bắt đầu phân bổ tiền lương theo tỷ lệ quy định và các khoản trích theo lương cho bộ phận văn phòng và bộ phận tư vấn công trình và thi công:

CÔNG TY CP XÂY DỰNG HOÀNG TRUNG NA
Phường Thành Vinh, Tỉnh Nghệ An, Việt Nam

BẢNG LƯƠNG THÁNG 11 NĂM 2025

BỘ PHẬN VĂN PHÒNG																
STT	Họ và Tên	Chức vụ	Lương chính	Ngày công thực tế	Lương ngày công	Phụ cấp ăn ca 22k/ngày	Tổng Lương	Lương đóng BH	Các khoản trích vào CP DN			Các khoản trích từ lương			Cộng	Thực lĩnh
									BHXH (17,5%)	BHYT (3 %)	BHTN(0%)	BHXH (8%)	BHYT (1,5 %)	BHTN(1%)		
1	Nguyễn Xuân Hoàng	Giám đốc	20,000,000	24	769,231	528,000	18,989,538	5,000,000	875,000	150,000	50,000	400,000	75,000	50,000	525,000	18,464,538
2	Uông Thị Thảo Linh	kế toán	11,000,000	24	423,077	528,000	10,681,846	5,000,000	875,000	150,000	50,000	400,000	75,000	50,000	525,000	10,156,846
3	Nguyễn Tiên Sơn	TP	11,000,000	24	423,077	528,000	10,681,846	-	-	-	-	-	-	-	-	10,681,846
4	Phạm Việt Biên	KT	11,000,000	0	423,077	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
5	Bùi Duy Trí	Kỹ thuật	11,000,000	25	423,077	550,000	11,126,923	5,000,000	875,000	150,000	50,000	400,000	75,000	50,000	525,000	10,601,923
Tổng					1,615,385		51,480,154	15,000,000	2,625,000	450,000	150,000	1,200,000	225,000	150,000	1,575,000	49,905,154
CÔNG TRÌNH TƯ VẤN - THI CÔNG																
STT	Họ và Tên	Chức vụ	Lương chính	Ngày công thực tế	Lương ngày công	Phụ cấp ăn ca 22k/ngày	Tổng Lương	Lương đóng BH	Các khoản trích vào CP DN			Các khoản trích từ lương			Cộng	Thực lĩnh
									BHXH (17,5%)	BHYT (3 %)	BHTN(0%)	BHXH (8%)	BHYT (1,5 %)	BHTN(1%)		
2	Lê Thị Hồng Thủy	Kế toán	11,000,000	22	423,077	484,000	9,791,692		-	-	-	-	-	-	-	9,791,692
1	Đặng Công Tiên	Nhân viên	400,000	25	400,000	550,000	10,550,000									10,550,000
2	Nguyễn Xuân Nguyên	Nhân viên	400,000	24	400,000	528,000	10,128,000									10,128,000
3	Phan Bá Phát	Nhân viên	400,000	25	400,000	550,000	10,550,000									10,550,000
4	Nguyễn Văn Viên	Nhân viên	400,000	26	400,000	572,000	10,972,000									10,972,000
5	Cao Thị Danh	Nhân viên	400,000	25	400,000	550,000	10,550,000									10,550,000
6	Cao Đình Dương	Nhân viên	400,000	24	400,000	528,000	10,128,000									10,128,000
.....																
30	Lê Văn Bằng	Nhân viên	400,000	9	400,000	198,000	3,798,000									3,798,000
31	Nguyễn Trọng Dương	Nhân viên	400,000	13	400,000	286,000	5,486,000									5,486,000
32	Nguyễn Doãn Hà	Nhân viên	400,000	11	400,000	242,000	4,642,000									4,642,000
33	Cao Thị Thu Thảo	Nhân viên	400,000	13	400,000	286,000	5,486,000									5,486,000
34	Nguyễn Duy Nghệ	Nhân viên	400,000	13	400,000	286,000	5,486,000									5,486,000
35	Nguyễn Đức Cường	Nhân viên	400,000	23	400,000	506,000	9,706,000									9,706,000
36	Trần Thị Hương	Nhân viên	400,000	13	400,000	286,000	5,486,000									5,486,000
37	Ngô Minh Tăng	Nhân viên	400,000	13	400,000	286,000	5,486,000									5,486,000
38	Nguyễn Văn Tâm	Nhân viên	400,000	13	400,000	286,000	5,486,000									5,486,000
39	Nguyễn Thị Bé	Nhân viên	400,000	13	400,000	286,000	5,486,000									5,486,000
Tổng							295,485,692	-	-	-	-	-	-	-	-	295,485,692

Nghệ An, ngày 30 tháng 11 năm 2025

Người Lập

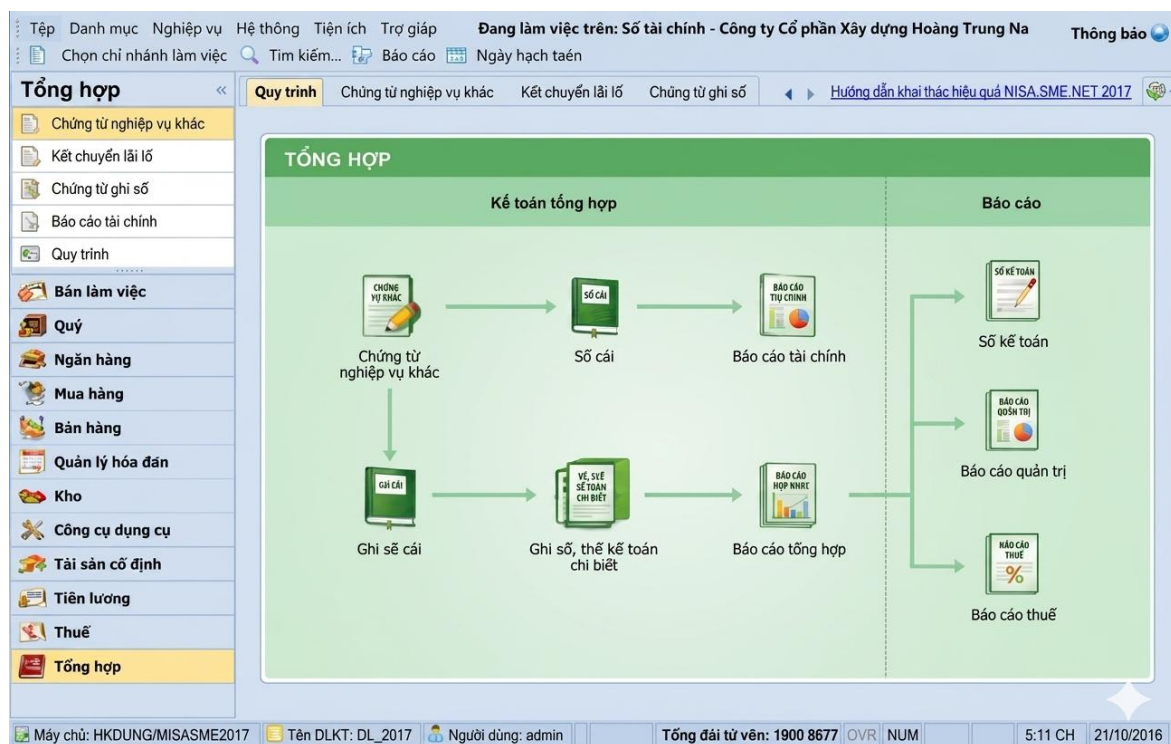
Giám đốc

Lê Thị Hồng Thủy

Nguyễn Xuân Hoàng

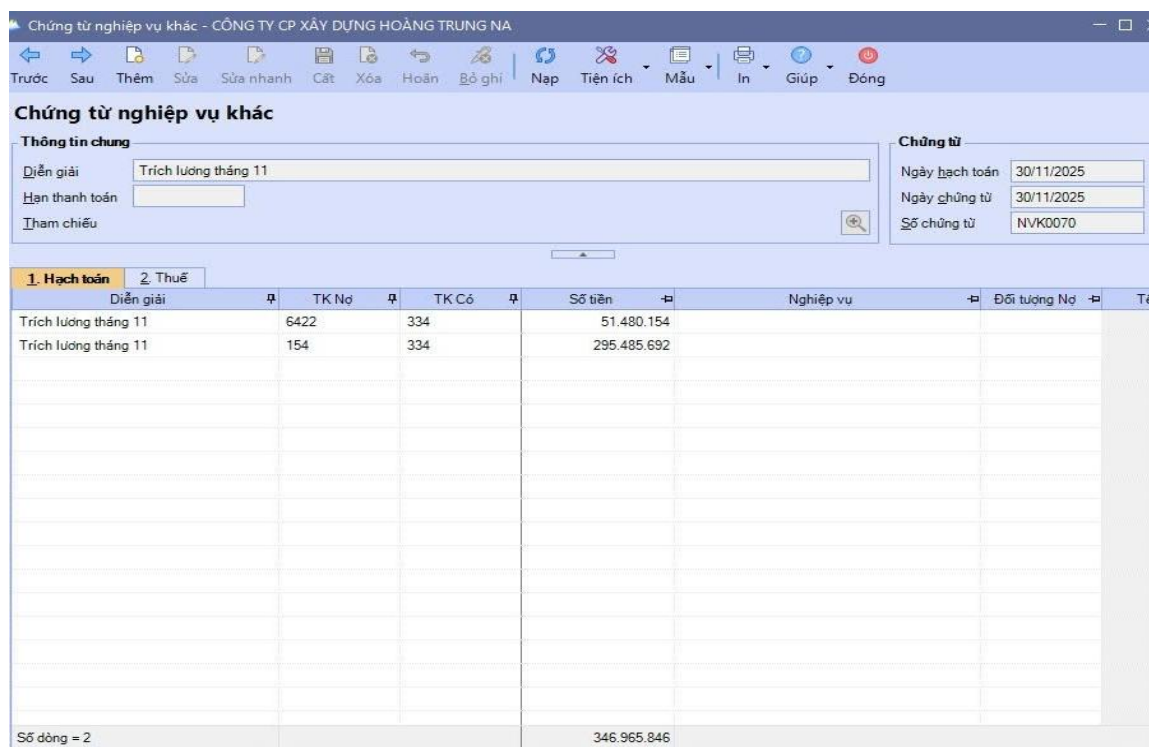
Bảng 4: Bảng tính lương tháng 11/ 2025

Sau khi lập bảng tính lương, kế toán viên tiến hành hạch toán vào phần mềm MISA:
 Bước 1: Kích vào phân hệ chứng từ nghiệp vụ khác



Hình ảnh 8 : Giao diện phần mềm

Bước 2: Hạch toán tiền lương Tháng 11/ 2025



Hình ảnh 9 : Giao diện hạch toán lương Tháng 11/2025.

Cuối tháng, căn cứ vào bảng chấm công gửi về phòng kế toán và sự ký duyệt của kỹ thuật theo dõi tiến độ hoàn thành công trình. Phòng kế toán căn cứ vào các

chứng từ đó có nhiệm vụ tính lương phải trả cho người lao động và đồng thời lập tính lương và lập phiếu chi rồi chuyển lên ban giám đốc để xét duyệt và ký xác nhận. Sau khi được ký xác nhận phiếu chi, sẽ được chuyển cho thủ quỹ để tiến hành chi tiền và ký xác nhận lên phiếu chi. Phiếu chi sau đó được chuyển về phòng kế toán để lưu trữ.

Do đặc điểm hoạt động trong lĩnh vực xây lắp, Công ty Cổ phần Xây dựng Hoàng Trung Na thường thực hiện thi công nhiều công trình cùng lúc trong một kỳ kế toán. Mỗi công trình có quy mô, thời gian thi công và tiến độ thực hiện khác nhau, trong đó nhiều công trình kéo dài qua nhiều tháng hoặc quý mới hoàn thành. Đồng thời, đội ngũ nhân công của công ty thường tham gia thi công luân phiên hoặc đồng thời tại nhiều công trình, hạng mục khác nhau nên việc xác định chính xác chi phí tiền lương phát sinh cho từng công trình tại thời điểm tiền lương là tương đối khó khăn.

Việc tập hợp chi phí theo phương pháp này giúp doanh nghiệp thuận tiện hơn trong công tác quản lý lao động, giảm bớt khối lượng theo dõi chi tiết đối với những công trình có thời gian thi công kéo dài hoặc phát sinh nhiều hạng mục thi công đồng thời. Từ đó, cuối kỳ in ra các sổ Nhật ký chung, Sổ Cái,... theo quy định, cụ thể tại **Bảng 1: Sổ Nhật ký chung, Bảng 2: Sổ Cái 154**.

*** Các khoản trích theo lương:**

Tại Công ty Cổ phần Xây dựng Hoàng Trung Na, các khoản trích theo lương như BHXH, BHYT, BHTN và kinh phí công đoàn hiện được doanh nghiệp hạch toán chủ yếu vào TK 6422 - Chi phí quản lý doanh nghiệp mà chưa thực hiện phân bổ và hạch toán riêng cho bộ phận nhân công trực tiếp tại công trình.

Cách hạch toán này xuất phát từ đặc điểm quản lý lao động tại doanh nghiệp khi lực lượng lao động thi công thường xuyên thay đổi theo từng công trình, một số lao động mang tính thời vụ nên công ty chưa thực hiện theo dõi và tập hợp riêng các khoản trích theo lương cho từng công trình xây lắp. Việc hạch toán các khoản theo lương vào chi phí quản lý doanh nghiệp giúp công tác kế toán được thực hiện đơn giản hơn và thuận tiện trong quá trình theo dõi chi phí. Tuy nhiên, điều này làm cho chi phí thi công tại công trình chưa được phản ánh đầy đủ các khoản chi phí thực tế phát sinh liên quan đến lao động thi công. Đồng thời, giá thành sản phẩm xây lắp có thể chưa được phản ánh chính xác toàn bộ chi phí cấu thành công trình.

2.2.3.3. Chi phí máy thi công.

Chi phí sử dụng máy thi công là toàn bộ các tài khoản chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc vận hành, sử dụng máy móc, thiết bị thi công nhằm phục vụ cho quá trình thi công xây lắp tại công trình. Đây là một trong bốn khoản mục chi phí cơ bản cấu thành nên giá thành sản phẩm xây lắp.

Trong quá trình xây dựng, khoản mục này bao gồm:

- Chi phí nhiên liệu, vật liệu phụ dùng cho máy thi công (xăng, dầu, mỡ bôi trơn,...)
- Chi phí tiền lương và các khoản trích theo lương của công nhân điều khiển, vận hành máy thi công
- Chi phí khấu hao máy móc, thiết bị thi công
- Chi phí sửa chữa, bảo dưỡng máy thi công
- Chi phí dịch vụ mua ngoài phục vụ cho hoạt động của máy thi công
- Chi phí khác bằng tiền liên quan đến việc sử dụng máy thi công

Trích dẫn nghiệp vụ phát sinh: Ngày 29/11/2025, Công ty mua xăng DO 005S-II phục vụ cho máy xúc, máy đào,...từ Công ty Cổ phần Thương mại Miền Núi Nghệ An theo hóa đơn 00150312

Giá trị chưa thuế là 8.148.439 đồng , thuế GTGT 8% tương đương 651.875 đồng.
Tổng tiền thanh toán là 8.800.314 đồng.



CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI MIỀN NÚI NGHỆ AN

Mã số thuế: 2900325519

Địa chỉ: Số 1A, đường Tân Đà, Phường Vinh Hưng, Tỉnh Nghệ An, Việt Nam.

Điện thoại: 02383853928

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG

Ngày 29 tháng 11 năm 2025

Mã CQT: MI-25-ZT8TH-0000917433

Ký hiệu: IC25MKS

Số: **00150312**

Đơn vị bán hàng: Trung tâm Thương mại Tổng hợp Kỳ Sơn

Địa chỉ: Xóm 3, Xã Mường Xén, Tỉnh Nghệ An

SĐT: 0838335756

Mail: hocuanhong1984@gmail.com

Họ và tên người mua hàng:

Tên đơn vị: CÔNG TY CP XÂY DỰNG HOÀNG TRUNG NA

Mã số thuế: 2901851024

MSĐVCQHVNS:

Địa chỉ: Số 204, Nguyễn Trường Tộ, khối Yên Duê, Phường Thành Vinh, Tỉnh Nghệ An, Việt Nam

Điện thoại:

Hình thức thanh toán: TMCK



SIT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	Dầu DO 0,05S-II	Lit	459,067	17.750,00	8.148.439
Cộng tiền hàng:					8.148.439
Thuế suất GTGT: 8% Tiền thuế GTGT:					651.875
Tổng tiền thanh toán:					8.800.314
Số tiền viết bằng chữ: <i>Tám triệu, tám trăm nghìn, ba trăm mười bốn đồng.</i>					

Người mua hàng

(Chữ ký số (nếu có))

Người bán hàng

(Chữ ký điện tử, Chữ ký số)

Tra cứu tại Website: <https://www.meinvoice.vn/tra-cuu> - Mã tra cứu: 3JHKHPZKD0B6

(Cần kiểm tra, đối chiếu khi lập, giao, nhận hóa đơn)

Phát hành bởi phần mềm MISA meInvoice - Công ty Cổ phần MISA (www.misa.vn) - MST 0101243150

Hình ảnh 10: Hóa đơn GTGT 00150312 được xuất từ thẻ POS.

Sau khi nhận hóa đơn, kế toán bắt đầu hạch toán tại phần mềm kế toán MISA:

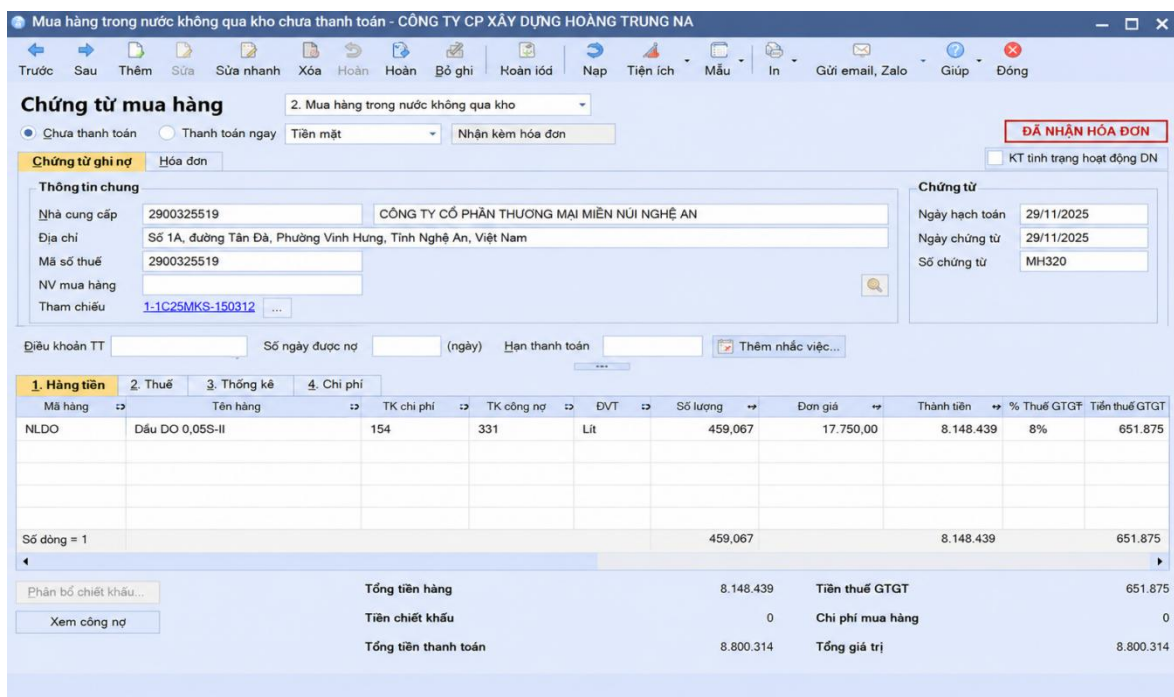
Bước 1: Từ hóa đơn mua hàng, kế toán tiến hành hạch toán vào phần mềm. Kế toán

chọn phân hệ mua hàng . Và bắt đầu nhập liệu vào phần mềm:



Hình ảnh 11 : Giao diện phần mềm

Bước 2: Sau đó kế toán tiến hành hạch toán:



Hình ảnh 12 : Giao diện nhập chứng từ

➤ Nhập dữ liệu đầy đủ vào các ô:

- Đối tượng
- Ngày tháng của hóa đơn
- Mẫu số hóa đơn, ký hiệu hóa đơn và số hóa đơn

Sau khi nhập xong, kiểm tra lại thông tin để lưu lại chứng từ, kích chuột vào “ Ghi ” , phần mềm sẽ tự động cập nhật nghiệp vụ ngày nào vào sổ Nhật ký chung

và tiếp tục được cập nhật vào các sổ có liên quan. Cụ thể tại **Bảng 1: Sổ Nhật ký chung, Bảng 2: Sổ cái tài khoản 154.**

Trường hợp muốn sửa chứng từ, kích vào Bỏ ghi và sửa.

2.2.3.4. Chi phí sản xuất chung .

a. Nội dung:

Chi phí sản xuất trong xây dựng là những chi phí phát sinh nhưng không trực tiếp cho từng khối lượng xây lắp cụ thể. Đây là khoản chi phí cần thiết nhằm phục vụ và quản lý quá trình thi công công trình. Chi phí sản xuất chung bao gồm chi phí nhân viên quản lý đội công trình, chi phí vật liệu dùng chung, chi phí công cụ dụng cụ, chi phí khấu hao TSCĐ, chi phí dịch vụ mua ngoài.

Việc tập hợp và phân bổ chi phí sản xuất chung hợp lý giúp doanh nghiệp xác định chính xác giá thành sản phẩm xây lắp, nâng cao hiệu quả quản lý chi phí và phục vụ cho công tác quản trị doanh nghiệp.

b. Tài khoản sử dụng:

Để hạch toán chi phí nhân công trực tiếp, kế toán hạch toán vào tài khoản 154 - chi phí sản xuất kinh doanh dở dang. Và ngoài ra công ty còn hạch toán vào các tài khoản liên quan khác như TK111, 112, 331,...

c.Chứng từ sử dụng: Các chứng từ được sử dụng bao gồm: Hóa đơn GTGT, Phiếu chi tiền,...

c. Quy trình luân chuyển chứng từ:

Khi phát sinh các khoản chi phí sản xuất chung phục vụ cho hoạt động thi công công trình, kế toán căn cứ vào hóa đơn GTGT, phiếu chi, giấy báo nợ và các chứng từ liên quan để kiểm tra tính hợp pháp, hợp lý và hợp lệ của chứng từ. Sau khi kiểm tra, kế toán tiến hành nhập liệu vào phần mềm kế toán MISA SME.NET. Từ các chứng từ gốc, phần mềm tự động cập nhật số liệu vào Sổ Nhật ký chung, đồng thời phản ánh vào Sổ Cái TK 154 và các tài khoản liên quan như TK 111, TK 112, TK 331, TK 1331. Ngoài ra, số liệu còn được cập nhật vào sổ chi tiết chi phí sản xuất chung nhằm phục vụ cho công tác theo dõi và tập hợp chi phí theo từng công trình. Cuối kỳ, kế toán thực hiện đối chiếu số liệu giữa Sổ Nhật ký chung, Sổ Cái và sổ chi tiết để làm căn cứ tính giá thành công trình và lập báo cáo tài chính.

Nghiệp vụ minh họa: Ngày 30/12/2025, doanh nghiệp phát sinh chi phí thuê bộ phận bên ngoài thực hiện lắp đặt đường dẫn điện phục vụ công tác quản lý và thi công công trình tại khu vực vùng cao. Do đặc điểm công trình nằm ở địa hình khó khăn, việc lắp đặt hệ thống điện nhằm đảm bảo điều kiện phục vụ quản lý, điều hành và duy trì hoạt động thi công tại công trình. Căn cứ vào hóa đơn GTGT số 00002417 của Công ty CP Thương mại và Xây lắp Điện Công nghiệp, kế toán hạch toán chi phí nguyên vật liệu và chi phí thuê ngoài phục vụ quản lý công trình vào chi phí sản xuất chung của doanh nghiệp.

		HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG (VAT INVOICE)		Ký hiệu (Serial): 1C25TCN Số (No.): 00002417	
Ngày (Date) 30 tháng (month) 12 năm (year) 2025		Mã			
CQT (Code): 0039C6B12676A84EA3A5C6A429CB20C97B					
Đơn vị bán hàng (Seller): CÔNG TY CP THƯƠNG MẠI VÀ XÂY LẮP ĐIỆN CÔNG NGHIỆP Mã số thuế (Tax code): 2901044969 Địa chỉ (Address): Số 48, Ngõ 8, Đường Nguyễn Khánh Toàn, Phường Trường Vinh, Tỉnh Nghệ An, Việt Nam Điện thoại (Tel): 02383845349 Email : Ctyldcongnghiep@gmail.com Website : https://tbdiencongnghiep.com					
Họ tên người mua hàng (Buyer): MSDVCQHVS (Budgetary unit code): Căn cước công dân (Citizen identification): Tên đơn vị (Company's name): CÔNG TY CP XÂY DỰNG HOÀNG TRUNG NA Mã số thuế (Tax code): 2901851024 Địa chỉ (Address): Số 204, Nguyễn Trường Tộ, khối Yên Duệ, Phường Thành Vinh, Nghệ An, Việt Nam.					
Hình thức thanh toán (Payment method): Chuyển Khoản Số tài khoản (Bank account):					
STT (No)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Name of goods and services)	Đơn vị tính (Unit)	Số lượng (Quantity)	Đơn giá (Unit price)	Thành tiền (Amount)
1	Cầu dao hộp 3P 3C 100A không đảo chiều	cái	1,00	1.955.500,00	1.955.500
2	Bảng dính	cuộn	2,00	10.000,00	20.000
3	Nhân công	Gói	1,00	5.000.000,00	5.000.000
4	Cáp nhôm vện xoắn ABC-AL/XLPE 4*35	m	590,00	50.584,00	29.844.560
Cộng tiền hàng (Total amount excl. VAT):					36.820.060
Thuế suất GTGT (VAT rate): 8% Tiền thuế GTGT (VAT amount):					2.945.605
Tổng tiền thanh toán (Total amount):					39.765.665
Số tiền viết bằng chữ (Total amount in words): Ba mươi chín triệu bảy trăm sáu mươi lăm nghìn sáu trăm sáu mươi lăm đồng chẵn.					
Người mua hàng (Buyer) (Ký, ghi rõ họ, tên) (Signature, full name)			Người bán hàng (Seller) (Ký, ghi rõ họ, tên) (Signature, full name)		
			Signature Valid Ký bởi (Signed By): CÔNG TY CP THƯƠNG MẠI VÀ XÂY LẮP ĐIỆN CÔNG NGHIỆP  Ký ngày (Signing Date): 30/12/2025		
Tra cứu tại Website (Search in website): https://www.meinvoice.vn/tra-cuu - Mã tra cứu hóa đơn (Invoice code): 23HBF9VW1X40 (Cần kiểm tra, đối chiếu khi lập, giao, nhận hóa đơn) (You need to check invoice when issuing, delivering and receiving) Phát hành bởi phần mềm MISA meInvoice - Công ty Cổ phần MISA (www.misa.vn) - MST 0101243150					

Hình ảnh 13 : Hóa đơn GTGT 2417.

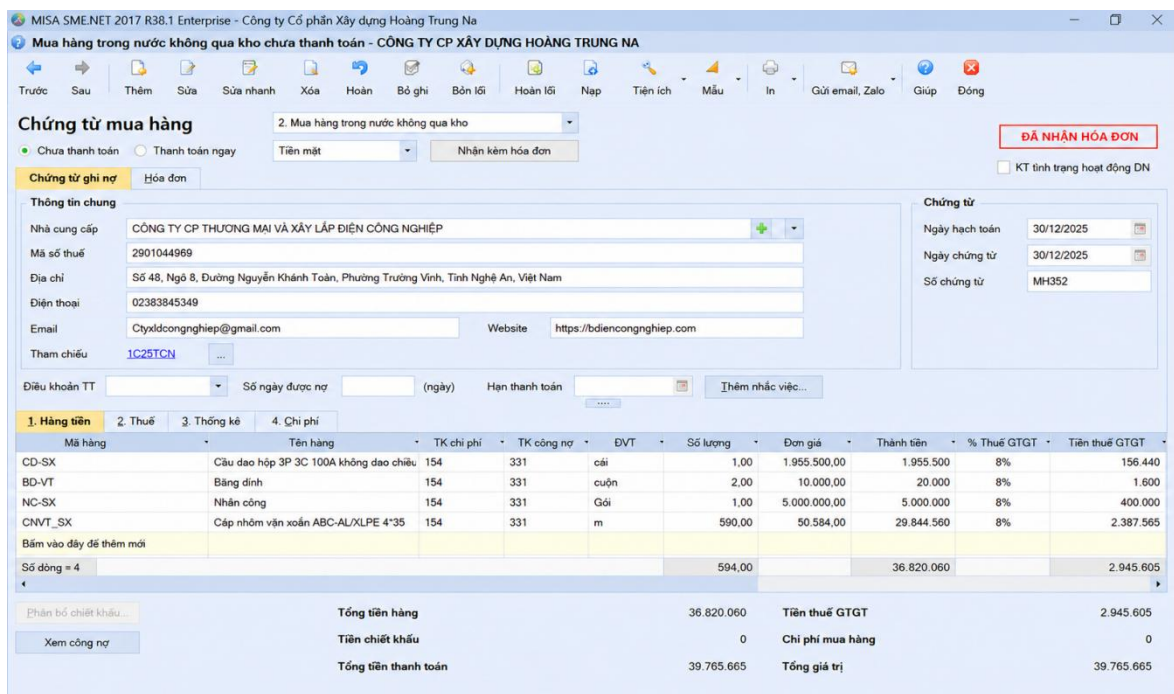
Sau khi nhận hóa đơn, Kế toán viên tiến hành đối chiếu với số lượng đã nhận với hóa đơn. Sau đó kế toán viên bắt đầu hạch toán tại phần mềm kế toán MISA:

Bước 1: Từ giao diện phần mềm, chọn phân hệ Mua hàng:



Hình ảnh 14: Giao diện phần mềm

Bước 2: Sau đó hạch toán Tên hàng, đơn vị tính, số lượng, thuế suất VAT và thành tiền,....



Hình ảnh 15 : Giao diện nhập chứng từ.

➤ Nhập dữ liệu đầy đủ vào các ô:

- Đối tượng
- Ngày tháng của hóa đơn

- Mẫu số hóa đơn, ký hiệu hóa đơn và số hóa đơn

Sau khi nhập xong, kiểm tra lại thông tin để lưu lại chứng từ, kích chuột vào “ Ghi” , phần mềm sẽ tự động cập nhật nghiệp vụ ngày nào vào sổ Nhật ký chung và tiếp tục được cập nhật vào các sổ có liên quan. Cụ thể tại **Bảng 1: Sổ Nhật ký chung, Bảng 2: Sổ cái tài khoản 154.**

Trường hợp muốn sửa chứng từ, kích vào Bỏ ghi và sửa.

2.2.4. Kế toán tổng hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm tại Công ty Cổ phần Xây dựng Hoàng Trung Na.

2.2.4.1. Tổng hợp chi phí sản xuất tại Công ty Cổ phần Xây dựng Hoàng Trung Na.

Hoạt động sản xuất kinh doanh trong ngành xây dựng mang những đặc thù riêng biệt so với các ngành sản xuất vật chất khác: Thời gian thi công thường kéo dài, quy mô công tình lớn, địa điểm xây dựng phân tán và trải dài qua nhiều kỳ kế toán. Tại Công ty Cổ phần xây dựng Hoàng Trung Na, trong cùng một giai đoạn, doanh nghiệp thường triển khai thi công đồng thời nhiều công trình và hạng mục công trình khác nhau. Chính đặc điểm này đã đặt ra một thách thức không nhỏ cho công tác tập hợp chi phí sản xuất.

Trong thực tế vận hành, do tổ chức quản lý tại công trường còn đơn xen và hệ thống chứng từ ban đầu chưa được bóc tách, các khoản chi phí sản xuất phát sinh (bao gồm chi phí nguyên vật liệu dùng chung, chi phí nhân công điều động linh hoạt giữa các tổ đội, chi phí sử dụng máy thi công ngoài và chi phí quản lý đội công trình) thường được tập hợp chung cho toàn bộ hoạt động xây lắp trong kỳ. Để phục vụ cho mục tiêu tính toán chính xác giá thành thực tế của từng công trình, cung như cung cấp thông tin một cách đáng tin cậy để xác định kết quả kinh doanh của từng dự án, việc tìm kiếm một tiêu thức phân bổ gián tiếp khoa học và hợp lý là yêu cầu bắt buộc đối với kế toán doanh nghiệp. Dưới góc độ thực tiễn đó, giá trị nghiệm thu bàn giao chính là thước đo tổng hợp phản ánh chính xác về quy mô, mức độ phức tạp về mặt kỹ thuật, khối lượng công việc cũng như năng lực gánh chịu chi phí của từng công trình. Một công trình có giá trị nghiệm thu bàn giao lớn, về mặt bản chất, sẽ đòi hỏi lượng vật tư đầu vào nhiều hơn, thời gian vận hành máy móc dài hơn và năng lực lao động lớn hơn. Do đó, kế toán sử dụng giá trị nghiệm thu bàn giao là căn cứ phân bổ các khoản chi phí sản xuất thực tế dùng chung này. Để phản ánh chính xác chi phí và xác định đúng hiệu quả kinh doanh, việc lựa chọn

tiêu thức và tỷ lệ phân bổ chi phí chung vào từng công trình một cách phù hợp, kế toán tập trung đi sâu vào việc phân tích và hoàn thiện phương pháp phân bổ chi phí dựa trên đặc điểm tiêu dùng nguồn lực của từng dự án. Để phản ánh chính xác chi phí và xác định đúng hiệu quả kinh doanh, việc lựa chọn tiêu thức và tỷ lệ phân bổ chi phí chung vào từng công trình một cách phù hợp, kế toán tập trung đi sâu vào việc phân tích và hoàn thiện phương pháp phân bổ chi phí dựa trên đặc điểm tiêu dùng nguồn lực của từng dự án. Quá trình phân bổ chi phí từng công trình, kế toán so sánh giữa tổng chi phí phát sinh tất cả các công trình với tổng giá trị nghiệm thu bàn giao. Từ đó, tỷ lệ phân bổ được xác định như sau:

$$\text{Tỷ lệ phân bổ chi phí} = \frac{\text{Tổng chi phí phát sinh}}{\text{Tổng giá trị dự toán}} \times 100\%$$

Trong năm 2025, Tổng chi phí phát sinh là 10.498.258.800 và Tổng giá trị nghiệm thu bàn giao là 10.585.056.261

Tỷ lệ phân bổ chi phí	=	10.498.258.800	x	100%
		10.585.056.261		

= 99.18%

Có nghĩa rằng: Trong năm 2025, Chi phí chiếm 99,18% doanh thu của công ty. Sau khi tính so sánh tổng chi phí phát sinh và tổng giá trị dự toán và xác tỷ lệ phân bổ chi phí, kế toán tiếp tục phân bổ chi phí từng công trình. Cụ thể, chia nhóm chi phí thành 2 nhóm:

*** Nhóm tập trung sử dụng nhiều Nguyên vật liệu:** Đây là những dự án kết cấu, xây thô hoặc công trình hoặc các công trình hạ tầng lớn, nơi chi phí vật tư chiếm tỷ trọng áp đảo. Đối với nhóm này, tiêu thức phân bổ gián tiếp gắn chặt với giá trị hoặc số lượng vật liệu xuất dùng. Các chi phí được phân bổ theo tỷ lệ như sau:

- Chi phí NVL TT = 60% Giá trị nghiệm thu bàn giao.
- Chi phí NC TT = 30% Giá trị nghiệm thu bàn giao.
- Chi phí SXC = 9,18% Giá trị nghiệm thu bàn giao. Cụ thể như sau:

Ví dụ: Công trình Kho K7 - Điểm kho Nghi Lộc: Có giá trị nghiệm thu bàn giao là 506.183.333, và chi phí được phân bổ như sau:

- Chi phí NVL TT = 506.183.333 * 60% = 303.710.000
- Chi phí NC TT = 506.183.333 * 30% = 151.855.000
- Chi phí SXC = 506.183.333 * 9.18% = 46.467.630

Nhóm tập trung sử dụng ít Nguyên vật liệu : Thường là các gói thầu hoàn thiện, lắp đặt thiết bị, tư vấn giám sát hoặc sử dụng hoặc sửa chữa chuyên biệt - nơi giá trị chất xám, nhân công và máy móc tối chiếm ưu thế. Với nhóm này, việc phân bổ chi phí sẽ được tối ưu hóa dựa trên chi phí nhân công trực tiếp hoặc giờ máy chạy để đảm bảo tính hợp lý. Các chi phí được phân bổ theo tỷ lệ như sau:

- Chi phí NVL TT = 15% Giá trị nghiệm thu bàn giao
- Chi phí NC TT = 75% Giá trị nghiệm thu bàn giao
- Chi phí SXC = 9.18% Giá trị nghiệm thu bàn giao. Cụ thể như sau:

Ví dụ: Công trình CHi phí tư vấn khảo sát lập báo cáo KTKT công trình: Sân vận động xã Cao Sơn: Có giá trị nghiệm thu bàn giao là 301.550.001, và chi phí được phân bổ như sau:

- Chi phí NVL TT = $301.550.001 * 15\% = 45.232.500$
- Chi phí NC TT = $301.550.001 * 75\% = 226.162.501$
- Chi phí SXC = $301.550.001 * 9.18\% = 27.682.290$

Bên cạnh đó, trường hợp công trình còn dở dang cuối kỳ chưa xác định được giá trị nghiệm thu bàn giao nhưng vẫn phát sinh chi phí thì vẫn được phân bổ từ giá trị dự toán công trình. Quá trình phân bổ phụ thuộc vào khối lượng công việc hoàn thành công trình.

BẢNG PHÂN BỐ CHI PHÍ CÔNG TRÌNH DỒ DANG														
Năm 2025														
Mã công trình	Tên công trình	Giá trị nghiệm thu bàn giao	Giá trị đã ghi nhận ở kỳ trước	Dờ dang đầu kỳ	Chi phí phát sinh				Khoản giảm giá thành	Dờ dang cuối kỳ	Giá vốn hàng bán	Chi phí bán hàng	Dờ dang cuối kỳ	Tổng chi phí phát sinh
					NVL trực tiếp	Nhân công trực tiếp	Chi phí chung	Cộng						
CAO SƠN	UBX CAO SƠN	211.743.699			127.046.219	63.523.110	19.438.072	210.007.401						210.007.401
ĐGT BÀN TÀ VỀN	ĐGT BÀN TÀ VỀN - HUÔI XUI	1.584.233.333	1.359.176.841	225.056.492	815.506.105	407.753.052	122.926.971	1.571.242.620						1.571.242.620
DI DỜI ĐƯỜNG ĐIỆN	DI DỜI ĐƯỜNG ĐIỆN - KCN WHA	36.961.000			22.176.600	11.088.300	3.393.020	36.657.920						36.657.920
HKL QUỖ HỢP	HKL QUỖ HỢP - CHẤU LÝ	28.932.407			4.339.861	21.699.305	2.655.995	28.695.161						28.695.161
HT ĐIỆN KHO NGHI	HT ĐIỆN KHO NGHI MỠ	104.641.667			62.785.000	31.392.500	9.606.105	103.783.605						103.783.605
....														
KHO K4	KHO K4 - ĐIỂM KHO DT CÔNG N	290.375.000	158.340.139	130.725.737	94.360.913	47.180.456	16.798.770	289.065.876						289.065.876
KHO K7	KHO K7 - ĐIỂM KHO NGHI LỘC	506.183.333			303.710.000	151.855.000	46.467.630	502.032.630						502.032.630
KHO NGHI LỘC..	KHO NGHI LỘC.. HỒ SỔ 867	104.115.534			62.469.320	31.234.660	9.557.806	103.261.787						103.261.787
KIỂM LÂM VINH - C	KIỂM LÂM VINH - CỬA Ô	13.888.889			2.083.333	10.416.667	1.275.000	13.775.000						13.775.000
KLĐB TÂY BẮC	KLĐB TÂY BẮC	725.626.852			108.844.028	544.220.139	66.612.545	719.676.712						719.676.712
KLĐB TÂY NAM	KLĐB TÂY NAM HỒ SỔ 1112	40.911.111			24.546.667	12.273.333	2.683.689	39.503.689						39.503.689
MÃI KHO M16 - Q LL	MÃI KHO M16 - Q LƯU - DDK KV	303.333.333			182.000.000	91.000.000	27.846.000	300.846.000						300.846.000
....														
....														
NHÀ SX NỘI THẤT	NHÀ SX NỘI THẤT LỘC VINH	429.311.111			257.586.667	128.793.333	39.410.760	425.790.760						425.790.760
RỪNG LÁT	RỪNG LÁT ĐỘI KLCĐ VÀ PCCCF	34.117.593			5.117.639	25.588.195	3.131.995	33.837.829						33.837.829
SC HT ĐIỆN KIM LIÊN	SC HT ĐIỆN KIM LIÊN	2.983.000.000			1.193.200.000	596.600.000	3.166.030	1.792.966.030						
SC KHẮC PHỤC S5 -10	SC KHẮC PHỤC S5 -10 TRƯỞNG DT NỘI TRÚ HỒ 1912.2025	681.016.000			204.304.800	68.101.600	35.532.489	306.938.889						
SC KHO CHỢ BÔNG	SC KHO CHỢ BÔNG DDK KV8 H	60.185.185			36.111.111	18.055.556	5.525.000	59.691.666						59.691.666
....														
SC NHÀ KHO M14	SC NHÀ KHO M14 - MUỐI QUỖN	389.814.815			233.888.889	116.944.445	35.785.000	386.618.334						386.618.334
SC TƯỜNG RÀO YÊN	SC TƯỜNG RÀO YÊN LÝ.... HỒ 86	168.611.111			101.166.667	50.583.333	15.478.500	167.228.500						167.228.500
TƯỜNG CẢNH GÀ	TƯỜNG CẢNH GÀ - NGHÈN, HỒNG LĨNH, YT, NGHI MỠ, QH, CHỢ SÒ, NAM ĐÀN	38.368.519			5.755.278	28.776.389	3.522.230	38.053.897						38.053.897
TV- GS	Chi phí tư vấn khảo sát, lập báo cáo KTKT công trình: Sân vận động xã Cao Sơn	301.550.001			45.232.500	226.162.501	27.682.290	299.077.291						299.077.291
UBND HUNG TÂY	UBND HUNG TÂY	121.475.926			72.885.556	36.442.778	11.151.490	120.479.823						120.479.823

Bảng phân bổ chi phí phát sinh công trình.

2.2.4.2. Đánh giá sản phẩm dở dang cuối kỳ tại Công ty Cổ phần Xây dựng Hoàng Trung Na.

Việc phân bổ chi phí sản xuất dở dang cuối kỳ tại doanh nghiệp thường được thực hiện căn cứ vào mức độ hoàn thành thực tế của các công trình đang thi công. Kế toán dựa trên khối lượng thi công chưa nghiệm thu, giá trị dự toán và tỷ lệ hoàn thành của công trình để xác định phần chi phí cần chuyển sang kỳ sau.

Cụ thể, đầu tiên kế toán tiến hành tập hợp toàn bộ chi phí phát sinh liên quan đến hoạt động thi công xây lắp trong kỳ. Các khoản chi phí bao gồm:

- Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp
- Chi phí nhân công trực tiếp
- Chi phí sử dụng máy thi công
- Chi phí sản xuất chung

Toàn bộ chi phí phát sinh được kế toán phản ánh vào TK 154 - Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang để phục vụ cho việc tính giá thành công trình. Tiếp theo, kế toán xác định khối lượng công việc còn dở dang cuối kỳ. Cụ thể, kế toán phối hợp với bộ phận kỹ thuật kiểm tra tình hình thi công để xác định:

- Khối lượng công việc đã hoàn thành.
- Khối lượng công việc chưa hoàn thành hoặc chưa nghiệm thu

Bằng cách xác định căn cứ vào:

- Biên bản nghiệm thu
- Nhật ký thi công
- Hồ sơ dự toán công trình

Sau đó, xác định giá trị dự toán phần công việc còn dở dang: Căn cứ vào tỷ lệ khối lượng chưa hoàn thành và tổng giá trị dự toán công trình, kế toán xác định dự toán của phần dở dang cuối kỳ.

Công thức:

Giá trị dự toán

$$\text{phần dở dang cuối kỳ} = \text{Tổng giá trị dự toán} \times \text{Tỷ lệ chưa hoàn thành}$$

Sau khi đã xác định dự toán phần dở dang cuối kỳ, kế toán tiến hành phân bổ chi phí sản xuất dở dang cuối kỳ theo tỷ lệ giá trị dự toán phần dở dang và tổng giá trị dự toán.

Công thức:

$$\text{CPSX DDCK} = \frac{\text{Tổng CPSX thực tế phát sinh}}{\text{Tổng giá trị dự toán}} \times \text{Giá trị dự toán phần DDCK}$$

BẢNG PHÂN BỐ CHI PHÍ CÔNG TRÌNH DỜ DẠNG														
Năm 2025														
Mã công trình	Tên công trình	Giá trị dự toán công trình	Giá trị đã ghi nhận ở kỳ trước	Dờ đang đầu kỳ	Chi phí phát sinh				Khoản giảm giá thành	Dờ đang cuối kỳ	Giá vốn hàng bán	Chi phí bán hàng	Dờ đang cuối kỳ	Tổng chi phí phát sinh
					NVL trực tiếp	Nhân công trực tiếp	Chi phí chung	Cộng						
SC HT ĐIỆN KIM LIÊN	SC HT ĐIỆN KIM LIÊN	2.983.000.000			1.193.200.000	596.600.000	3.166.030	1.792.966.030						
SC KHẮC PHỤC S5 -10	SC KHẮC PHỤC S5 -10 TRƯỜNG DT NỘI TRÚ HĐ 1912.2025	681.016.000			204.304.800	68.101.600	35.532.489	306.938.889						

Bảng phân bổ chi phí phát sinh công trình chưa hoàn thàn

Cuối cùng, phần chi phí dở dang cuối kỳ được giữ lại trên TK 154 - Chi phí sản xuất dở dang để tiếp tục theo dõi và tính giá thành ở kỳ sau.

Cụ thể: Trong năm 2025, doanh nghiệp có 2 công trình còn dở dang cuối kỳ đó là *Sửa chữa hệ thống điện Kim Liên* và *Sửa chữa khắc phục S5 - 10 trường Dân tộc Nội trú HD 1912.2025*. Và cách kế toán tính dở dang cuối kỳ như sau

* Công trình Sửa chữa hệ thống điện Kim Liên: (Có giá trị dự toán là 2.983.000.000) Kế toán viên phối hợp với bộ phận kỹ thuật theo dõi tỷ lệ công việc đã hoàn thành và tỷ lệ công việc chưa hoàn thành.

Thời điểm đó, Công trình đã hoàn thành gần 60,09% và 39.91% là tỷ lệ công trình chưa hoàn thành. Sau đó, kế toán tiến hành tính giá trị dự toán phần dở dang cuối kỳ:

Giá trị dự toán

$$\text{phần dở dang cuối kỳ} = \text{Tổng giá trị dự toán} \times \text{Tỷ lệ chưa hoàn thành}$$

$$\text{Giá trị dự toán phần DDCK} = 2.983.000.000 \times 39.91\% = 1.190.631.372$$

Sau khi đã xác định dự toán phần dở dang cuối kỳ, kế toán tiến hành phân bổ chi phí sản xuất dở dang cuối kỳ theo tỷ lệ giá trị dự toán phần dở dang và tổng giá trị dự toán.

$$\text{CPSX DDCK} = \frac{\text{Tổng CPSX thực tế phát sinh}}{\text{Tổng giá trị dự toán}} \times \text{Giá trị dự toán phần DDCK}$$

$$\text{CPSX DDCK} = \frac{1.792.966.030}{2.983.000.000} \times 1.190.631.372$$

$$= 715.642.509$$

* Công trình Sửa chữa khắc phục S5-10 Trường Dân tộc Nội trú theo HD 1912.2025 (Tổng giá trị dự toán là 681.016.000). Kế toán viên phối hợp với bộ phận kỹ thuật để theo dõi tỷ lệ công việc hoàn thành và tỷ lệ công việc chưa hoàn thành.

Tại thời điểm đó, công trình đã hoàn thành 46,4% và tỷ lệ chưa hoàn thành là 53,6%. Sau khi xác định được tỷ lệ công việc chưa hoàn thành, kế toán tiến hành tính Giá trị dự toán phần dở dang cuối kỳ:

Giá trị dự toán

$$\text{phần dở dang cuối kỳ} = \text{Tổng giá trị dự toán} \times \text{Tỷ lệ chưa hoàn thành}$$

$$= 681.016.000 \times 53,3\% = 363.390.137,6$$

Phần dở dang cuối kỳ, kế toán tiến hành phân bổ chi phí sản xuất dở dang cuối kỳ theo tỷ lệ giá trị dự toán phần dở dang và tổng giá trị dự toán.

$$\text{CPSX DDCK} = \frac{\text{Tổng CPSX thực tế phát sinh}}{\text{Tổng giá trị dự toán}} \times \text{Giá trị dự toán phần DDCK}$$

$$\text{CPSX DDCK} = \frac{306.938.889}{681.016.000} \times 363.390.137,6$$

$$= 163.781.520$$

2.2.4.3. Đối tượng và kỳ tính giá thành sản phẩm xây lắp tại Công ty Cổ phần Xây dựng Hoàng Trung Na.

a. Đối tượng tính giá thành xây lắp tại Công ty Cổ phần Xây dựng Hoàng Trung Na.

Đối tượng tính giá thành là phạm vi mà doanh nghiệp tiến hành xác định giá thành sản phẩm xây lắp nhằm phục vụ cho công tác quản lý chi phí, xác định kết quả kinh doanh và lập báo cáo tài chính.

Tại Công ty Cổ phần Xây dựng Hoàng Trung Na, do đặc điểm hoạt động thi công nhiều công trình cùng lúc, thời gian thi công của các công trình thường kéo dài qua nhiều kỳ kế toán mà doanh nghiệp chưa tổ chức theo dõi qua nhiều kỳ kế toán mà doanh nghiệp chưa tổ chức theo dõi chi phí riêng cho từng công trình nên công ty thực hiện tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành chung cho toàn bộ của các công trình xây lắp.

Theo đó, đối tượng tính giá thành tại công ty là toàn bộ khối lượng xây lắp hoàn thành trong kỳ. Các khoản chi phí phát sinh liên quan đến hoạt động thi công như:

- * Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp
- * Chi phí nhân công trực tiếp
- * Chi phí sử dụng máy thi công
- * Chi phí sản xuất chung

Được kế toán tập hợp chung trên TK 154- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang mà chưa mở chi tiết cho từng công trình hoặc hạng mục công trình.

Cuối kỳ, kế toán căn cứ vào:

- * Chi phí sản xuất dở dang đầu kỳ
- * Tổng chi phí sản xuất phát sinh trong kỳ
- * Chi phí sản xuất dở dang cuối kỳ

để xác định giá thành xây lắp hoàn thành trong kỳ. Công thức xác định giá thành:

$$\begin{array}{ccccccc} \text{Giá thành} & = & \text{Chi phí sản} & + & \text{Chi phí sản} & - & \text{Chi phí sản} \\ \text{xây lắp hoàn} & & \text{xuất dở} & & \text{xuất phát sinh} & & \text{xuất cuối} \\ \text{thành} & & \text{dang đầu kỳ} & & \text{trong kỳ} & & \text{kỳ} \end{array}$$

Việc lựa chọn đối tượng tính giá thành theo hình thức tổng hợp chung giúp công ty đơn giản hóa công tác kế toán, giảm khối lượng theo dõi chi tiết. Tuy nhiên, phương pháp này vẫn còn một số hạn chế như chưa phản ánh chính xác chi phí thực tế của từng công trình, gây khó khăn trong việc đánh giá hiệu quả riêng của từng công trình xây lắp.

b. Kỳ tính giá thành xây lắp tại Công ty Cổ phần Xây dựng Hoàng Trung Na.

Kỳ tính giá thành là khoảng thời gian mà doanh nghiệp tiến hành tổng hợp chi phí và xác định giá thành sản phẩm xây lắp hoàn thành. Tại Công ty Cổ phần Xây dựng Hoàng Trung Na, kỳ tính giá thành được thực hiện theo từng kỳ kế toán, thường là cuối quý hoặc cuối năm tùy thuộc vào yêu cầu quản lý và tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty.

Vào cuối kỳ kế toán, kế toán thực hiện:

- * Tập hợp toàn bộ chi phí sản xuất phát sinh trong kỳ.
- * Kiểm tra khối lượng xây lắp hoàn thành và khối lượng còn dở dang.
- * Xác định chi phí sản xuất dở dang cuối kỳ.
- * Tính giá thành khối lượng xây lắp hoàn thành.
- * Kết chuyển giá thành sang TK 632 - Giá vốn hàng bán để xác định kết quả kinh doanh.

Đối với những công trình chưa hoàn thành tại thời điểm cuối kỳ, phần chi phí liên quan sẽ được xác định là chi phí sản xuất dở dang và tiếp tục theo dõi trên TK 154 để chuyển sang kỳ sau. Chi phí sản xuất dở dang cuối kỳ tại công ty được xác định theo tỷ lệ giữa giá trị dự toán phần công việc còn dang dở cuối kỳ tại công ty được xác định theo tỷ lệ giữa giá trị dự toán phần công việc còn dang dở với tổng giá trị dự toán của các công trình đang thi công. Công thức xác định:

$$\text{Chi phí sản xuất dở dang cuối kỳ} = \frac{\text{Tổng chi phí sản xuất thực tế phát sinh}}{\text{Tổng giá trị dự toán}} \times \text{Giá trị dự toán phần dở dang cuối kỳ}$$

Việc xác định kỳ tính giá thành theo từng kỳ kế toán giúp công ty theo dõi kịp thời tình hình chi phí sản xuất, phục vụ công tác quản lý nội bộ và lập báo cáo tài chính đúng quy định.

2.2.4.4. Phương pháp tính giá thành sản phẩm xây lắp tại công ty Cổ phần Xây dựng Hoàng Trung Na.

Công tác tính giá thành công trình hoàn thành giữ vai trò đặc biệt quan trọng, bởi đây căn cứ để xác định chính xác chi phí thực tế đã đầu tư cho từng công trình, hạng mục công trình, đồng thời là cơ sở đánh giá hiệu quả sản xuất kinh doanh và năng lực quản lý chi phí của doanh nghiệp. Do đặc điểm của hoạt động xây lắp thường diễn ra trong thời gian dài, qua nhiều kỳ kế toán và khối lượng thi công thường chưa hoàn thành ngay trong kỳ nên tại thời điểm cuối mỗi kỳ kế toán thường tồn tại một phần chi phí thuộc khối lượng xây dựng dở dang. Vì vậy để xác định đúng giá thành thực tế của khối lượng xây lắp hoàn thành bàn giao trong kỳ, kế toán cần phải xem xét đầy đủ mối quan hệ chi phí dở dang đầu kỳ, chi phí phát sinh trong kỳ và chi phí dở dang cuối kỳ.

Để xác định giá thành thực tế của công trình tại công ty, phương pháp giản đơn (phương pháp trực tiếp) được sử dụng để tính giá thành đối với các công trình sau khi hoàn thành. Theo phương pháp này, giá thành sản phẩm được xác định theo công thức:

$$\text{Giá thành sản phẩm xây lắp} = \text{Giá trị sản phẩm dở dang đầu kỳ} + \text{Chi phí sản xuất phát sinh trong} - \text{Sản phẩm dở dang cuối kỳ}$$

kỳ

Cụ thể, trong năm 2025, quá trình thi công diễn ra liên tục qua nhiều kỳ kế toán. Do đó, tại thời điểm đầu năm vẫn còn tồn tại phần chi phí của các công trình, hạng mục công trình chưa hoàn thành từ năm trước chuyển sang, được ghi nhận là chi phí sản xuất kinh doanh dở dang đầu kỳ. Trong năm, công ty tiếp tục phát sinh nhiều khoản chi phí liên quan trực tiếp đến hoạt động thi công như chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp,... . Đồng thời, đến cuối năm 2025, một số công trình chưa được hoàn thành hoặc chưa đủ điều kiện nghiệm thu, bàn giao cho chủ đầu tư nên tiếp tục được phản ánh là chi phí sản xuất kinh doanh dở dang cuối kỳ.

Các khoản chi phí phát sinh liên quan đến hoạt động xây lắp được kế toán tập hợp chung vào TK 154 – Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang. Khi phát sinh nghiệp vụ mua vật tư, chi phí nhân công, chi phí dịch vụ hoặc các khoản chi phí phục vụ thi công công trình, kế toán thực hiện ghi nhận trực tiếp vào TK 154 mà chưa mở chi tiết theo từng công trình trên phần mềm kế toán. Tuy nhiên, do đặc thù hoạt động của doanh nghiệp xây dựng cần theo dõi chi phí và xác định hiệu quả của từng công trình nên vào cuối kỳ kế toán tiến hành xuất số liệu từ phần mềm để tổng hợp và tính giá thành công trình trên Excel. Trên cơ sở các chứng từ phát sinh thực tế, kế toán thực hiện phân loại, phân bổ chi phí cho từng công trình, đồng thời xác định chi phí dở dang đầu kỳ, chi phí phát sinh trong kỳ, giá vốn kết chuyển và chi phí dở dang cuối kỳ nhằm phục vụ cho việc tính giá thành xây lắp.

Việc tính giá thành trên Excel giúp doanh nghiệp linh hoạt trong quá trình tổng hợp và phân bổ chi phí, phù hợp với quy mô hoạt động hiện tại của công ty. Bên cạnh đó, phương pháp này còn hỗ trợ kế toán theo dõi riêng biệt chi phí của từng công trình mặc dù doanh nghiệp đang thực hiện hạch toán chung trên phần mềm kế toán.

BẢNG TỔNG HỢP GIÁ THÀNH CÔNG TRÌNH
Năm 2025

MÃ CÔNG TRÌNH	TÊN CÔNG TRÌNH	CHI PHÍ PHÁT SINH				TỔNG CHI PHÍ PHÁT SINH	DỠ ĐANG ĐẦU KỲ	KẾT CHUYỂN GIÁ VỐN	DỠ ĐANG CUỐI KỲ	ĐIỀU CHỈNH GIẢM CHI PHÍ CHUYỂN SANG KỲ SAU
		VẬT LIỆU (1541)	NHÂN CÔNG (1542)	MÁY (1543)	CHUNG (154*)					
CAO SƠN	UBX CAO SƠN				210.007.401	210.007.401	0	210.007.401		
ĐGT BÀN TÀ VÉN	ĐGT BÀN TÀ VÉN - HUỔI XUI				1.571.242.620	1.571.242.620	225.056.492	1.346.186.128		
DI DỜI ĐƯỜNG ĐIỆN	DI DỜI ĐƯỜNG ĐIỆN - KCN WHA				36.657.920	36.657.920	0	36.657.920		
GDTX HUYỆN NGHĨA Đ	GDTX HUYỆN NGHĨA ĐÀN				1.929.280.584	1.929.280.584	0	1.929.280.584		
*****	*****	*****	*****	*****	*****	*****	*****	*****	*****	*****
KHO K4	KHO K4 - ĐIỂM KHO DT CÔNG NGHỆ PHẨM				289.065.876	289.065.876	130.725.737	158.340.139		
KHO K7	KHO K7 - ĐIỂM KHO NGHỈ LỘC				502.032.630	502.032.630	0	502.032.630		
KHO NGHỈ LỘC..	KHO NGHỈ LỘC..HĐ SỐ 867				103.261.787	103.261.787	0	103.261.787		
KIỂM LÂM VINH - CỬA	KIỂM LÂM VINH - CỬAỒ				13.775.000	13.775.000	0	13.775.000		
*****	*****	*****	*****	*****	*****	*****	*****	*****	*****	*****
NHÀ HÀNG BBQ	NHÀ HÀNG BBQ				267.786.000	267.786.000	0	267.786.000		
NHÀ SX NỘI THẤT	NHÀ SX NỘI THẤT LỘC VINH				425.790.760	425.790.760	0	425.790.760		
RỪNG LÁT	RỪNG LÁT ĐỘI KLCĐ VÀ PCCCR SỐ 3				33.837.829	33.837.829	0	33.837.829		
SC HT ĐIỆN KIM LIÊN	SC HT ĐIỆN KIM LIÊN				715.642.509	715.642.509	0	0	715.642.509	-715.642.509
SC KHẮC PHỤC S5 -10	SC KHẮC PHỤC S5 -10 TRƯỜNG DT NỘI TRÚ HĐ 1912.2025				163.781.520	163.781.520	0	0	163.781.520	-163.781.520
SC KHO CHỢ BỘNG	SC KHO CHỢ BỘNG ĐDK.KV8 HĐ 687				59.691.666	59.691.666	0	59.691.666		
SC KHO NGHỈ LỘC..	SC KHO NGHỈ LỘC.. HĐ 867				237.469.529	237.469.529	0	237.469.529		
*****	*****	*****	*****	*****	*****	*****	*****	*****	*****	*****
TƯỜNG CẢNH GÀ	TƯỜNG CẢNH GÀ - NGHÊN, HỒNG LĨNH, YT, NGHỈ MỸ, QH,CHỢ SỎ, NAM ĐÀN				38.053.897	38.053.897	0	38.053.897		
TV- GS	Chi phí tư vấn khảo sát, lập báo cáo KTKT công trình: Sân vận động xã Cao Sơn				299.077.291	299.077.291	0	299.077.291		
UBND HƯNG TÂY	UBND HƯNG TÂY				120.479.823	120.479.823	0	120.479.823		
	TỔNG CỘNG				10.498.258.800	10.498.258.800	355.782.229	9.974.617.000	879.424.029	-879.424.029

Bảng tổng hợp giá thành công trình năm 2025

Mặc dù doanh nghiệp thực hiện hạch toán các khoản chi phí sản xuất kinh doanh trên phần mềm kế toán MISA, tuy nhiên công tác tính giá thành công trình hiện nay chưa được thực hiện trực tiếp trên hệ thống phần mềm mà chủ yếu được tổng hợp và xử lý trên Excel. Cuối kỳ kế toán, căn cứ vào số liệu đã được ghi nhận trên các tài khoản chi phí như TK 154, kế toán tiến hành xuất dữ liệu từ phần mềm để lập bảng tổng hợp chi phí và tính giá thành cho từng công trình.

Trên cơ sở số liệu đã tập hợp, kế toán thực hiện phân bổ chi phí sản xuất chung, xác định chi phí dở dang đầu kỳ, chi phí phát sinh trong kỳ và chi phí dở dang cuối kỳ để tính giá thành thực tế của từng công trình hoàn thành. Sau khi xác định được giá thành, kế toán tiến hành lập bút toán kết chuyển giá vốn từ TK 154 sang TK 632 trên phần mềm kế toán để phục vụ cho việc lập sổ sách kế toán và Báo cáo tài chính của doanh nghiệp.

CHƯƠNG III. ĐÁNH GIÁ CHUNG VÀ MỘT SỐ Ý KIẾN ĐỀ XUẤT NHẪM HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN TẬP HỢP CHI PHÍ SẢN XUẤT VÀ TÍNH GIÁ THÀNH SẢN PHẨM XÂY DỰNG TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG HOÀNG TRUNG NA.

3.1. Nhận xét chung về công tác kế toán tại đơn vị.

Bộ phận kế toán của công ty được tổ chức tương đối phù hợp với quy mô hoạt động. Do số lượng khách hàng, nhà cung cấp cũng như các nghiệp vụ phát sinh nằm trong khả năng quản lý nên mỗi nhân viên kế toán đảm nhận một phần công việc riêng biệt, giúp xử lý công việc nhanh chóng và hạn chế được sai sót.

Các nhân viên phụ trách những mảng khác nhau nhưng vẫn có thể kiểm tra, đối chiếu chéo khi cần thiết nhằm giảm thiểu rủi ro. Tuy nhiên, mỗi người đều nắm rõ quy trình và cách thức khác nhau nên khi có sự thay đổi vẫn có sự gián đoạn công việc

3.1.1. Ưu điểm.

3.1.1.1. Về công tác kế toán tập hợp chi phí sản xuất .

Tại doanh nghiệp, toàn bộ chi phí phát sinh liên quan đến hoạt động thi công xây lắp được kế toán tập hợp trực tiếp vào TK 154 - Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang mà chưa thực hiện theo dõi riêng cho từng khoản mục chi phí như chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp, chi phí sử dụng máy thi công, chi phí sản xuất chung. Phương pháp này giúp đơn giản hóa công tác hạch toán kế toán, giảm khối lượng công việc trong quá trình ghi nhận và xử lý chứng từ phát sinh.

Việc tập hợp chi phí chung trên một tài khoản giúp kế toán thuận tiện trong việc phản ánh các khoản chi phí phát sinh liên quan đến hoạt động thi công mà không thực hiện nhiều bước phân loại, kết chuyển hoặc theo dõi riêng cho từng yếu tố chi phí. Điều này đặc biệt phù hợp với doanh nghiệp có quy mô vừa và nhỏ, số lượng nhân sự kế toán hạn chế hoặc có nhiều công trình được triển khai đồng thời trong cùng một thời điểm.

Bên cạnh đó, phương pháp hạch toán này giúp rút gọn thời gian xử lý chứng từ, giảm bớt phức tạp trong công tác ghi sổ kế toán, tạo điều kiện thuận lợi cho việc tổng hợp chi phí sản xuất phát sinh trong kỳ. Nhờ đó, kế toán có thể nhanh chóng xác định tổng chi phí tổng chi phí thi công phục vụ cho việc lập báo cáo tài chính và theo dõi tình hình chi phí sản xuất của doanh nghiệp.

Ngoài ra, việc tập hợp chi phí trên TK 154 còn giúp doanh nghiệp dễ dàng kiểm soát tổng mức chi phí sản xuất phát sinh trong kỳ, đáp ứng nhu cầu quản lý tổng quát về chi phí xây lắp mà không đòi hỏi hệ thống theo dõi chi tiết và phức tạp.

3.1.1.2. Công tác tính giá thành sản phẩm.

Bên cạnh việc tổ chức tốt công tác tập hợp chi phí sản xuất, doanh nghiệp cũng chú trọng đến công tác tính giá thành công trình. Việc xác định giá thành được thực hiện trên cơ sở các khoản chi phí thực tế phát sinh, góp phần phản ánh tương đối chính xác chi phí thi công của từng công trình, hạng mục công trình. Sau khi tập hợp toàn bộ chi phí sản xuất phát sinh vào TK 154 - Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang, kế toán tiến hành xác định giá thành công trình dựa trên giá trị nghiệm thu bàn giao và cơ cấu chi phí ước lượng theo đặc điểm của từng nhóm công trình. Theo đó, các công trình được phân thành nhóm sử dụng nhiều nguyên vật liệu và nhóm sử dụng ít nguyên vật liệu để làm căn cứ phân bổ chi phí và xác định giá thành.

Phương pháp này giúp doanh nghiệp xác định được giá thành của từng công trình trong điều kiện chưa tổ chức theo dõi chi tiết chi phí phát sinh riêng cho từng khoản mục chi phí hoặc từng công trình ngay từ đầu. Nhờ đó, doanh nghiệp vẫn có cơ sở để đánh giá kết quả thực hiện của từng công trình và xác định kết quả kinh doanh trong kỳ. Việc sử dụng giá trị nghiệm thu bàn giao làm căn cứ giúp quá trình tính giá thành gắn liền với khối lượng công việc đã hoàn thành và được chủ đầu tư xác nhận. Điều này góp phần đảm bảo tính khách quan trong quá trình xác định chi phí và hạn chế tình trạng phân bổ chi phí mang tính chủ quan.

Ngoài ra, việc phân chia công trình các nhóm theo đặc điểm sử dụng nguyên vật liệu cũng giúp việc xác định giá thành phù hợp hơn với đặc thù thi công thực tế. Đối

với các công trình có mức tiêu hao vật tư lớn, chi phí được phân bổ theo cơ cấu phản ánh tỷ trọng nguyên vật liệu cao; ngược lại, đối với các công trình chủ yếu sử dụng lao động trực tiếp, chi phí được phân bổ theo cơ cấu có tỷ trọng nhân công lớn hơn. Cách thức này giúp chi phí được phân bổ tương đối sát với đặc điểm thi công của từng nhóm công trình.

Phương pháp tính giá thành hiện tại còn góp phần giảm bớt khối lượng công việc cho bộ phận kế toán do không phải thực hiện theo dõi chi tiết từng khoản chi phí phát sinh cho từng công trình. Trong điều kiện doanh nghiệp thi công nhiều công trình cùng lúc, sử dụng chung nguồn vật tư, nhân công và các khoản chi phí phục vụ thi công, việc áp dụng phương pháp này giúp đơn giản hóa quá trình tập hợp và xử lý số liệu, đồng thời vẫn đáp ứng được nhu cầu xác định giá thành phục vụ công tác quản lý và lập báo cáo tài chính. Bên cạnh đó, do cơ sở phân bổ được xây dựng dựa trên đặc điểm thi công thực tế của từng nhóm công trình nên kết quả tính giá thành có tính hợp lý nhất định, tạo điều kiện cho doanh nghiệp theo dõi hiệu quả hoạt động của từng công trình, phục vụ công tác quản trị chi phí và hỗ trợ quá trình ra quyết định của nhà quản lý.

Nhìn chung, phương pháp tính giá thành được áp dụng tương đối phù hợp với điều kiện tổ chức kế toán và đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp hiện nay. Việc kết hợp giữa giá trị nghiệm thu bàn giao và cơ cấu chi phí của từng nhóm công trình không chỉ đơn giản hóa công tác tính giá thành mà còn đảm bảo doanh nghiệp có thể xác định được giá thành công trình trong điều kiện chưa theo dõi chi tiết chi phí theo từng đối tượng tập hợp chi phí. Công tác tính giá thành giữ vai trò quan trọng trong việc đánh giá hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh, đồng thời cung cấp thông tin cần thiết cho ban lãnh đạo trong quá trình quản lý chi phí, kiểm soát tiến độ thi công và đưa ra các quyết định kinh doanh phù hợp.

3.1.1.3. Bộ máy kế toán.

Bộ máy kế toán được tổ chức theo mô hình tập trung, khá tinh gọn và đơn giản. Việc tổ chức hợp lý giúp nhân viên kế toán thực hiện nhiệm vụ một cách hiệu quả, hạn chế sự chồng chéo trong quá trình xử lý nghiệp vụ kinh tế phát sinh.

Đội ngũ nhân viên có trình độ chuyên môn nghiệp vụ, có tinh thần trách nhiệm trong công việc và thường xuyên phối hợp với các bộ phận liên quan nhằm đảm bảo cung cấp thông tin kế toán được kịp thời và chính xác.

3.1.1.4. Hệ thống chứng từ.

Hệ thống chứng từ kế toán tại công ty được xây dựng tương đối đầy đủ, khoa học và tuân thủ nghiêm ngặt các quy định của Bộ tài chính hiện hành. Các loại chứng từ sử dụng trong doanh nghiệp được thiết kế phù hợp với đặc điểm hoạt động sản xuất kinh doanh, đảm bảo phản ánh đầy đủ, chính xác và kịp thời các nghiệp vụ kinh tế phát sinh.

Quy trình lập, kiểm tra và luân chuyển chứng từ được tổ chức chặt chẽ giữa các bộ phận liên quan. Mỗi chứng từ trước khi ghi sổ đều được kiểm tra về tính hợp pháp, hợp lý và hợp lệ. Từ đó, góp phần hạn chế sai chế sai sót và nâng cao độ tin cậy của thông tin kế toán. Việc phân loại và lưu trữ chứng từ cũng được thực hiện một cách có hệ thống, giúp thuận tiện cho việc tra cứu khi cần thiết. Bên cạnh đó, hệ thống chứng từ còn đóng vai trò quan trọng trong việc cung cấp thông tin cho công tác quản lý. Thông qua các chứng từ kế toán, Ban giám đốc và kế toán có thể theo dõi tình hình tài chính, tình hình sử dụng tài sản cũng như hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp, từ đó có thể đưa ra các quyết định phù hợp.

3.1.1.5. Hình thức ghi sổ kế toán ở phần mềm:

Hiện nay, công ty áp dụng hình thức kế toán Nhật ký chung, điều này mang lại nhiều thuận lợi trong công tác hạch toán và quản lý tài chính của doanh nghiệp.

Hình thức kế toán Nhật ký chung có kết cấu đơn giản, dễ thực hiện và phù hợp với nhiều loại hình doanh nghiệp. Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh được ghi chép theo trình tự thời gian và nội dung kinh tế, giúp kế toán dễ dàng theo dõi kiểm tra

và đối chiếu số liệu khi cần thiết. Việc áp dụng phần mềm kế toán trên cơ sở Nhật ký chung giúp tự động hóa quá trình ghi chép, tổng hợp và xử lý số liệu kế toán. Khi kế toán nhập liệu ban đầu, phần mềm sẽ tự động cập nhật vào các sổ kế toán liên quan, từ đó giảm khối lượng công việc thủ công và hạn chế sai sót trong quá trình hạch toán.

Ngoài ra, phần mềm kế toán còn hỗ trợ tra cứu, lưu trữ và in ấn chứng từ, sổ sách kế toán một cách nhanh chóng và thuận tiện. Các báo cáo tài chính, báo cáo thuế và báo cáo quản trị được lập kịp thời, góp phần cung cấp thông tin chính xác cho ban lãnh đạo trong quá trình quản lý và đưa ra quyết định.

3.1.2 Hạn chế:

3.1.2.1. Công tác tập hợp chi phí sản xuất.

Bên cạnh những ưu điểm đạt được, công tác tập hợp chi phí sản xuất tại doanh nghiệp vẫn còn tồn tại một số hạn chế nhất định. Hiện nay, toàn bộ chi phí phát sinh trong quá trình thi công được tập hợp chung trên TK 154 mà chưa được theo dõi chi tiết theo từng khoản mục chi phí như chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp, chi phí sử dụng máy thi công và chi phí sản xuất chung. Việc tập hợp chi phí theo phương pháp này tuy đơn giản hóa công tác kế toán nhưng làm giảm khả năng cung cấp thông tin chi tiết phục vụ công tác quản lý và kiểm soát chi phí.

Đầu tiên, do không theo dõi riêng từng khoản mục chi phí nên doanh nghiệp gặp nhiều khó khăn trong việc đánh giá mức độ biến động của từng yếu tố chi phí trong quá trình thi công. Kế toán và nhà quản lý không thể xác định chính xác nguyên nhân làm tăng hoặc giảm chi phí của từng công trình, từ đó hạn chế khả năng phân tích và đưa ra các biện pháp kiểm soát chi phí phù hợp.

Thứ hai, việc tập hợp chung toàn bộ chi phí vào TK 154 làm cho thông tin kế toán chưa phản ánh đầy đủ cơ cấu chi phí thực tế của từng công trình. Trong điều kiện doanh nghiệp thi công nhiều công trình cùng lúc với đặc điểm kỹ thuật và mức độ sử dụng nguồn lực khác nhau, việc không tách riêng các khoản chi phí phát sinh có thể dẫn đến tình trạng khó xác định chính xác mức độ tiêu hao nguyên vật liệu, lao động và các chi phí liên quan của từng công trình.

Thứ ba, do doanh nghiệp chưa thực hiện tập hợp chi phí trực tiếp theo từng công trình ngay từ khi phát sinh nên khi xác định được giá thành, kế toán phải sử dụng phương pháp phân bổ dựa trên giá trị nghiệm thu bàn giao và cơ cấu chi phí ước lượng theo từng nhóm công trình. Mặc dù phương pháp này phù hợp với điều kiện thực tế của doanh nghiệp nhưng kết quả phân bổ chỉ mang tính tương đối, chưa phản ánh hoàn toàn chính xác chi phí thực tế phát sinh của từng công trình.

Thứ tư, việc sử dụng tỷ lệ phân bổ theo nhóm công trình sử dụng nhiều hoặc ít nguyên vật liệu chủ yếu dựa trên kinh nghiệm và đặc điểm thi công chung của từng loại công trình. Trong thực tế, mỗi công trình có quy mô, biện pháp thi công, điều kiện thực hiện và mức độ sử dụng nguồn lực khác nhau, do đó chi phí thực tế phát sinh có thể không hoàn toàn tương đồng với tỷ lệ được áp dụng. Điều này có thể làm phát sinh chênh lệch giữa chi phí được phân bổ và chi phí thực tế mà công trình sử dụng.

Thứ năm, việc không tổ chức theo dõi chi tiết từng khoản mục còn gây khó khăn cho công tác kiểm tra, đối chiếu và đánh giá hiệu quả sử dụng chi phí của từng bộ phận thi công. Doanh nghiệp cũng gặp hạn chế trong việc xây dựng định mức chi phí, lập dự toán chi tiết và phân tích các khoản chênh lệch giữa chi phí thực tế với chi phí kế hoạch nhằm nâng cao hiệu quả quản lý chi phí trong tương lai.

Như vậy, mặc dù phương pháp tập hợp chi phí hiện tại đã đáp ứng được yêu cầu quản lý ở mức độ tổng quát và phù hợp với điều kiện tổ chức kế toán của doanh nghiệp, song việc chưa theo dõi chi tiết từng khoản mục và từng công trình đã làm giảm độ chính xác của thông tin kế toán, ảnh hưởng đến công tác tính giá thành, phân tích chi phí và đánh giá hiệu quả hoạt động của từng công trình xây lắp.

3.1.2.2. Công tác tính giá thành.

a. Đối tượng tính giá thành:

Doanh nghiệp đang thực hiện đối tượng tính giá thành theo hướng tổng hợp cho nhiều công trình trong kỳ nên chưa phản ánh được đầy đủ đặc điểm riêng của từng công trình hoặc hạng mục công trình. Trong khi mỗi công trình có quy mô, thời gian thi công với mức độ sử dụng chi phí khác nhau, việc xác định đối tượng tính giá thành chưa chi tiết có thể làm cho số liệu giá thành mang tính bình quân và chưa

sát với thực tế phát sinh. Bên cạnh đó, việc chưa tách riêng đối tượng tính giá thành cho từng công trình còn gây khó khăn trong công tác phân tích và đánh giá hiệu quả thi công của từng công trình cụ thể. Từ đó khiến doanh nghiệp khó xác định được công trình nào hoạt động hiệu quả, công trình nào phát sinh chi phí vượt mức để có biện pháp quản lý và điều chỉnh kịp thời.

Ngoài ra, việc xác định đối tượng tính giá thành chưa chi tiết còn làm hạn chế khả năng cung cấp thông tin phục vụ cho công tác quản trị nội bộ, đặc biệt trong việc lập kế hoạch chi phí, kiểm soát tiến độ thi công và xây dựng các phương án tiết kiệm chi phí cho từng công trình trong tương lai.

b. Kết cấu giá thành.

Kết cấu giá thành tại doanh nghiệp hiện vẫn còn một số hạn chế nhất định do các khoản chi phí chưa được tập hợp và phân loại chi tiết theo từng công trình hoặc khoản mục chi phí cụ thể. Một số chi phí phát sinh liên quan đến hoạt động thi công công trình vẫn được hạch toán chung vào chi phí quản lý doanh nghiệp, dẫn đến kết cấu giá thành chưa được phản ánh đầy đủ bản chất chi phí sản xuất của doanh nghiệp xây dựng. Việc tập hợp chi phí còn mang tính tổng hợp chung cho nhiều công trình trong kỳ nên tỷ trọng của từng khoản mục chi phí trong giá thành chưa được xác định rõ ràng. Điều này gây khó khăn cho doanh nghiệp trong việc phân tích biến động chi phí, đánh giá mức độ sử dụng chi phí và kiểm soát các khoản chi phí phát sinh trong quá trình thi công.

Kết cấu giá thành chưa được theo dõi chi tiết còn làm hạn chế khả năng cung cấp thông tin phục vụ cho công tác quản trị nội bộ, đặc biệt trong việc đánh giá hiệu quả của từng khoản mục chi phí và xây dựng các biện pháp tiết kiệm chi phí phù hợp cho từng công trình.

c. Phương pháp tính giá thành.

Do toàn bộ chi phí được tập hợp chung trên TK 154 nên khi xác định giá thành, kế toán phải thực hiện phân bổ chi phí dựa trên giá trị nghiệm thu bàn giao và tỷ lệ ước lượng của từng nhóm công trình. Vì vậy, giá thành được xác định chủ yếu dựa

trên phương pháp phân bổ gián tiếp, chưa phản ánh hoàn toàn chính xác chi phí thực tế phát sinh của từng công trình.

Ngoài ra, việc áp dụng tỷ lệ phân bổ theo nhóm công trình sử dụng nhiều hoặc ít nguyên vật liệu mang tính chất ước lượng, trong khi mỗi công trình có đặc điểm kỹ thuật, quy mô và điều kiện thi công khác nhau. Do đó, chi phí được phân bổ có thể chưa phù hợp hoàn toàn với mức độ tiêu hao thực tế của từng công trình, làm ảnh hưởng đến độ chính xác của giá thành và kết quả đánh giá hiệu quả thi công.

Bên cạnh đó, phương pháp này cũng gây khó khăn cho việc phân tích, kiểm soát và so sánh từng khoản mục chi phí cấu thành công trình, từ đó hạn chế khả năng cung cấp thông tin chi tiết phục vụ công tác quản trị chi phí tại doanh nghiệp.

d. Kế toán tính giá thành

Bên cạnh những thuận lợi trong việc tổng hợp và xử lý số liệu, công tác tính giá thành công trình trên Excel tại doanh nghiệp vẫn còn tồn tại một số hạn chế nhất định. Trước hết, việc xử lý dữ liệu chủ yếu mang tính thủ công nên kế toán phải thực hiện nhiều thao tác nhập liệu, tổng hợp và phân bổ chi phí bằng tay, dẫn đến nguy cơ sai sót trong quá trình tính toán. Chỉ cần sai lệch công thức hoặc dữ liệu đầu vào cũng có thể làm ảnh hưởng đến kết quả tính giá thành của công trình.

Ngoài ra, việc tính giá thành trên Excel chưa đảm bảo tính liên kết và đồng bộ với phần mềm kế toán. Các số liệu sau khi tính toán vẫn cần được kế toán nhập lại hoặc thực hiện bút toán kết chuyển trên phần mềm, làm tăng khối lượng công việc và mất nhiều thời gian đối chiếu số liệu giữa Excel và hệ thống kế toán.

Bên cạnh đó, khi số lượng công trình phát sinh nhiều hoặc chi phí cần phân bổ phức tạp, việc quản lý dữ liệu trên Excel sẽ gặp khó khăn, dễ xảy ra tình trạng nhầm lẫn hoặc thất lạc dữ liệu. Đồng thời, phương pháp này cũng hạn chế khả năng tự động hóa trong công tác kế toán, gây khó khăn cho việc kiểm tra, truy xuất và cung cấp thông tin kịp thời phục vụ nhu cầu quản trị của doanh nghiệp.

Việc doanh nghiệp chưa thực hiện tập hợp và tính giá thành riêng cho từng công trình hoặc hạng mục công trình trên phần mềm mà chủ yếu thực hiện tính giá thành chung cho các công trình phát sinh trong kỳ trên Excel. Điều này khiến cho công

tác tính giá thành còn mang tính tổng hợp, chưa phản ánh chính xác mức độ chi phí thực tế phát sinh của từng công trình trong quá trình thi công.

Do đặc điểm doanh nghiệp thi công nhiều công trình cùng lúc, trong khi việc theo dõi chi phí chưa được chi tiết theo từng công trình nên nhiều khoản chi phí phát sinh như chi phí nguyên vật liệu, chi phí sử dụng máy thi công và chi phí phát sinh sản xuất chung vẫn được hạch toán chung hoặc phân bổ mang tính tương đối. Một số khoản chi phí phục vụ trực tiếp cho hoạt động thi công chưa được tập hợp đúng theo bản chất chi phí sản xuất mà còn được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp. Điều này làm cho kết cấu giá thành chưa được phản ánh đầy đủ đặc điểm chi phí của hoạt động xây dựng, từ đó có thể làm ảnh hưởng tới độ chính xác của số liệu giá thành công trình

Việc chưa theo dõi chi tiết giá thành cho từng công trình còn gây khó khăn trong công tác quản trị nội bộ. Doanh nghiệp chưa thể đánh giá chính xác hiệu quả thi công, mức độ tiết kiệm hay vượt chi phí của từng công trình cụ thể để đưa ra các biện pháp điều chỉnh phù hợp. Đồng thời, việc thiếu thông tin chi tiết về giá thành cũng làm hạn chế khả năng thu phân tích chi phí, kiểm soát nguồn lực và xây dựng kế hoạch quản lý cho các công trình.

3.1.2.3. Bộ máy kế toán.

Bên cạnh những ưu điểm đạt được, bộ máy kế toán của doanh nghiệp vẫn còn tồn tại một số hạn chế nhất định. Do số lượng nhân viên kế toán còn hạn chế nên một số kế toán phải kiêm nhiệm nhiều công việc cùng lúc như kế toán nội bộ theo dõi vật tư tại công trình đồng thời thực hiện các công việc liên quan đến hợp đồng xây dựng và tập hợp chi phí công trình.

Việc một nhân viên đảm nhận nhiều phần hành kế toán cùng lúc dễ dẫn đến khối lượng công việc lớn, gây áp lực trong quá trình xử lý chứng từ và ghi nhận số liệu kế toán. Điều này có thể ảnh hưởng đến tiến độ thực hiện công việc cũng như làm giảm tính chuyên môn hóa trong từng phần hành kế toán. Việc kiêm nhiệm công việc còn làm tăng nguy cơ xảy ra sai sót trong quá trình hạch toán, đối chiếu và kiểm tra số liệu, đặc biệt trong giai đoạn doanh nghiệp phát sinh nhiều công trình

hoặc khối lượng nghiệp vụ kinh tế lớn. Ngoài ra, công tác theo dõi chi phí, quản lý chứng từ và kiểm soát số liệu đôi khi chưa được thực hiện một cách chặt chẽ do nhân viên kế toán phải phân bổ thời gian cho nhiều công việc khác nhau.

3.1.2.4. Hình thức ghi sổ kế toán ở phần mềm:

Mặc dù doanh nghiệp ghi sổ theo hình thức Nhật ký chung nhưng tuy nhiên, công tác ghi sổ kế toán vẫn còn một số hạn chế nhất định. Hiện nay, kế toán chủ yếu theo dõi số liệu thông qua sổ Nhật ký chung và sổ Cái, trong khi việc mở và theo dõi các sổ kế toán chi tiết cho từng đối tượng còn chưa được thực hiện đầy đủ và chặt chẽ. Việc chưa chú trọng theo dõi sổ chi tiết có thể gây khó khăn trong quá trình kiểm tra đối chiếu và quản lý số liệu kế toán, đặc biệt đối với các khoản mục chi phí, công nợ hoặc doanh thu phát sinh nhiều. Bên cạnh đó, việc thiếu các sổ theo dõi chi tiết cũng làm hạn chế khả năng cung cấp thông tin cụ thể phục vụ cho công tác quản lý và phân tích tình hình hoạt động của doanh nghiệp.

Ngoài ra, khi doanh nghiệp phát sinh nhiều nghiệp vụ kinh tế hoặc nhiều công trình cùng lúc, việc chỉ theo dõi thông qua Nhật ký chung và sổ Cái có thể làm giảm tính chính xác và tính kịp thời trong công tác quản lý số liệu kế toán. Do đó, doanh nghiệp cần hoàn thiện hơn công tác mở và theo dõi sổ kế toán chi tiết nhằm nâng cao hiệu quả quản lý và kiểm soát thông tin kế toán.

3.3. Một số giải pháp góp phần hoàn thiện công tác kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm tại Công ty Cổ phần Xây dựng Hoàng Trung Na.

Để tồn tại và phát triển, công ty luôn tìm mọi biện pháp khẳng định mình trên thị trường. Trên cơ sở nguồn lực có hạn, để nhằm nâng cao sức mạnh cạnh tranh và kết quả kinh doanh thì biện pháp tốt nhất là phải tổ chức hoạt động hiệu quả cao nhất. Để thực hiện được mục tiêu này, thì ngoài việc tiết kiệm các yếu tố từ nguồn nhân lực thì quá trình tổ chức làm việc một cách hiệu quả và khoa học cũng là một điều rất quan trọng. Và dưới đây là một số giải pháp nhằm hoàn thiện công tác kế toán tại đơn vị :

- Đầu tiên, doanh nghiệp nên xây dựng hệ thống mã công trình riêng trên phần mềm kế toán nhằm phục vụ cho việc tập hợp và theo dõi chi phí nguyên vật liệu trực tiếp của từng công trình. Bởi vì trong doanh nghiệp xây dựng, mỗi công trình thường có đặc điểm riêng về quy mô, thời gian thi công và cơ cấu chi phí. Do đó, việc tổ chức theo dõi chi phí theo từng công trình là giải pháp cốt lõi đảm bảo xác định đúng giá thành, kiểm soát chi phí và đánh giá hiệu quả thi công. Bên cạnh đó, việc mở các sổ chi tiết cũng là điều cần thiết để thuận lợi theo dõi số lượng vật tư dùng cho công trình, nhằm tránh hao hụt và tổn thất nguyên vật liệu của doanh nghiệp. Và quy trình thiết lập mã công trình trên phần mềm kế toán MISA gồm các bước:

- Bước 1: Truy cập danh mục đối tượng tập hợp chi phí:
Vào phân hệ *Danh mục* trên phần mềm kế toán MISA, lựa chọn mục *Đối tượng tập hợp chi phí* để tiến hành khai báo công trình.
- Bước 2: Khai báo thông tin công trình: Thực hiện thêm mới đối tượng, nhập các thông tin bao gồm:

*Mã công trình (ví dụ: CT01, CT02,...);

*Tên công trình;

*Loại đối tượng (công trình/vụ việc/đơn hàng);

*Trạng thái theo dõi (đang thực hiện hoặc hoàn thành).

- Bước 3: Lưu và hoàn tất thiết lập: Sau khi nhập đầy đủ thông tin, người dùng tiến hành lưu dữ liệu để hệ thống ghi nhận mã công trình.

- Thứ hai, phối hợp với bộ phận kỹ thuật để xác định nhu cầu vật tư. Doanh nghiệp cần yêu cầu bộ phận kỹ thuật lập kế hoạch hoặc đề nghị cấp vật tư theo từng công trình, từng hạng mục công trình. Qua đó, kịp thời phát hiện các khoản chênh lệch, hao hụt hoặc sử dụng vật tư chưa hợp lý để có biện pháp vật tư.

- Thứ ba, thường xuyên đối chiếu vật tư thực tế và dự toán. Cụ thể, kế toán cần định kỳ đối chiếu lượng vật liệu đã xuất với khối lượng thi công thực tế và dự toán ban đầu của từng công trình. Qua đó kịp thời phát hiện các khoản chênh lệch, hao hụt hoặc sử dụng vật tư chưa hợp lý để có biện pháp xử lý.

Việc hạch toán riêng cho từng công trình cho từng công trình, thực hiện hạch toán chi phí nguyên vật liệu trực tiếp cho từng công trình sẽ giúp doanh nghiệp

phản ánh chính xác chi phí thực tế phát sinh, nâng cao độ tin cậy của thông tin kế toán và hỗ trợ hiệu quả cho công tác tính giá thành công trình xây lắp.

b. Về chi phí nhân công trực tiếp.

Hiện tại, doanh nghiệp hạch toán chung chi phí tiền lương cho nhân công làm nhiều công trình trong một tháng. Phương pháp này giúp giảm bớt khối lượng công việc kế toán nhưng chưa phản ánh chính xác chi phí nhân công trực tiếp phát sinh tại từng công trình.

Đầu tiên, doanh nghiệp nên xây dựng biện pháp theo dõi và hạch toán tiền lương cho từng công trình thông qua việc mở mã công trình trên phần mềm kế toán. Từ đó, kế toán có thể thuận tiện trong việc tập hợp và theo dõi chi phí nhân công phát sinh. Đồng thời, doanh nghiệp cần thực hiện chấm công thực tế của công nhân tại từng công trình. Đối với trường hợp công nhân tham gia thi công nhiều công trình trong cùng kỳ, kế toán có thể thực hiện phân bổ tiền lương theo số ngày công hoặc khối lượng công việc hoàn thành của từng công trình. Việc áp dụng biện pháp này sẽ giúp doanh nghiệp xác định chính xác chi phí nhân công trực tiếp của từng công trình, nâng cao độ chính xác trong công tác tính giá thành, đồng thời hỗ trợ nhà quản lý kiểm soát chi phí và đánh giá hiệu quả thi công của từng công trình một cách hiệu quả. Cụ thể như sau:

Doanh nghiệp cần tiến hành mở sổ chi tiết 1542 và quản lý mã công trình trên phần mềm kế toán MISA theo từng hợp đồng hoặc từng công trình thi công. Mỗi công trình được gán một mã riêng biệt (ví dụ: CT01, CT02,...), sử dụng xuyên suốt trong quá trình hạch toán. Việc thiết lập mã công trình giúp kế toán dễ dàng ghi nhận chi phí phát sinh theo từng đối tượng, đồng thời làm cơ sở để tập hợp và tổng hợp chi phí nhân công trực tiếp cuối kỳ.

Thứ hai, tổ chức hệ thống chấm công theo từng công trình: Doanh nghiệp cần xây dựng bảng chấm công chi tiết theo từng công trình thay vì chấm công tổng hợp theo toàn bộ đội thi công. Cụ thể:

- Mỗi công nhân được theo dõi số ngày công làm việc tại từng công trình.
- Trường hợp công nhân làm việc cho nhiều công trình trong cùng kỳ, cần ghi nhận rõ số ngày công tương ứng cho từng công trình.
- Bảng chấm công phải có xác nhận của đội trưởng hoặc chỉ huy trưởng công trình để đảm bảo tính chính xác.

- Đây là cơ sở quan trọng để thực hiện phân bổ tiền lương một cách hợp lý và minh bạch.

Thứ ba, xây dựng tiêu thức phân bổ tiền lương nhân công: Đối với các trường hợp nhân công làm việc tại nhiều công trình, doanh nghiệp áp dụng phương pháp phân bổ tiền lương theo một trong hai tiêu thức sau:

- Theo số ngày công thực tế: Tiền lương được phân bổ căn cứ vào tỷ lệ số ngày công làm việc tại từng công trình so với tổng số ngày công trong kỳ.
- Theo khối lượng công việc hoàn thành: Trường hợp công việc có thể đo lường theo khối lượng, tiền lương được phân bổ theo tỷ lệ khối lượng hoàn thành của từng công trình.

Việc lựa chọn tiêu thức phân bổ cần đảm bảo phù hợp với đặc điểm thi công và phương pháp quản lý của doanh nghiệp.

c. Về chi phí sử dụng máy thi công .

Doanh nghiệp cần thực hiện hạch toán riêng chi phí sử dụng máy thi công theo đúng quy định kế toán xây lắp nhằm nâng cao chất lượng thông tin kế toán và phục vụ tốt hơn cho công tác tính giá thành công trình.

Cụ thể, doanh nghiệp nên mở tài khoản chi tiết 1543 để theo dõi chi phí sử dụng máy thi công cho từng công trình hoặc từng loại máy thi công. Đồng thời, cần lập bảng theo dõi thời gian hoạt động của máy, nhật trình sử dụng máy và mức tiêu hao nhiên liệu thực tế để làm căn cứ tập hợp chi phí. Các khoản chi phí liên quan đến máy thi công như tiền lương công nhân điều khiển máy, chi phí nhiên liệu, khấu hao máy móc, chi phí sửa chữa và bảo dưỡng máy cần được tập hợp đầy đủ và phân bổ hợp lý cho từng công trình theo số giờ máy hoạt động hoặc khối lượng công việc thực hiện.

Ngoài ra, doanh nghiệp nên mở mã công trình riêng trên phần mềm kế toán để thuận tiện trong việc theo dõi và phân bổ chi phí máy thi công cho từng công trình cụ thể. Việc hạch toán riêng khoản mục này sẽ giúp doanh nghiệp xác định chính xác giá thành công trình, kiểm soát tốt chi phí thi công và nâng cao hiệu quả sử dụng máy móc trong quá trình sản xuất kinh doanh.

d. Về chi phí sản xuất chung.

Để nâng cao hiệu quả công tác kế toán chi phí sản xuất chung, doanh nghiệp cần thực hiện tập hợp và hạch toán các khoản chi phí sản xuất chung theo từng công trình hoặc hạng mục công trình cụ thể. Việc theo dõi chi tiết chi phí sản xuất chung sẽ giúp phản ánh chính xác mức chi phí thực tế phát sinh tại từng công trình, từ đó góp phần nâng cao trình độ chính xác của công tác tính giá thành.

Cụ thể, doanh nghiệp nên mở sổ chi tiết 1544 hoặc mã công trình riêng trên phần mềm kế toán để theo dõi chi phí sản xuất chung của từng công trình như chi phí điện nước, công cụ dụng cụ, khấu hao tài sản cố định, chi phí quản lý đội thi công và các chi phí phục vụ công trình khác. Đối với các khoản chi phí phát sinh dùng chung cho nhiều công trình, kế toán cần lựa chọn tiêu thức phân bổ phù hợp như theo chi phí nhân công trực tiếp, chi phí nguyên vật liệu trực tiếp hoặc theo dự toán của từng công trình nhằm đảm bảo việc phân bổ được hợp lý và sát với thực tế phát sinh.

Bên cạnh đó, doanh nghiệp cần tăng cường phối hợp giữa bộ phận kế toán và bộ phận kỹ thuật để thường xuyên đối chiếu chi phí thực tế với dự toán ban đầu. Việc thực hiện hạch toán riêng chi phí sản xuất chung sẽ giúp doanh nghiệp phản ánh đầy đủ chi phí thi công của từng công trình, nâng cao độ chính xác của công tác tính giá thành và hỗ trợ nhà quản lý kiểm soát chi phí hiệu quả.

3.3.2. Giải pháp kết cấu tính giá thành.

Để nâng cao hiệu quả trong công tác kế toán chi phí và tính giá thành công trình, doanh nghiệp nên tổ chức theo dõi chi tiết chi phí theo từng công trình ngay trên phần mềm kế toán bằng cách thiết lập mã vụ việc hoặc mã công trình cho từng công trình xây lắp phát sinh. Việc sử dụng mã vụ việc sẽ giúp kế toán tập hợp chi phí trực tiếp cho từng công trình ngay từ khi phát sinh nghiệp vụ, thay vì thực hiện tổng hợp và phân bổ thủ công trên Excel vào cuối kỳ.

Khi phát sinh các khoản chi phí như chi phí nguyên vật liệu, chi phí nhân công, chi phí máy thi công hoặc chi phí sản xuất chung, kế toán có thể vừa hạch toán vào TK 154 vừa lựa chọn mã vụ việc tương ứng trên phần mềm kế toán. Từ đó, hệ thống sẽ tự động theo dõi và tổng hợp chi phí theo từng công trình, hỗ trợ doanh nghiệp dễ dàng xác định chi phí dở dang, giá thành thực tế cũng như hiệu quả hoạt động của từng công trình xây lắp.

Bên cạnh đó, việc thực hiện phân bổ và tính giá thành trực tiếp trên phần mềm kế toán sẽ giúp giảm thiểu các thao tác xử lý thủ công trên Excel, hạn chế sai sót trong quá trình tính toán và nâng cao tính chính xác của số liệu kế toán. Đồng thời, dữ liệu giữa các phần hành kế toán cũng được liên kết và đồng bộ hơn, góp phần tiết kiệm thời gian đối chiếu số liệu và hỗ trợ công tác lập Báo cáo tài chính nhanh chóng, hiệu quả. Ngoài ra, việc theo dõi chi phí theo mã vụ việc còn giúp doanh nghiệp thuận lợi trong công tác quản trị nội bộ, kiểm soát chi phí của từng công trình, đánh giá hiệu quả thi công cũng như cung cấp thông tin kịp thời cho nhà quản lý trong quá trình ra quyết định.

Doanh nghiệp cần hoàn thiện công tác phân loại và hạch toán chi phí theo đúng nội dung kinh tế của từng khoản mục chi phí như chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp, chi phí sử dụng máy thi công và chi phí sản xuất chung. Các khoản chi phí phát sinh cần được tập hợp đầy đủ, kịp thời và phân bổ hợp lý cho từng công trình nhằm đảm bảo độ chính xác của số liệu giá thành. Ngoài ra, doanh nghiệp nên tăng cường công tác quản lý chứng từ, đặc biệt đối với các khoản chi phí thuê ngoài liên quan đến nhân công, máy móc và vận chuyển. Việc đảm bảo đầy đủ hóa đơn, chứng từ hợp lệ sẽ giúp kế toán ghi nhận đầy đủ chi phí thực tế phát sinh, hạn chế tình trạng thiếu chi phí trong quá trình tính giá thành công trình. Doanh nghiệp cũng cần xây dựng hệ thống theo dõi chi phí chi tiết cho từng công trình trên phần mềm kế toán nhằm hỗ trợ công tác tập hợp chi phí, đối chiếu số liệu và lập báo cáo giá thành một cách nhanh chóng và chính xác hơn. Đồng thời, bộ phận kế toán cần phối hợp chặt chẽ với bộ phận kỹ thuật và bộ phận thi công để cập nhật kịp thời tình hình phát sinh chi phí và tiến độ thực hiện công trình.

Bên cạnh đó, doanh nghiệp nên từng bước hoàn thiện phương pháp tính giá thành phù hợp với đặc điểm hoạt động xây dựng nhằm nâng cao chất lượng thông tin kế toán phục vụ cho công tác quản trị nội bộ. Việc hoàn thiện công tác kế toán tính giá thành không chỉ giúp doanh nghiệp kiểm soát tốt chi phí sản xuất mà còn góp phần nâng cao hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh và năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp trên thị trường.

3.3.3. Bộ máy kế toán.

Để nâng cao hiệu quả hoạt động của bộ máy kế toán, doanh nghiệp cần tổ chức theo phân hướng công rõ ràng chức năng, nhiệm vụ cho từng kế toán viên, đảm bảo không chồng chéo công việc. Đồng thời, cần nâng cao trình độ chuyên môn và cập

nhật kịp thời theo các quy định kế toán, thuế cho đội ngũ nhân viên. Doanh nghiệp cũng nên tăng cường ứng dụng phần mềm kế toán nhằm nâng cao hiệu quả xử lý hiệu quả xử lý thông tin và giảm sai sót. Bên cạnh đó, cần thiết lập hệ thống kiểm tra, kiểm soát nội bộ chặt chẽ, đảm bảo số liệu kế toán chính xác, trung thực và kịp thời phục vụ cho công tác quản lý.

3.3.4. Chứng từ kế toán.

Doanh nghiệp cần tăng cường kiểm tra tính hợp lệ và đầy đủ của hóa đơn, chứng từ trước khi thực hiện hạch toán nhằm đảm bảo số liệu kế toán phản ánh chính xác các nghiệp vụ kinh tế phát sinh. Đối với các khoản chi phí liên quan đến công trình như thuê máy thi công, mua nguyên vật liệu hoặc thuê nhân công, kế toán cần yêu cầu đầy đủ hóa đơn và các chứng từ liên quan theo quy định.

Bên cạnh đó, doanh nghiệp cần xây dựng quy trình luân chuyển và lưu trữ chứng từ hợp lý giữa các bộ phận nhằm hạn chế tình trạng thất lạc hoặc thiếu chứng từ trong quá trình hạch toán. Đồng thời, cần thực hiện cập nhật chứng từ kịp thời để phục vụ hiệu quả cho công tác tập hợp chi phí và tính giá thành công trình.

3.3.5. Hình thức sổ kế toán ở phần mềm.

Doanh nghiệp cần hoàn thiện hơn công tác tổ chức hệ thống sổ kế toán trên phần mềm nhằm đảm bảo việc phản ánh và quản lý số liệu được đầy đủ, chặt chẽ và khoa học hơn. Bên cạnh việc sử dụng sổ Nhật ký chung và sổ cái, kế toán cần thực hiện mở và theo dõi các sổ kế toán chi tiết cho từng khoản mục chi phí, từng công trình, vật tư nhằm phục vụ tốt hơn cho công tác quản lý và kiểm tra số liệu. Việc theo dõi chi tiết trên phần mềm sẽ giúp doanh nghiệp dễ dàng đối chiếu, kiểm tra và phát hiện sai sót trong quá trình hạch toán, đặc biệt trong điều kiện doanh nghiệp phát sinh nhiều công trình và nhiều nghiệp vụ kinh tế cùng lúc. Đồng thời, hệ thống sổ chi tiết còn góp phần nâng cao tính minh bạch của thông tin kế toán, hỗ trợ hiệu quả cho công tác tập hợp chi phí và tính giá thành công trình.

Bên cạnh đó, doanh nghiệp cần thực hiện cập nhật chứng từ và ghi sổ kế toán kịp thời, hạn chế tình trạng hạch toán dồn vào cuối kỳ gây thiếu sót hoặc chênh lệch số liệu. Kế toán cũng cần thường xuyên kiểm tra, đối chiếu giữa số liệu trên phần mềm với chứng từ thực tế nhằm đảm bảo tính chính xác và độ tin cậy của thông tin kế toán.

Và doanh nghiệp nên nâng cao trình độ chuyên môn và kỹ năng sử dụng phần mềm kế toán cho nhân viên kế toán, đồng thời khai thác đầy đủ các chức năng quản lý chi tiết trên phần mềm để phục vụ tốt hơn cho công tác quản trị tài chính và quản lý chi phí tại doanh nghiệp.

KẾT LUẬN.

Trong điều kiện nền kinh tế ngày càng phát triển và cạnh tranh gay gắt như hiện nay, công tác kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành công trình đóng vai trò đặc biệt quan trọng đối với các doanh nghiệp xây lắp. Việc tổ chức tốt công tác kế toán không chỉ giúp doanh nghiệp phản ánh chính xác tình hình chi phí, doanh thu và kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh mà còn là cơ sở để nhà quản lý đưa ra các quyết định phù hợp nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp.

Qua quá trình tìm hiểu thực tế tại doanh nghiệp, có thể thấy công tác kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành công trình nhìn chung đã được thực hiện tương đối đầy đủ, đáp ứng được yêu cầu quản lý của doanh nghiệp. Doanh nghiệp đã thực hiện tập hợp chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp và theo dõi chi phí thi công phục vụ cho công tác tính giá thành công trình. Đồng thời, hệ thống chứng từ, sổ sách kế toán cơ bản được tổ chức phù hợp với chế độ kế toán hiện hành.

Tuy nhiên, bên cạnh những ưu điểm đạt được, công tác kế toán tại doanh nghiệp vẫn còn tồn tại một số hạn chế như: chưa hạch toán riêng chi phí sản xuất chung và chi phí sử dụng máy thi công; chi phí nguyên vật liệu và chi phí nhân công còn được tập hợp chung cho nhiều công trình; việc phân bổ chi phí còn mang tính ước tính, chưa phản ánh hoàn toàn chính xác chi phí thực tế của từng công trình. Những hạn chế này có thể ảnh hưởng đến độ chính xác của công tác tính giá thành cũng như hiệu quả quản lý chi phí tại doanh nghiệp.

Từ những thực trạng trên, em đã đề xuất một số giải pháp nhằm hoàn thiện công tác kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành công trình tại doanh nghiệp như: mở mã theo dõi riêng cho từng công trình, thực hiện hạch toán chi tiết các khoản mục chi phí, lựa chọn tiêu thức phân bổ phù hợp và tăng cường phối hợp giữa bộ phận kế toán với bộ phận kỹ thuật trong quá trình theo dõi chi phí thực tế phát sinh. Những giải pháp này góp phần nâng cao tính chính xác của thông tin kế toán, hỗ trợ doanh nghiệp kiểm soát chi phí hiệu quả và nâng cao hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh.

Do thời gian nghiên cứu và kiến thức thực tế còn hạn chế nên khóa luận khó tránh khỏi những thiếu sót nhất định. Vì vậy, em rất mong nhận được sự đóng góp ý kiến của thầy cô và doanh nghiệp để bài khóa luận được hoàn thiện hơn.

DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

* Thư viện Pháp luật

* Thông tư 133/20216/TT-BTC chế độ kế toán, luật kế toán, Thông tư và Nghị định

* Gia đình kế toán

* Kế toán Anpha

* KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP NĂM 2022 ĐỀ TÀI TỔNG HỢP CHI PHÍ VÀ TÍNH GIÁ THÀNH SẢN PHẨM XÂY LẮP